

PHÒNG GD & ĐT QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS NGỌC LÂM
NĂM HỌC 2023 - 2024

Mã đề 601

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I
MÔN TOÁN – KHỐI 6

Thời gian: 90 phút

Ngày thi: tháng 12 năm 2023

Phần I: Trắc nghiệm (3 điểm): Chọn chữ cái đứng trước câu trả lời đúng và viết ra giấy kiểm tra:

Câu 1. Trong các số 7 ; 8; 9; 10 số nguyên tố là:

- A. 9 B. 7 C. 8 D. 10

Câu 2. Cách sắp xếp các số: - 2023 ; 7 ; 0; - 109 theo thứ tăng dần là:

- A. - 2023; 7; 0; - 109 B. - 2023; 0; 7; -109
C. - 2023; - 109; 7; 0 D. - 2023; - 109; 0; 7

Câu 3. Kết quả của phép tính $(-20) + 10$ là:

- A. - 10 B. - 30 C. 10 D. 30

Câu 4. Phân tích số 54 ra thừa số nguyên tố được:

- A. $54=2.3^2$ B. $54=3.2^3$ C. $54=2.3^3$ D. $54=3.2^2$

Câu 5. ƯCLN(12,36) bằng:

- A.15 B.30. C.6. D.12.

Câu 6. Kết quả phép tính nào sau đây đúng?

- A. $2^5: 2^2 = 2^3$ B. $2^5: 2^2 = 2^7$
C. $2^5: 2^2 = 2^{10}$ D. $2^5: 2^2 = 2$

Câu 7. Tập hợp các bội của 12 là :

- A. $\{1;12;24;36;...\}$ B. $\{0;12;24;36\}$
C. $\{0;12;24;36;...\}$ D. $\{0;24;36;48;...\}$

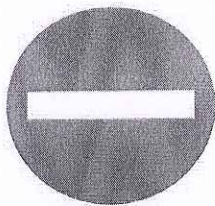
Câu 8. Cho $\overline{630*}$ chia hết cho 5 và 9 thì * là:

- A. 9 B. 0. C. 5. D. 3.

Câu 9. Bác Mai cần dùng bao nhiêu mét dây thép để uốn thành một móc treo đồ có dạng hình thoi với độ dài một cạnh là 25cm ?

- A. 1m B. 10m C.50cm D. 125cm

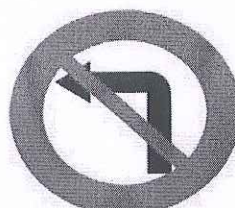
Câu 10. Biển báo giao thông nào **không** có trục đối xứng ?



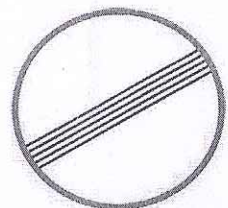
Hình 1: Biển cấm đi ngược chiều



Hình 2: Biển cấm đỗ xe



Hình 3: Biển cấm rẽ



Hình 4: Biển hết tất cả các lệnh cấm

A. Hình 1

B. Hình 2

C. Hình 3

D. Hình 4

Câu 11. Chọn câu đúng

- A. Hình thang cân có các cạnh bên song song B. Hình thoi có hai đường chéo vuông góc
C. Hình bình hành có bốn góc bằng nhau D. Hình chữ nhật có bốn cạnh bằng nhau

Câu 12. Hình có một trục đối xứng là:

- A. Hình chữ nhật. B. Hình bình hành.
C. Hình thoi. D. Hình thang cân.

Phần II: Tự luận (7 điểm)

Bài 1 (1,5 điểm): Thực hiện phép tính:

a) $-147 + 278 + 147 - 78$

b) $46.86 + 46.33 - 46.19$

c) $2^2 \cdot (2023^0 + 24) - 245$

Bài 2 (1,5 điểm): Tìm số nguyên x:

a) $5 + x = -12$

b) $11 - 2(x - 7) = 3^3$

c) $(2x + 10)(x^2 - 16) = 0$

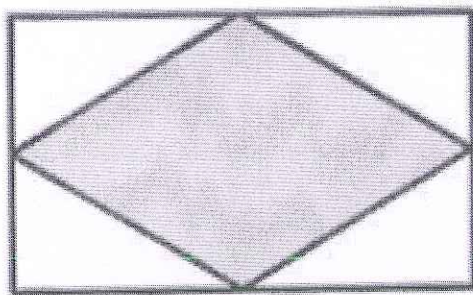
Bài 3 (2,5 điểm)

3.1. Một chiếc tàu ngầm đang thám hiểm đại dương ở độ cao -123m so với mực nước biển. Sau khi hoàn thành nhiệm vụ, tàu nổi cao lên thêm 82m. Tính độ cao mới của tàu ngầm so với mực nước biển.

3.2. Số học sinh khối 6 của một trường là một số tự nhiên có ba chữ số. Biết rằng mỗi khi xếp hàng 18 học sinh, hàng 21 học sinh, hàng 24 học sinh đều thì vừa đủ (không có hàng nào thiếu, không có học sinh ở ngoài hàng). Tính số học sinh khối 6 của trường đó?

Bài 4 (1 điểm)

Mảnh vườn hình chữ nhật nhà bác An có chiều dài 8m, chiều rộng 5m. Bác An định trồng hoa hồng trong một mảnh đất hình thoi như hình bên dưới để trang trí ngày tết. Nếu mỗi mét vuông trồng 4 cây hoa thì bác An cần mua bao nhiêu cây hoa hồng để trồng trên mảnh đất hình thoi đó?



Bài 5 (0,5 điểm)

Tìm tất cả các số nguyên tố p sao cho $p+2$, $p+4$ cũng là số nguyên tố.

Phần I: Trắc nghiệm (3 điểm): Chọn chữ cái đứng trước câu trả lời đúng và viết ra giấy kiểm tra:

Câu 1. Kết quả của phép tính $10 + (-40)$ là:

- A. 30 B. 50 C. - 50 D. - 30

Câu 2. Phân tích số 56 ra thừa số nguyên tố được:

- A. $56 = 2^3 \cdot 7$ B. $56 = 2^2 \cdot 7$ C. $56 = 2 \cdot 7^2$ D. $56 = 2 \cdot 7^3$

Câu 3. Trong các số 6; 7; 8; 9 số nguyên tố là:

- A. 6 B. 7 C. 8 D. 9

Câu 4. Cách sắp xếp các số: - 2024 ; 2023 ; 0; - 200 theo thứ tự tăng dần là:

- A. - 2024; -200; 0; 2023 B. - 2024; 0; 2023; -200
C. - 2024; 2023; 0; -200 D. - 2023; - 200; 2023; 0

Câu 5. Cho $570 \cdot *$ chia hết cho 5 và 9 thì * là:

- A. 9 B. 6. C. 0. D. 3.

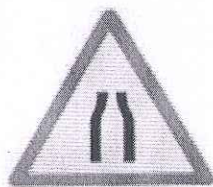
Câu 6. Bác Mai cần dùng bao nhiêu mét dây thép để uốn thành một móc treo đồ có dạng hình thoi với độ dài một cạnh là 50 cm ?

- A. 1m B. 2m C. 20cm D. 500cm

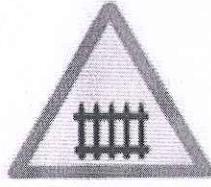
Câu 7. ƯCLN(15;30) bằng:

- A. 15 B. 30. C. 5. D. 3.

Câu 8. Biển báo giao thông nào **không** có trục đối xứng ?



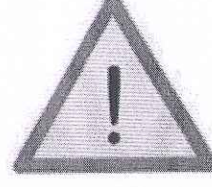
a)



b)



c)



d)

A. Hình a)

B. Hình b)

C. Hình c)

D. Hình d)

Câu 9. Kết quả phép tính nào sau đây đúng?

- A. $3^5 \cdot 3^2 = 3^3$ B. $3^5 \cdot 3^2 = 3^7$
C. $3^5 \cdot 3^2 = 3^{10}$ D. $3^5 \cdot 3^2 = 3$

Câu 10. Tập hợp các bội của 15 là :

- A. $\{1; 15; 30; 45; \dots\}$ B. $\{1; 3; 5; 15\}$
C. $\{0; 15; 30; 45; \dots\}$ D. $\{0; 15; 30; 35; \dots\}$

Câu 11. Chọn câu đúng

- A. Hình thang cân có hai cạnh bên bằng nhau B. Hình thoi có hai đường chéo bằng nhau
C. Hình bình hành có bốn góc bằng nhau D. Hình chữ nhật có bốn cạnh bằng nhau

Câu 12. Hình nào dưới đây có đúng hai trục đối xứng:

- A. Hình chữ nhật. B. Hình bình hành.
C. Hình vuông. D. Hình thang cân.



Phần II: Tự luận (7 điểm)**Bài 1 (1,5 điểm):** Thực hiện phép tính:

a) $-253 + 335 + 253 - 35$

b) $31.105 - 31.50 + 31.45$

c) $5^2 \cdot (2024^0 + 3) - 155$

Bài 2 (1,5 điểm): Tìm số nguyên x:

a) $x + 3 = -20$

b) $25 - 3(x - 6) = 4^3$

c) $(2x + 6)(x^2 - 4) = 0$

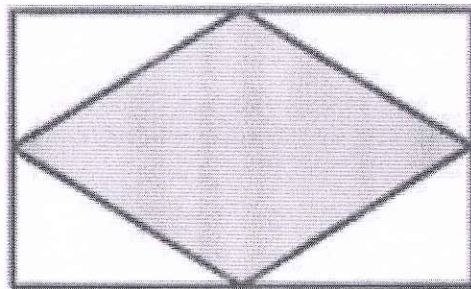
Bài 3 (2,5 điểm)

3.1. Một chiếc tàu ngầm đang di chuyển ở độ cao - 157m so với mực nước biển. Sau khi hoàn thành nhiệm vụ thám hiểm, tàu nổi cao lên thêm 35m. Tính độ cao mới của tàu ngầm so với mực nước biển.

3.2. Số học sinh khối 6 của một trường khi xếp hàng 18 học sinh, hàng 20 học sinh, hàng 36 học sinh đều thì vừa đủ (không có hàng nào thiếu, không có học sinh ở ngoài hàng). Tính số học sinh khối 6 của trường đó? Biết rằng số học sinh trong khoảng 700 đến 800 em.

Bài 4 (1 điểm)

Mảnh vườn hình chữ nhật nhà bác Bình có chiều dài 10m, chiều rộng 6m. Bác Bình định trồng hoa lan trong một mảnh đất hình thoi như hình bên dưới để trang trí ngày tết. Nếu mỗi mét vuông trồng 3 cây hoa thì bác Bình cần mua bao nhiêu cây hoa lan để trồng trên mảnh đất hình thoi đó?

**Bài 5 (0,5 điểm)**

Tìm tất cả các số nguyên tố p sao cho $p + 8$, $p + 10$ cũng là số nguyên tố.



PHÒNG GD & ĐT QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS NGỌC LÂM
NĂM HỌC 2023 - 2024

ĐỀ KIỂM TRA THI HỌC KÌ I
MÔN TIN HỌC 6
Thời gian: 45 phút

Mã đề 601

Phần I: Trắc nghiệm (5 điểm):

Viết lại chữ cái đứng trước câu trả lời đúng vào giấy kiểm tra

Câu 1. Nút  trên trình duyệt web có nghĩa là:

- A. Quay về trang liên trước.
- B. Xem lại trang hiện tại.
- C. Quay về trang chủ.
- D. Đi đến trang liên sau.

Câu 2. Trong các tên sau đây, tên nào không phải là tên của trình duyệt web?

- A. Google Chrome.
- B. Internet Explorer.
- C. Mozilla Firefox.
- D. VMndows Explorer.

Câu 3. Khi truy cập vào các trang web, em sẽ mở được các trang web mình yêu thích và muốn lưu lại để có thể mở trang web đó một cách nhanh chóng, dễ dàng. Để lưu lại địa chỉ các trang web này, em thực hiện:

- A. nhấp chuột vào biểu tượng trên thanh tiêu đề.
- B. nhấp chuột vào biểu tượng trên thanh công cụ.
- C. nhấp chuột vào biểu tượng đánh dấu trang.
- D. nhấp chuột vào biểu tượng trên dải lệnh Home.

Câu 4. Để kết nối với Internet, máy tính phải được cài đặt và cung cấp dịch vụ bởi

- A. người quản trị mạng máy tính.
- B. một máy tính khác.
- C. người quản trị mạng xã hội.
- D. nhà cung cấp dịch vụ Internet.

Câu 5. Người dùng có thể tiếp cận và chia sẻ thông tin một cách nhanh chóng, tiện lợi, không phụ thuộc vào vị trí địa lý khi người dùng kết nối vào đâu?

- A. Mạng máy tính.
- B. Máy tính.
- C. Laptop.
- D. Internet.

Câu 6. Địa chỉ trang web nào sau đây là hợp lệ?

- A. https \: www.tienphong.vn.
- B. www \ \ tienphong.vn.
- C. https://www.tienphong.vn.
- D. https://haiha002@gmail.com.

Câu 7. Một số trình duyệt web phổ biến hiện nay:

- A. Internet Explorer (IE), Mozilla Firefox (Firefox), Word, Excel,...
- B. Internet Explorer (IE), Mozilla Firefox (Firefox), yahoo, google,...
- C. Google Chorme, Cốc Cốc, Mozilla Firefox, UC Browse, ...
- D. Internet Explorer (IE), Mozilla Firefox (Firefox), Word,...

Câu 8. Mạng thông tin toàn cầu có tên tiếng anh là

- A. Hypertext.
- B. Homepage.
- C. World Wide Web (WWW).
- D. Website.

Câu 9. Thiết bị nào sau đây không phải là thiết bị đầu cuối?

- A. Máy tính để bàn.
- B. Máy in.
- C. Máy chủ.
- D. Bộ định tuyến không dây.

Câu 10. Cách nhanh nhất để tìm thông tin trên WWW mà không biết địa chỉ là

- A. di chuyển lần theo đường liên kết của các trang web.
- B. sử dụng máy tìm kiếm để tìm kiếm với từ khoá.
- C. hỏi địa chỉ người khác rồi ghi ra giấy, sau đó nhập địa chỉ vào thanh địa chỉ.
- D. nhờ người khác tìm hộ.

Câu 11. Các máy tính được kết nối với nhau để

- A. tiết kiệm.
- B. thuận tiện cho việc sửa chữa.
- C. dễ sử dụng hơn.
- D. chia sẻ thiết bị, tài nguyên.

Câu 12. Để tìm kiếm thông tin về lớp vỏ Trái Đất, em sử dụng từ khóa nào sau đây để thu hẹp phạm vi tìm kiếm?

- A. Trái Đất.
- B. “lớp vỏ Trái Đất”.
- C. “lớp vỏ”.
- D. Lớp vỏ Trái Đất.

Câu 13. Phát biểu nào sau đây là đúng?

- A. Internet chỉ là mạng kết nối các trang thông tin trên phạm vi toàn cầu.
- B. Internet là mạng truyền hình kết nối các thiết bị nghe nhìn trong phạm vi một quốc gia.
- C. Internet là mạng kết nối các thiết bị có sử dụng chung nguồn điện.
- D. Internet là một mạng các máy tính liên kết với nhau trên toàn cầu.

Câu 14. Dây bit là gì?

- A. Là một dãy chỉ gồm chữ số 2.
- B. Là dãy những chữ số từ 0 đến 9.
- C. Là dãy các kí hiệu 0 và 1.
- D. Là âm thanh phát ra từ máy tính.

Câu 15. Mạng thông tin toàn cầu là gì?

- A. Một trò chơi máy tính.
- B. Một phần mềm máy tính.
- C. Một hệ thống các website trên Internet cho phép người sử dụng xem và chia sẻ thông tin qua các trang web được liên kết với nhau.
- D. Tên khác của Internet.

Câu 16. Từ khoá là gì?

- A. là tập hợp các từ mà máy tìm kiếm quy định trước.
- B. là một từ hoặc cụm từ liên quan đến nội dung cần tìm kiếm do người sử dụng cung cấp.
- C. là từ mô tả chiếc chìa khoá.
- D. là một biểu tượng trong máy tìm kiếm.

Câu 17. Một thẻ nhớ 4 GB lưu trữ được khoảng bao nhiêu ảnh 512 KB?

- A. 2 nghìn ảnh.
- B. 8 nghìn ảnh.
- C. 8 triệu ảnh.
- D. 4 nghìn ảnh.

Câu 18. Phần mềm giúp người sử dụng truy cập các trang web trên Internet gọi là gì?

- A. Website.
- B. Địa chỉ web.
- C. Công cụ tìm kiếm.
- D. Trình duyệt web.

Câu 19. Để tải 1 hình ảnh trên trang web về máy tính, em nhấp chuột phải vào hình đó và chọn

- A. Sao chép địa chỉ hình ảnh.
- B. Lưu hình ảnh thành
- C. Sao chép địa chỉ liên kết.
- D. Lưu liên kết thành....

Câu 20. Tên nào sau đây là tên của máy tìm kiếm?

- A. VMndows Explorer.
- B. Excel.
- C. Word.
- D. Google.

Phần II: Tự luận (5 điểm):

Bài 1 (2 điểm): Để truy cập một trang web ta cần làm thế nào?

Bài 2 (2 điểm): Máy tìm kiếm là gì? Từ khóa là gì?

Bài 3 (1 điểm): Nêu các bước để thực hiện tìm kiếm: *Nội dung ôn tập cuối kỳ I môn Tin học.*

----- HẾT -----

PHÒNG GD & ĐT QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS NGỌC LÂM
NĂM HỌC 2023 - 2024

ĐỀ KIỂM TRA THI HỌC KÌ I
MÔN TIN HỌC 6
Thời gian: 45 phút

Mã đề 602

Phần I: Trắc nghiệm (5 điểm):

Viết lại chữ cái đứng trước câu trả lời đúng vào giấy kiểm tra

Câu 1. Để tìm kiếm thông tin về lớp vỏ Trái Đất, em sử dụng từ khóa nào sau đây để thu hẹp phạm vi tìm kiếm?

A. Lớp vỏ Trái Đất.

C. “lớp vỏ” .

B. “lớp vỏ Trái Đất”.

D. Trái Đất.

Câu 2. Trong các tên sau đây, tên nào không phải là tên của trình duyệt web?

A. VMndows Explorer.

C. Google Chrome.

B. Internet Explorer.

D. Mozilla Firefox.

Câu 3. Tên nào sau đây là tên của máy tìm kiếm?

A. Word.

B. VMndows Explorer.

C. Excel.

D. Google.

Câu 4. Phần mềm giúp người sử dụng truy cập các trang web trên Internet gọi là gì?

A. Website.

B. Công cụ tìm kiếm.

C. Địa chỉ web.

D. Trình duyệt web.

Câu 5. Từ khoá là gì?

A. là tập hợp các từ mà máy tìm kiếm quy định trước.

B. là một từ hoặc cụm từ liên quan đến nội dung cần tìm kiếm do người sử dụng cung cấp.

C. là từ mô tả chiếc chìa khoá.

D. là một biểu tượng trong máy tìm kiếm.

Câu 6. Thiết bị nào sau đây không phải là thiết bị đầu cuối?

A. Máy in.

B. Máy chủ.

C. Bộ định tuyến không dây.

D. Máy tính để bàn.

Câu 7. Một thẻ nhớ 4 GB lưu trữ được khoảng bao nhiêu ảnh 512 KB?

A. 8 nghìn ảnh.

B. 4 nghìn ảnh.

C. 8 triệu ảnh.

D. 2 nghìn ảnh.

Câu 8. Người dùng có thể tiếp cận và chia sẻ thông tin một cách nhanh chóng, tiện lợi, không phụ thuộc vào vị trí địa lý khi người dùng kết nối vào đâu?

A. Laptop.

B. Internet.

C. Mạng máy tính.

D. Máy tính.

Câu 9. Mạng thông tin toàn cầu là gì?

A. Một phần mềm máy tính.

B. Một trò chơi máy tính.

C. Một hệ thống các website trên Internet cho phép người sử dụng xem và chia sẻ thông tin qua các trang web được liên kết với nhau.

D. Tên khác của Internet.

Câu 10. Mạng thông tin toàn cầu có tên tiếng anh là

A. World Wide Web (WWW).

B. Hypertext.

C. Website.

D. Homepage.

Câu 11. Nút  trên trình duyệt web có nghĩa là:

A. Quay về trang chủ.

B. Quay về trang liền trước.

C. Xem lại trang hiện tại.

D. Đi đến trang liền sau.

Câu 12. Các máy tính được kết nối với nhau để

A. chia sẻ thiết bị, tài nguyên.

B. dễ sử dụng hơn.

C. thuận tiện cho việc sửa chữa.

D. tiết kiệm.

Câu 13. Khi truy cập vào các trang web, em sẽ mở được các trang web mình yêu thích và muốn lưu lại để có thể mở trang web đó một cách nhanh chóng, dễ dàng. Để lưu lại địa chỉ các trang web này, em thực hiện:

- A. nháy chuột vào biểu tượng trên thanh công cụ.
- B. nháy chuột vào biểu tượng trên thanh tiêu đề.
- C. nháy chuột vào biểu tượng đánh dấu trang.
- D. nháy chuột vào biểu tượng trên dải lệnh Home.

Câu 14. Địa chỉ trang web nào sau đây là hợp lệ?

- A. [https \\: www.tienphong.vn](https:\\:www.tienphong.vn).
- B. [www \\ tienphong.vn](http://www.tienphong.vn).
- C. <https://www.tienphong.vn>.
- D. <https://haiha002@gmail.com>.

Câu 15. Một số trình duyệt web phổ biến hiện nay:

- A. Google Chorme, Cốc Cốc, Mozilla Firefox, UC Browse, ...
- B. Internet Explorer (IE), Mozilla Firefox (Firefox), Word,...
- C. Internet Explorer (IE), Mozilla Firefox (Firefox), Word, Excel,...
- D. Internet Explorer (IE), Mozilla Firefox (Firefox), yahoo, google,...

Câu 16. Để tải 1 hình ảnh trên trang web về máy tính, em nháy chuột phải vào hình đó và chọn

- A. Sao chép địa chỉ liên kết.
- B. Lưu hình ảnh thành
- C. Sao chép địa chỉ hình ảnh.
- D. Lưu liên kết thành....

Câu 17. Để kết nối với Internet, máy tính phải được cài đặt và cung cấp dịch vụ bởi

- A. người quản trị mạng xã hội.
- B. nhà cung cấp dịch vụ Internet.
- C. người quản trị mạng máy tính.
- D. một máy tính khác.

Câu 18. Cách nhanh nhất để tìm thông tin trên WWW mà không biết địa chỉ là

- A. hỏi địa chỉ người khác rồi ghi ra giấy, sau đó nhập địa chỉ vào thanh địa chỉ.
- B. di chuyển lần theo đường liên kết của các trang web.
- C. nhờ người khác tìm hộ.
- D. sử dụng máy tìm kiếm để tìm kiếm với từ khoá.

Câu 19. Dây bit là gì?

- A. Là dãy những chữ số từ 0 đến 9.
- B. Là âm thanh phát ra từ máy tính.
- C. Là một dãy chỉ gồm chữ số 2.
- D. Là dãy các kí hiệu 0 và 1.

Câu 20. Phát biểu nào sau đây là đúng?

- A. Internet là một mạng các máy tính liên kết với nhau trên toàn cầu.
- B. Internet là mạng kết nối các thiết bị có sử dụng chung nguồn điện.
- C. Internet là mạng truyền hình kết nối các thiết bị nghe nhìn trong phạm vi một quốc gia.
- D. Internet chỉ là mạng kết nối các trang thông tin trên phạm vi toàn cầu.

Phần II: Tự luận (5 điểm):

Bài 1 (2 điểm): Internet là gì? Nêu các lợi ích của internet?

Bài 2 (2 điểm): Trình duyệt là gì? Hãy kể tên một số trình duyệt mà em biết?

Bài 3 (1 điểm): Nêu các bước để thực hiện tìm kiếm: *Vai trò của tầng ozon.*

----- HẾT -----

PHÒNG GD & ĐT QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS NGỌC LÂM
NĂM HỌC 2023 - 2024

ĐỀ KIỂM TRA THI HỌC KÌ I
MÔN TIN HỌC 6
Thời gian: 45 phút

Mã đề 603

Phần I: Trắc nghiệm (5 điểm):

Viết lại chữ cái đứng trước câu trả lời đúng vào giấy kiểm tra

Câu 1. Dãy bit là gì?

- A. Là dãy những chữ số từ 0 đến 9. B. Là một dãy chỉ gồm chữ số 2.
C. Là dãy các kí hiệu 0 và 1. D. Là âm thanh phát ra từ máy tính.

Câu 2. Các máy tính được kết nối với nhau để

- A. tiết kiệm. B. dễ sử dụng hơn.
C. chia sẻ thiết bị, tài nguyên. D. thuận tiện cho việc sửa chữa.

Câu 3. Phần mềm giúp người sử dụng truy cập các trang web trên Internet gọi là gì?

- A. Công cụ tìm kiếm. B. Website. C. Trình duyệt web. D. Địa chỉ web.

Câu 4. Khi truy cập vào các trang web, em sẽ mở được các trang web mình yêu thích và muốn lưu lại để có thể mở trang web đó một cách nhanh chóng, dễ dàng. Để lưu lại địa chỉ các trang web này, em thực hiện:

- A. nhấp chuột vào biểu tượng trên thanh công cụ.
B. nhấp chuột vào biểu tượng trên dải lệnh Home.
C. nhấp chuột vào biểu tượng đánh dấu trang.
D. nhấp chuột vào biểu tượng trên thanh tiêu đề.

Câu 5. Phát biểu nào sau đây là đúng?

- A. Internet là mạng truyền hình kết nối các thiết bị nghe nhìn trong phạm vi một quốc gia.
B. Internet là một mạng các máy tính liên kết với nhau trên toàn cầu.
C. Internet chỉ là mạng kết nối các trang thông tin trên phạm vi toàn cầu.
D. Internet là mạng kết nối các thiết bị có sử dụng chung nguồn điện.

Câu 6. Nút  trên trình duyệt web có nghĩa là:

- A. Đi đến trang liên sau. B. Xem lại trang hiện tại.
C. Quay về trang liên trước. D. Quay về trang chủ.

Câu 7. Mạng thông tin toàn cầu là gì?

- A. Tên khác của Internet.
B. Một trò chơi máy tính.
C. Một hệ thống các website trên Internet cho phép người sử dụng xem và chia sẻ thông tin qua các trang web được liên kết với nhau.
D. Một phần mềm máy tính.

Câu 8. Một thẻ nhớ 4 GB lưu trữ được khoảng bao nhiêu ảnh 512 KB?

- A. 4 nghìn ảnh. B. 2 nghìn ảnh. C. 8 nghìn ảnh. D. 8 triệu ảnh.

Câu 9. Địa chỉ trang web nào sau đây là hợp lệ?

- A. www \ tienphong.vn. B. https \: www.tienphong.vn.
C. https://www.tienphong.vn. D. https://haiha002@gmail.com.

Câu 10. Cách nhanh nhất để tìm thông tin trên WWW mà không biết địa chỉ là

- A. nhờ người khác tìm hộ.
B. di chuyển lần theo đường liên kết của các trang web.
C. hỏi địa chỉ người khác rồi ghi ra giấy, sau đó nhập địa chỉ vào thanh địa chỉ.
D. sử dụng máy tìm kiếm để tìm kiếm với từ khoá.

Câu 11. Trong các tên sau đây, tên nào không phải là tên của trình duyệt web?

- A. Google Chrome. B. Mozilla Firefox.
C. VMndows Explorer. D. Internet Explorer.

- Câu 12.** Thiết bị nào sau đây không phải là thiết bị đầu cuối?
 A. Máy in. B. Bộ định tuyến không dây.
 C. Máy chủ. D. Máy tính để bàn.
- Câu 13.** Tên nào sau đây là tên của máy tìm kiếm?
 A. Word. B. Google. C. Excel. D. VMndows Explorer.
- Câu 14.** Người dùng có thể tiếp cận và chia sẻ thông tin một cách nhanh chóng, tiện lợi, không phụ thuộc vào vị trí địa lý khi người dùng kết nối vào đâu?
 A. Máy tính. B. Internet. C. Laptop. D. Mạng máy tính.
- Câu 15.** Một số trình duyệt web phổ biến hiện nay:
 A. Internet Explorer (IE), Mozilla Firefox (Firefox), yahoo, google,...
 B. Google Chorme, Cốc Cốc, Mozilla Firefox, UC Browse, ...
 C. Internet Explorer (IE), Mozilla Firefox (Firefox), Word, Excel,...
 D. Internet Explorer (IE), Mozilla Firefox (Firefox), Word,...
- Câu 16.** Để kết nối với Internet, máy tính phải được cài đặt và cung cấp dịch vụ bởi
 A. nhà cung cấp dịch vụ Internet. B. người quản trị mạng máy tính.
 C. một máy tính khác. D. người quản trị mạng xã hội.
- Câu 17.** Để tải 1 hình ảnh trên trang web về máy tính, em nháy chuột phải vào hình đó và chọn
 A. Sao chép địa chỉ hình ảnh. B. Lưu liên kết thành....
 C. Sao chép địa chỉ liên kết. D. Lưu hình ảnh thành
- Câu 18.** Mạng thông tin toàn cầu có tên tiếng anh là
 A. Website. B. World Wide Web (WWW).
 C. Homepage. D. Hypertext.
- Câu 19.** Để tìm kiếm thông tin về lớp vỏ Trái Đất, em sử dụng từ khóa nào sau đây để thu hẹp phạm vi tìm kiếm?
 A. Trái Đất. B. Lớp vỏ Trái Đất.
 C. "lớp vỏ Trái Đất". D. "lớp vỏ" .
- Câu 20.** Từ khoá là gì?
 A. là một biểu tượng trong máy tìm kiếm.
 B. là từ mô tả chiếc chìa khoá.
 C. là tập hợp các từ mà máy tìm kiếm quy định trước.
 D. là một từ hoặc cụm từ liên quan đến nội dung cần tìm kiếm do người sử dụng cung cấp.

Phần II: Tự luận (5 điểm):

Bài 1 (2 điểm): Để truy cập một trang web ta cần làm thế nào?

Bài 2 (2 điểm): Máy tìm kiếm là gì? Từ khóa là gì?

Bài 3 (1 điểm): Nêu các bước để thực hiện tìm kiếm: *Thông tin về Văn Miếu – Quốc Tử Giám.*

----- HẾT -----

Mã đề 604

Phần I: Trắc nghiệm (5 điểm):

Viết lại chữ cái đứng trước câu trả lời đúng vào giấy kiểm tra

Câu 1. Mạng thông tin toàn cầu là gì?

- A. Một phần mềm máy tính.
- B. Một trò chơi máy tính.
- C. Một hệ thống các website trên Internet cho phép người sử dụng xem và chia sẻ thông tin qua các trang web được liên kết với nhau.
- D. Tên khác của Internet.

Câu 2. Nút  trên trình duyệt web có nghĩa là:

- A. Xem lại trang hiện tại.
- B. Quay về trang chủ.
- C. Quay về trang liền trước.
- D. Đi đến trang liền sau.

Câu 3. Trong các tên sau đây, tên nào không phải là tên của trình duyệt web?

- A. Internet Explorer.
- B. Mozilla Firefox.
- C. Google Chrome.
- D. VMndows Explorer.

Câu 4. Các máy tính được kết nối với nhau để

- A. chia sẻ thiết bị, tài nguyên.
- B. thuận tiện cho việc sửa chữa.
- C. tiết kiệm.
- D. dễ sử dụng hơn.

Câu 5. Để kết nối với Internet, máy tính phải được cài đặt và cung cấp dịch vụ bởi

- A. người quản trị mạng xã hội.
- B. nhà cung cấp dịch vụ Internet.
- C. một máy tính khác.
- D. người quản trị mạng máy tính.

Câu 6. Người dùng có thể tiếp cận và chia sẻ thông tin một cách nhanh chóng, tiện lợi, không phụ thuộc vào vị trí địa lý khi người dùng kết nối vào đâu?

- A. Mạng máy tính.
- B. Internet.
- C. Laptop.
- D. Máy tính.

Câu 7. Địa chỉ trang web nào sau đây là hợp lệ?

- A. <https://www.tienphong.vn>.
- B. [www \\\ tienphong.vn](http://www.tienphong.vn).
- C. [https \\\: www.tienphong.vn](https://www.tienphong.vn).
- D. <https://haiha002@gmail.com>.

Câu 8. Một thẻ nhớ 4 GB lưu trữ được khoảng bao nhiêu ảnh 512 KB?

- A. 4 nghìn ảnh.
- B. 2 nghìn ảnh.
- C. 8 nghìn ảnh.
- D. 8 triệu ảnh.

Câu 9. Một số trình duyệt web phổ biến hiện nay:

- A. Internet Explorer (IE), Mozilla Firefox (Firefox), Word, Excel,...
- B. Internet Explorer (IE), Mozilla Firefox (Firefox), yahoo, google,...
- C. Google Chorme, Cốc Cốc, Mozilla Firefox, UC Browse, ...
- D. Internet Explorer (IE), Mozilla Firefox (Firefox), Word,...

Câu 10. Khi truy cập vào các trang web, em sẽ mở được các trang web mình yêu thích và muốn lưu lại để có thể mở trang web đó một cách nhanh chóng, dễ dàng. Để lưu lại địa chỉ các trang web này, em thực hiện:

- A. nhấp chuột vào biểu tượng trên dải lệnh Home.
- B. nhấp chuột vào biểu tượng đánh dấu trang.
- C. nhấp chuột vào biểu tượng trên thanh tiêu đề.
- D. nhấp chuột vào biểu tượng trên thanh công cụ.

Câu 11. Phát biểu nào sau đây là đúng?

- A. Internet chỉ là mạng kết nối các trang thông tin trên phạm vi toàn cầu.
- B. Internet là mạng kết nối các thiết bị có sử dụng chung nguồn điện.
- C. Internet là mạng truyền hình kết nối các thiết bị nghe nhìn trong phạm vi một quốc gia.

- D. Internet là một mạng các máy tính liên kết với nhau trên toàn cầu.
- Câu 12.** Thiết bị nào sau đây không phải là thiết bị đầu cuối?
- A. Máy in. B. Bộ định tuyến không dây.
C. Máy tính để bàn. D. Máy chủ.
- Câu 13.** Dây bit là gì?
- A. Là dây các kí hiệu 0 và 1. B. Là một dây chỉ gồm chữ số 2.
C. Là dây những chữ số từ 0 đến 9. D. Là âm thanh phát ra từ máy tính.
- Câu 14.** Phần mềm giúp người sử dụng truy cập các trang web trên Internet gọi là gì?
- A. Website. B. Địa chỉ web. C. Công cụ tìm kiếm. D. Trình duyệt web.
- Câu 15.** Mạng thông tin toàn cầu có tên tiếng anh là
- A. World Wide Web (WWW). B. Hypertext.
C. Homepage. D. Website.
- Câu 16.** Cách nhanh nhất để tìm thông tin trên WWW mà không biết địa chỉ là
- A. sử dụng máy tìm kiếm để tìm kiếm với từ khoá.
B. di chuyển lần theo đường liên kết của các trang web.
C. nhờ người khác tìm hộ.
D. hỏi địa chỉ người khác rồi ghi ra giấy, sau đó nhập địa chỉ vào thanh địa chỉ.
- Câu 17.** Từ khoá là gì?
- A. là một biểu tượng trong máy tìm kiếm.
B. là từ mô tả chiếc chìa khoá.
C. là tập hợp các từ mà máy tìm kiếm quy định trước.
D. là một từ hoặc cụm từ liên quan đến nội dung cần tìm kiếm do người sử dụng cung cấp.
- Câu 18.** Để tải 1 hình ảnh trên trang web về máy tính, em nháy chuột phải vào hình đó và chọn
- A. Sao chép địa chỉ liên kết. B. Sao chép địa chỉ hình ảnh.
C. Lưu hình ảnh thành D. Lưu liên kết thành....
- Câu 19.** Tên nào sau đây là tên của máy tìm kiếm?
- A. Excel. B. Word. C. Google. D. VMndows Explorer.
- Câu 20.** Để tìm kiếm thông tin về lớp vỏ Trái Đất, em sử dụng từ khóa nào sau đây để thu hẹp phạm vi tìm kiếm?
- A. Lớp vỏ Trái Đất. B. Trái Đất.
C. "lớp vỏ Trái Đất". D. "lớp vỏ" .

Phần II: Tự luận (5 điểm):

Bài 1 (2 điểm): Trình duyệt là gì? Hãy kể tên một số trình duyệt mà em biết?

Bài 2 (2 điểm): Internet là gì? Nêu các đặc điểm của internet?

Bài 3 (1 điểm): Nêu các bước để thực hiện tìm kiếm: *Thông tin về thời tiết ở Hà Nội.*

----- HẾT -----

Phần I: Trắc nghiệm (5 điểm):

Viết lại chữ cái đứng trước câu trả lời đúng vào giấy kiểm tra:

Câu 1. Trang phục có vai trò nào sau đây?

- A. Che chở cho con người.
- B. Góp phần tôn lên vẻ đẹp của con người.
- C. Bảo vệ cơ thể con người khỏi tác hại của thời tiết.
- D. Che chở cho con người; bảo vệ cơ thể con người khỏi tác hại của thời tiết; góp phần tôn lên vẻ đẹp của con người.

Câu 2. Chất dinh dưỡng nào là nguồn cung cấp năng lượng chủ yếu cho mọi hoạt động của cơ thể?

- A. Chất béo.
- B. Chất đạm.
- C. Vitamin.
- D. Chất đường bột.

Câu 3. Ăn đúng bữa là ăn mỗi ngày ba bữa chính, các bữa chính cách nhau khoảng:

- A. Không quy định.
- B. 3 giờ.
- C. 4 – 5 giờ
- D. 7 giờ.

Câu 4. Thực phẩm hư hỏng do những nguyên nhân nào?

- A. Không bảo quản thực phẩm kỹ.
- B. Để thực phẩm lâu ngày.
- C. Thực phẩm hết hạn sử dụng.
- D. Để thực phẩm lâu ngày, không bảo quản thực phẩm kỹ, thực phẩm hết hạn sử dụng.

Câu 5. Cách làm nào dưới đây giúp tiết kiệm điện khi sử dụng tủ lạnh?

- A. Sử dụng tủ lạnh có dung tích lớn cho gia đình ít người.
- B. Cất thức ăn còn nóng vào tủ lạnh.
- C. Không đóng chặt cửa tủ lạnh khiến hơi lạnh thất thoát ra ngoài.
- D. Hạn chế số lần và thời gian mở cửa tủ lạnh.

Câu 6. Món ăn nào dưới đây được chế biến bằng phương pháp không sử dụng nhiệt?

- A. Trứng tráng.
- B. Canh cua mồng toi.
- C. Dưa cải chua.
- D. Rau muống luộc.

Câu 7. Phương pháp bảo quản thực phẩm bằng phương pháp đông lạnh không áp dụng với thực phẩm nào sau đây?

- A. Cá.
- B. Rau củ.
- C. Thịt và cá.
- D. Thịt.

Câu 8. Ý nghĩa của việc lắp đặt hệ thống năng lượng mặt trời trên mái nhà là:

- A. Tạo ra nguồn năng lượng thân thiện với môi trường.
- B. Tiết kiệm tiền điện
- C. Tạo ra nguồn năng lượng sạch.
- D. Tạo ra nguồn năng lượng sạch, thân thiện với môi trường và tiết kiệm tiền điện.

Câu 9. Loại thực phẩm nào sau đây cần ăn hạn chế nhất theo tháp dinh dưỡng cân đối?

- A. Thịt.
- B. Muối.
- C. Rau củ.
- D. Hoa quả.

Câu 10. Nêu biện pháp không đảm bảo an toàn thực phẩm?

- A. Rau quả, thịt, cá ... phải mua tươi hoặc ướp lạnh.
- B. Tránh để lẫn lộn thực phẩm sống với thực phẩm cần nấu chín.
- C. Thực phẩm đóng hộp phải chú ý hạn sử dụng.
- D. Để lẫn lộn thực phẩm sống và đã nấu chín.

Câu 11. Vì sao nước không phải là chất dinh dưỡng nhưng lại có vai trò rất quan trọng đối với đời sống con người?

- A. Nước là môi trường cho mọi chuyển hóa và trao đổi chất của cơ thể.

B. Nước là thành phần chủ yếu của cơ thể, là môi trường cho mọi chuyển hóa và trao đổi chất của cơ thể giúp cơ thể điều hòa thân nhiệt.

C. Nước là thành phần chủ yếu của cơ thể giúp chuyển hóa và trao đổi chất của cơ thể.

D. Giúp cơ thể điều hòa thân nhiệt.

Câu 12. Muốn cơ thể phát triển một cách cân đối và khỏe mạnh, chúng ta cần có thói quen ăn uống khoa học ra sao?

A. Ăn đúng bữa, ăn đúng cách, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, uống đủ nước.

B. Ăn thật no, ăn nhiều thực phẩm cung cấp chất béo.

C. Ăn nhiều thức ăn giàu chất đạm, ăn đúng giờ.

D. Ăn nhiều bữa, ăn đủ chất dinh dưỡng.

Câu 13. Việc làm nào sau đây cho thấy ăn không đúng cách?

A. Vừa ăn vừa xem tivi

B. Tập trung cho việc ăn uống

C. Tạo bầu không khí thân mật, vui vẻ trong bữa ăn.

D. Nhai kĩ.

Câu 14. Những món ăn nào phù hợp buổi sáng?

A. Bánh mì, trứng ốp, sữa tươi.

B. Cơm, thịt kho, canh rau, dưa hấu.

C. Cơm, rau xào, cá sốt cà chua.

D. Cơm, thịt rang, canh.

Câu 15. Loại chất khoáng nào sau đây tham gia vào quá trình cấu tạo và là thành phần của hồng cầu trong máu?

A. Sắt.

B. Iốt

C. Canxi.

D. Vitamin A

Câu 16. Nhóm thực phẩm nào sau đây cung cấp nhiều chất đạm?

A. Mỡ động vật, dầu thực vật, bơ.

B. Ngũ cốc, bánh mì, khoai, sữa.

C. Ớt chuông, cà rốt, cần tây.

D. Thịt nạc, cá, tôm, trứng.

Câu 17. Đối với phương pháp làm lạnh, thực phẩm được bảo quản ở nhiệt độ nào?

A. -1°C

B. Từ 1°C đến 7°C

C. Dưới 0°C

D. Trên 7°C

Câu 18. Chúng ta tiết kiệm năng lượng bằng cách?

A. Tận dụng năng lượng gió

B. Tận dụng năng lượng mặt trời.

C. Không sử dụng năng lượng gió, năng lượng mặt trời

D. Tận dụng năng lượng gió, năng lượng mặt trời.

Câu 19. Nêu chức năng dinh dưỡng của chất béo?

A. Tăng sức đề kháng cho cơ thể.

B. Là dung môi hòa tan các vitamin.

C. Cung cấp vitamin.

D. Chuyển hóa một số vitamin cần thiết cho cơ thể.

Câu 20. Hoạt động phơi khô áo quần ngoài trời sử dụng năng lượng gì?

A. Khác.

B. Mặt trời.

C. Chất đốt.

D. Điện.

Phần II: Tự luận (5 điểm)

Câu 1 (3 điểm): Thế nào chế biến thực phẩm? Em hãy nêu khái niệm, ưu, nhược điểm của phương pháp chế biến luộc?

Câu 2 (2 điểm): Vận dụng kiến thức đã học, em hãy lựa chọn và nêu quy trình chế biến một món ăn?

----- HẾT -----

Phần I: Trắc nghiệm (5 điểm):

Viết lại chữ cái đứng trước câu trả lời đúng vào giấy kiểm tra:

Câu 1. Chất dinh dưỡng nào là nguồn cung cấp năng lượng chủ yếu cho mọi hoạt động của cơ thể?

- A. Chất béo. B. Vitamin. C. Chất đạm. D. Chất đường bột.

Câu 2. Trang phục có vai trò nào sau đây?

- A. Che chở cho con người; bảo vệ cơ thể con người khỏi tác hại của thời tiết; góp phần tôn lên vẻ đẹp của con người.
B. Che chở cho con người.
C. Bảo vệ cơ thể con người khỏi tác hại của thời tiết.
D. Góp phần tôn lên vẻ đẹp của con người.

Câu 3. Những món ăn nào phù hợp buổi sáng?

- A. Cơm, thịt rang, canh. B. Bánh mì, trứng ốp, sữa tươi.
C. Cơm, thịt kho, canh rau, dưa hấu. D. Cơm, rau xào, cá sốt cà chua.

Câu 4. Nêu biện pháp không đảm bảo an toàn thực phẩm?

- A. Để lẫn lộn thực phẩm sống và đã nấu chín.
B. Tránh để lẫn lộn thực phẩm sống với thực phẩm cần nấu chín.
C. Thực phẩm đóng hộp phải chú ý hạn sử dụng.
D. Rau quả, thịt, cá ... phải mua tươi hoặc ướp lạnh.

Câu 5. Việc làm nào sau đây cho thấy ăn không đúng cách?

- A. Vừa ăn vừa xem tivi
B. Nhai kĩ.
C. Tạo bầu không khí thân mật, vui vẻ trong bữa ăn.
D. Tập trung cho việc ăn uống

Câu 6. Món ăn nào dưới đây được chế biến bằng phương pháp không sử dụng nhiệt?

- A. Dưa cải chua. B. Rau muống luộc.
C. Trứng tráng. D. Canh cua mồng tơi.

Câu 7. Chúng ta tiết kiệm năng lượng bằng cách?

- A. Tận dụng năng lượng gió
B. Tận dụng năng lượng mặt trời.
C. Không sử dụng năng lượng gió, năng lượng mặt trời
D. Tận dụng năng lượng gió, năng lượng mặt trời.

Câu 8. Loại chất khoáng nào sau đây tham gia vào quá trình cấu tạo và là thành phần của hồng cầu trong máu?

- A. Vitamin A B. Iôt C. Canxi. D. Sắt.

Câu 9. Hoạt động phơi khô áo quần ngoài trời sử dụng năng lượng gì?

- A. Mặt trời. B. Điện. C. Chát đốt. D. Khác.

Câu 10. Ý nghĩa của việc lắp đặt hệ thống năng lượng mặt trời trên mái nhà là:

- A. Tiết kiệm tiền điện
B. Tạo ra nguồn năng lượng sạch, thân thiện với môi trường và tiết kiệm tiền điện.
C. Tạo ra nguồn năng lượng sạch.
D. Tạo ra nguồn năng lượng thân thiện với môi trường.

Câu 11. Cách làm nào dưới đây giúp tiết kiệm điện khi sử dụng tủ lạnh?

- A. Hạn chế số lần và thời gian mở cửa tủ lạnh.

- B. Cát thức ăn còn nóng vào tủ lạnh.
- C. Không đóng chặt cửa tủ lạnh khiến hơi lạnh thất thoát ra ngoài.
- D. Sử dụng tủ lạnh có dung tích lớn cho gia đình ít người.

Câu 12. Muốn cơ thể phát triển một cách cân đối và khỏe mạnh, chúng ta cần có thói quen ăn uống khoa học ra sao?

- A. Ăn đúng bữa, ăn đúng cách, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, uống đủ nước.
- B. Ăn nhiều bữa, ăn đủ chất dinh dưỡng.
- C. Ăn thật no, ăn nhiều thực phẩm cung cấp chất béo.
- D. Ăn nhiều thức ăn giàu chất đạm, ăn đúng giờ.

Câu 13. Vì sao nước không phải là chất dinh dưỡng nhưng lại có vai trò rất quan trọng đối với đời sống con người?

- A. Giúp cơ thể điều hòa thân nhiệt.
- B. Nước là môi trường cho mọi chuyển hóa và trao đổi chất của cơ thể.
- C. Nước là thành phần chủ yếu của cơ thể giúp chuyển hóa và trao đổi chất của cơ thể.
- D. Nước là thành phần chủ yếu của cơ thể, là môi trường cho mọi chuyển hóa và trao đổi chất của cơ thể giúp cơ thể điều hòa thân nhiệt.

Câu 14. Đối với phương pháp làm lạnh, thực phẩm được bảo quản ở nhiệt độ nào?

- A. Từ 1°C đến 7°C
- B. Dưới 0°C
- C. -1°C
- D. Trên 7°C

Câu 15. Nhóm thực phẩm nào sau đây cung cấp nhiều chất đạm?

- A. Thịt nạc, cá, tôm, trứng.
- B. Ớt chuông, cà rốt, cần tây.
- C. Ngũ cốc, bánh mì, khoai, sắn.
- D. Mỡ động vật, dầu thực vật, bơ.

Câu 16. Thực phẩm hư hỏng do những nguyên nhân nào?

- A. Không bảo quản thực phẩm kỹ.
- B. Để thực phẩm lâu ngày, không bảo quản thực phẩm kỹ, thực phẩm hết hạn sử dụng.
- C. Thực phẩm hết hạn sử dụng.
- D. Để thực phẩm lâu ngày.

Câu 17. Phương pháp bảo quản thực phẩm bằng phương pháp đông lạnh không áp dụng với thực phẩm nào sau đây?

- A. Thịt và cá.
- B. Thịt.
- C. Cá.
- D. Rau củ.

Câu 18. nêu chức năng dinh dưỡng của chất béo?

- A. Là dung môi hòa tan các vitamin.
- B. Chuyển hóa một số vitamin cần thiết cho cơ thể.
- C. Cung cấp vitamin.
- D. Tăng sức đề kháng cho cơ thể.

Câu 19. Ăn đúng bữa là ăn mỗi ngày ba bữa chính, các bữa chính cách nhau khoảng:

- A. Không quy định.
- B. 3 giờ.
- C. 7 giờ.
- D. 4 – 5 giờ

Câu 20. Loại thực phẩm nào sau đây cần ăn hạn chế nhất theo tháp dinh dưỡng cân đối?

- A. Rau củ.
- B. Hoa quả.
- C. Thịt.
- D. Muối.

Phần II: Tự luận (5 điểm)

Câu 1 (3 điểm): Thế nào chế biến thực phẩm? Em hãy nêu khái niệm, ưu, nhược điểm của phương pháp chế biến nướng?

Câu 2 (2 điểm): Vận dụng kiến thức đã học, em hãy lựa chọn và nêu quy trình chế biến một món ăn?

----- HẾT -----

Phần I: Trắc nghiệm (5 điểm):

Viết lại chữ cái đứng trước câu trả lời đúng vào giấy kiểm tra:

Câu 1. Việc làm nào sau đây cho thấy ăn không đúng cách?

- A. Vừa ăn vừa xem tivi
- B. Tạo bầu không khí thân mật, vui vẻ trong bữa ăn.
- C. Tập trung cho việc ăn uống
- D. Nhai kĩ.

Câu 2. Vì sao nước không phải là chất dinh dưỡng nhưng lại có vai trò rất quan trọng đối với đời sống con người?

- A. Nước là thành phần chủ yếu của cơ thể, là môi trường cho mọi chuyển hóa và trao đổi chất của cơ thể giúp cơ thể điều hòa thân nhiệt.
- B. Nước là môi trường cho mọi chuyển hóa và trao đổi chất của cơ thể.
- C. Nước là thành phần chủ yếu của cơ thể giúp chuyển hóa và trao đổi chất của cơ thể.
- D. Giúp cơ thể điều hòa thân nhiệt.

Câu 3. Trang phục có vai trò nào sau đây?

- A. Che chở cho con người.
- B. Bảo vệ cơ thể con người khỏi tác hại của thời tiết.
- C. Che chở cho con người; bảo vệ cơ thể con người khỏi tác hại của thời tiết; góp phần tôn lên vẻ đẹp của con người.
- D. Góp phần tôn lên vẻ đẹp của con người.

Câu 4. Thực phẩm hư hỏng do những nguyên nhân nào?

- A. Để thực phẩm lâu ngày.
- B. Thực phẩm hết hạn sử dụng.
- C. Để thực phẩm lâu ngày, không bảo quản thực phẩm kỹ, thực phẩm hết hạn sử dụng.
- D. Không bảo quản thực phẩm kỹ.

Câu 5. Loại chất khoáng nào sau đây tham gia vào quá trình cấu tạo và là thành phần của hồng cầu trong máu?

- A. Canxi.
- B. Iốt
- C. Sắt.
- D. Vitamin A

Câu 6. Chúng ta tiết kiệm năng lượng bằng cách?

- A. Tận dụng năng lượng gió
- B. Không sử dụng năng lượng gió, năng lượng mặt trời
- C. Tận dụng năng lượng mặt trời.
- D. Tận dụng năng lượng gió, năng lượng mặt trời.

Câu 7. Muốn cơ thể phát triển một cách cân đối và khỏe mạnh, chúng ta cần có thói quen ăn uống khoa học ra sao?

- A. Ăn nhiều bữa, ăn đủ chất dinh dưỡng.
- B. Ăn thật no, ăn nhiều thực phẩm cung cấp chất béo.
- C. Ăn đúng bữa, ăn đúng cách, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, uống đủ nước.
- D. Ăn nhiều thức ăn giàu chất đạm, ăn đúng giờ.

Câu 8. Đối với phương pháp làm lạnh, thực phẩm được bảo quản ở nhiệt độ nào?

- A. Dưới 0°C
- B. -1°C
- C. Từ 1°C đến 7°C
- D. Trên 7°C

Câu 9. Nêu chức năng dinh dưỡng của chất béo?

- A. Cung cấp vitamin.
- B. Chuyển hóa một số vitamin cần thiết cho cơ thể.

C. Là dung môi hòa tan các vitamin.

D. Tăng sức đề kháng cho cơ thể.

Câu 10. Loại thực phẩm nào sau đây cần ăn hạn chế nhất theo tháp dinh dưỡng cân đối?

A. Thịt.

B. Hoa quả.

C. Rau củ.

D. Muối.

Câu 11. Những món ăn nào phù hợp buổi sáng?

A. Com, thịt kho, canh rau, dưa hấu.

B. Com, thịt rang, canh.

C. Com, rau xào, cá sốt cà chua.

D. Bánh mì, trứng ốp, sữa tươi.

Câu 12. Nhóm thực phẩm nào sau đây cung cấp nhiều chất đạm?

A. Ớt chuông, cà rốt, cần tây.

B. Mỡ động vật, dầu thực vật, bơ.

C. Thịt nạc, cá, tôm, trứng.

D. Ngũ cốc, bánh mì, khoai, sữa.

Câu 13. Chất dinh dưỡng nào là nguồn cung cấp năng lượng chủ yếu cho mọi hoạt động của cơ thể?

A. Chất béo.

B. Vitamin.

C. Chất đường bột.

D. Chất đạm.

Câu 14. Cách làm nào dưới đây giúp tiết kiệm điện khi sử dụng tủ lạnh?

A. Cất thức ăn còn nóng vào tủ lạnh.

B. Không đóng chặt cửa tủ lạnh khiến hơi lạnh thất thoát ra ngoài.

C. Hạn chế số lần và thời gian mở cửa tủ lạnh.

D. Sử dụng tủ lạnh có dung tích lớn cho gia đình ít người.

Câu 15. Phương pháp bảo quản thực phẩm bằng phương pháp đông lạnh không áp dụng với thực phẩm nào sau đây?

A. Cá.

B. Thịt và cá.

C. Thịt.

D. Rau củ.

Câu 16. Nêu biện pháp không đảm bảo an toàn thực phẩm?

A. Để lẫn lộn thực phẩm sống và đã nấu chín.

B. Rau quả, thịt, cá ... phải mua tươi hoặc ướp lạnh.

C. Tránh để lẫn lộn thực phẩm sống với thực phẩm cần nấu chín.

D. Thực phẩm đóng hộp phải chú ý hạn sử dụng.

Câu 17. Ý nghĩa của việc lắp đặt hệ thống năng lượng mặt trời trên mái nhà là:

A. Tiết kiệm tiền điện

B. Tạo ra nguồn năng lượng thân thiện với môi trường.

C. Tạo ra nguồn năng lượng sạch.

D. Tạo ra nguồn năng lượng sạch, thân thiện với môi trường và tiết kiệm tiền điện.

Câu 18. Hoạt động phơi khô áo quần ngoài trời sử dụng năng lượng gì?

A. Mặt trời.

B. Chất đốt.

C. Khác.

D. Điện.

Câu 19. Ăn đúng bữa là ăn mỗi ngày ba bữa chính, các bữa chính cách nhau khoảng:

A. 4 – 5 giờ

B. 7 giờ.

C. 3 giờ.

D. Không quy định.

Câu 20. Món ăn nào dưới đây được chế biến bằng phương pháp không sử dụng nhiệt?

A. Rau muống luộc.

B. Dưa cải chua.

C. Trứng tráng.

D. Canh cua mồng tơi.

Phần II: Tự luận (5 điểm)

Câu 1 (3 điểm): Thế nào chế biến thực phẩm? Em hãy nêu khái niệm, ưu, nhược điểm của phương pháp chế biến kho?

Câu 2 (2 điểm): Vận dụng kiến thức đã học, em hãy lựa chọn và nêu quy trình chế biến một món ăn?

----- HẾT -----

Phần I: Trắc nghiệm (5 điểm):

Viết lại chữ cái đứng trước câu trả lời đúng vào giấy kiểm tra:

Câu 1. Món ăn nào dưới đây được chế biến bằng phương pháp không sử dụng nhiệt?

- A. Dưa cải chua. B. Trứng tráng.
C. Canh cua mồng toi. D. Rau muống luộc.

Câu 2. Chúng ta tiết kiệm năng lượng bằng cách?

- A. Tận dụng năng lượng mặt trời.
B. Tận dụng năng lượng gió, năng lượng mặt trời.
C. Không sử dụng năng lượng gió, năng lượng mặt trời
D. Tận dụng năng lượng gió

Câu 3. Trang phục có vai trò nào sau đây?

- A. Che chở cho con người.
B. Bảo vệ cơ thể con người khỏi tác hại của thời tiết.
C. Che chở cho con người; bảo vệ cơ thể con người khỏi tác hại của thời tiết; góp phần tôn lên vẻ đẹp của con người.
D. Góp phần tôn lên vẻ đẹp của con người.

Câu 4. Đối với phương pháp làm lạnh, thực phẩm được bảo quản ở nhiệt độ nào?

- A. Từ 1°C đến 7°C B. Trên 7°C C. Dưới 0°C D. -1°C

Câu 5. Loại thực phẩm nào sau đây cần ăn hạn chế nhất theo tháp dinh dưỡng cân đối?

- A. Hoa quả. B. Muối. C. Rau củ. D. Thịt.

Câu 6. Ý nghĩa của việc lắp đặt hệ thống năng lượng mặt trời trên mái nhà là:

- A. Tạo ra nguồn năng lượng sạch.
B. Tạo ra nguồn năng lượng sạch, thân thiện với môi trường và tiết kiệm tiền điện.
C. Tiết kiệm tiền điện
D. Tạo ra nguồn năng lượng thân thiện với môi trường.

Câu 7. Phương pháp bảo quản thực phẩm bằng phương pháp đông lạnh không áp dụng với thực phẩm nào sau đây?

- A. Thịt và cá. B. Thịt. C. Cá. D. Rau củ.

Câu 8. Nhóm thực phẩm nào sau đây cung cấp nhiều chất đạm?

- A. Ớt chuông, cà rốt, cần tây. B. Mỡ động vật, dầu thực vật, bơ.
C. Ngũ cốc, bánh mì, khoai, sắn. D. Thịt nạc, cá, tôm, trứng.

Câu 9. Thực phẩm hư hỏng do những nguyên nhân nào?

- A. Không bảo quản thực phẩm kỹ.
B. Thực phẩm hết hạn sử dụng.
C. Để thực phẩm lâu ngày, không bảo quản thực phẩm kỹ, thực phẩm hết hạn sử dụng.
D. Để thực phẩm lâu ngày.

Câu 10. Loại chất khoáng nào sau đây tham gia vào quá trình cấu tạo và là thành phần của hồng cầu trong máu?

- A. Vitamin A B. Canxi. C. Sắt. D. Iốt

Câu 11. Chất dinh dưỡng nào là nguồn cung cấp năng lượng chủ yếu cho mọi hoạt động của cơ thể?

- A. Chất béo. B. Chất đạm. C. Chất đường bột. D. Vitamin.

Câu 12. Muốn cơ thể phát triển một cách cân đối và khỏe mạnh, chúng ta cần có thói quen ăn uống khoa học ra sao?

- A. Ăn thật no, ăn nhiều thực phẩm cung cấp chất béo.
- B. Ăn nhiều bữa, ăn đủ chất dinh dưỡng.
- C. Ăn nhiều thức ăn giàu chất đạm, ăn đúng giờ.
- D. Ăn đúng bữa, ăn đúng cách, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, uống đủ nước.

Câu 13. Hoạt động phơi khô áo quần ngoài trời sử dụng năng lượng gì?

- A. Khác.
- B. Mặt trời.
- C. Chất đốt.
- D. Điện.

Câu 14. Nêu chức năng dinh dưỡng của chất béo?

- A. Cung cấp vitamin.
- B. Tăng sức đề kháng cho cơ thể.
- C. Chuyển hóa một số vitamin cần thiết cho cơ thể.
- D. Là dung môi hòa tan các vitamin.

Câu 15. Ăn đúng bữa là ăn mỗi ngày ba bữa chính, các bữa chính cách nhau khoảng:

- A. 4 – 5 giờ
- B. Không quy định.
- C. 7 giờ.
- D. 3 giờ.

Câu 16. Vì sao nước không phải là chất dinh dưỡng nhưng lại có vai trò rất quan trọng đối với đời sống con người?

- A. Nước là thành phần chủ yếu của cơ thể, là môi trường cho mọi chuyển hóa và trao đổi chất của cơ thể giúp cơ thể điều hòa thân nhiệt.
- B. Giúp cơ thể điều hòa thân nhiệt.
- C. Nước là thành phần chủ yếu của cơ thể giúp chuyển hóa và trao đổi chất của cơ thể.
- D. Nước là môi trường cho mọi chuyển hóa và trao đổi chất của cơ thể.

Câu 17. Cách làm nào dưới đây giúp tiết kiệm điện khi sử dụng tủ lạnh?

- A. Sử dụng tủ lạnh có dung tích lớn cho gia đình ít người.
- B. Cất thức ăn còn nóng vào tủ lạnh.
- C. Không đóng chặt cửa tủ lạnh khiến hơi lạnh thất thoát ra ngoài.
- D. Hạn chế số lần và thời gian mở cửa tủ lạnh.

Câu 18. Những món ăn nào phù hợp buổi sáng?

- A. Cơm, thịt rang, canh.
- B. Bánh mì, trứng ốp, sữa tươi.
- C. Cơm, thịt kho, canh rau, dưa hấu.
- D. Cơm, rau xào, cá sốt cà chua.

Câu 19. Việc làm nào sau đây cho thấy ăn không đúng cách?

- A. Nhai kĩ.
- B. Tạo bầu không khí thân mật, vui vẻ trong bữa ăn.
- C. Tập trung cho việc ăn uống
- D. Vừa ăn vừa xem tivi

Câu 20. Nêu biện pháp không đảm bảo an toàn thực phẩm?

- A. Thực phẩm đóng hộp phải chú ý hạn sử dụng.
- B. Để lẫn lộn thực phẩm sống và đã nấu chín.
- C. Tránh để lẫn lộn thực phẩm sống với thực phẩm cần nấu chín.
- D. Rau quả, thịt, cá ... phải mua tươi hoặc ướp lạnh.

Phần II: Tự luận (5 điểm)

Câu 1 (3 điểm): Thế nào chế biến thực phẩm? Em hãy nêu khái niệm, ưu, nhược điểm của phương pháp chế biến rán?

Câu 2 (2 điểm): Vận dụng kiến thức đã học, em hãy lựa chọn và nêu quy trình chế biến một món ăn?

----- HẾT -----

PHÒNG GD & ĐT QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS NGỌC LÂM
NĂM HỌC 2023-2024

Mã đề: 601

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I
MÔN: NGỮ VĂN - KHỐI 6

Thời gian làm bài: 90 phút

Phần 1. ĐỌC – HIỂU (6.0 điểm).

Em hãy ghi ra giấy kiểm tra chữ cái đứng trước đáp án đúng.

Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:

Quê hương

(Nguyễn Đình Huân)

Quê hương là một tiếng ve
Lời ru của mẹ trưa hè à ơi.
Dòng sông con nước đầy vơi
Quê hương là một góc trời tuổi thơ.

Quê hương là phiên chợ quê
Chợ trưa mong mẹ mang về bánh đa.
Quê hương là một tiếng gà
Bình minh gáy sáng ngân nga xóm làng.

Quê hương ngày ấy như mơ
Tôi là cậu bé dại khờ đáng yêu.
Quê hương là tiếng sáo diều
Là cánh cò trắng chiều chiều chân đề.

Quê hương là cánh đồng vàng
Hương thơm lúa chín mênh mang trời chiều.
Quê hương là dáng mẹ yêu
Áo nâu nón lá liêu xiêu đi về.

Câu 1. Bài thơ trên được viết theo thể thơ nào?

- A. Thơ tự do. C. Thơ lục bát
B. Thơ bốn chữ. D. Thơ năm chữ.

Câu 2. Phương thức biểu đạt chính của bài thơ là:

- A. tự sự. C. biểu cảm.
B. miêu tả. D. nghị luận.

Câu 3. Những tiếng nào được gieo vần với nhau trong 2 dòng thơ đầu của khổ thơ cuối ?

- A. vàng- mang C. yêu- về
B. vàng- chiều. D. liêu-xiêu

Câu 4. Trong khổ thơ cuối của bài thơ có mấy từ láy?

- A 1. từ C. 3 từ
B. 2 từ D. 4 từ

Câu 5. Biện pháp tu từ nào được sử dụng trong câu thơ :

“Quê hương ngày ấy như mơ/ Tôi là cậu bé dại khờ đáng yêu”?

A. Hoán dụ.

C. So sánh.

B. Nhân hóa.

D. Ẩn dụ.

Câu 6. Hình ảnh không được nhắc tới trong bài thơ là:

A. dòng sông.

C. cánh đồng

B. giếng nước.

D. cánh cò.

Câu 7. Nội dung chính của bài thơ là gì?

A. Vẻ đẹp của cánh đồng lúa

B. Vẻ đẹp của một làng quê đồng bằng Bắc Bộ.

C. Tình yêu quê hương tha thiết, sâu nặng của tác giả.

D. Nỗi nhớ về những kỉ niệm tuổi thơ của tác giả.

Câu 8. Dòng thơ nào sau đây gọi về đẹp trù phú của làng quê?

A. Quê hương là một tiếng gà.

B. Quê hương là một góc trời tuổi thơ.

C. Quê hương ngày ấy như mơ/Tôi là cậu bé đại khờ đáng yêu

D. Quê hương là cánh đồng vàng/Hương thơm lúa chín mênh mang trời chiều.

Câu 9 (2.0 điểm). Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn thơ sau.

“Quê hương là cánh đồng vàng

Hương thơm lúa chín mênh mang trời chiều.

Quê hương là dáng mẹ yêu

Áo nâu nón lá liêu xiêu đi về”

Câu 10 (2.0 điểm). Tác giả muốn gửi gắm thông điệp gì qua bài thơ trên? Từ đó, em hãy rút ra bài học cho bản thân. (Trả lời bằng một đoạn văn ngắn khoảng 5 câu).

PHẦN II: VIẾT (4,0 điểm).

Hãy viết bài văn kể lại một trải nghiệm đáng nhớ của em.

Chúc các em làm bài tốt!



PHÒNG GD & ĐT QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS NGỌC LÂM
NĂM HỌC 2023-2024

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I
MÔN: NGỮ VĂN - KHỐI 6
Thời gian làm bài: 90 phút

Mã đề: 602

I. Đọc – hiểu (6 điểm)

Em hãy ghi ra giấy kiểm tra chữ cái đứng trước đáp án đúng.

Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:

THƯƠNG CHA

Thương cha nắng sớm mưa chiều
Ruộng đồng vất vả rất nhiều cực thân
Nuôi con khôn lớn thành nhân
Dạy con đạo lý nghĩa ân trên đời...
Công ơn dưỡng dục cao vời
Như là sông núi biển trời bao la
Làm con phụng dưỡng mẹ cha
Viếng thăm chăm sóc mới là hiếu nhân.

(Thơ Huê Đàm)

Câu 1. Bài thơ trên được viết theo thể thơ nào?

- A. Thơ tự do. C. Thơ năm chữ
B. Thơ bốn chữ. D. Thơ lục bát

Câu 2. Phương thức biểu đạt chính của bài thơ là:

- A. tự sự. C. biểu cảm.
B. miêu tả. D. nghị luận.

Câu 3: Trong bốn câu thơ đầu của bài thơ, những tiếng nào được gieo vần với nhau.

- A. Chiều – nhiều, thân – nhân- ân B. Chiều - cự, thân - nhân
C. Chiều - cự - nhân D. Chiều - cự, thân - thành

Câu 4. Trong các từ sau đâu là từ láy

- A. dưỡng dục B. khôn lớn C. vất vả D. đạo lý

Câu 5: Cảm xúc chủ đạo của nhân vật trữ tình trong bài thơ là:

- A. Tình cảm thương xót và lòng biết ơn của người con dành cho người cha.
B. Tình cảm yêu thương, giúp đỡ, dạy bảo của cha mẹ đối với con cái.
C. Nghĩa vụ của con cháu phải phụng dưỡng, chăm sóc cha mẹ khi đau ốm.
D. Tình phụ tử là tình cảm thiêng liêng, máu thịt, không thể tách rời.



là:

A. cụm danh từ

C. cụm tính từ

B. cụm động từ

D. động từ

Câu 7: Vì sao người con lại “thương cha”?

A. Vì người cha phải đi làm làm đồng từ sáng đến tối.

B. Vì người cha đi làm cả ngày không được nghỉ ngơi.

C. Vì người cha lao động vất vả, cực nhọc để nuôi con.

D. Vì người cha nghèo phải lao động để kiếm sống.

Câu 8: Em hiểu chữ “hiếu” trong bài thơ này là gì?

A. Phải tìm cách kiếm tiền bằng mọi cách để đem về cho cha mẹ.

B. Phải biết kính trọng, vâng lời, chăm sóc cha mẹ khi về già.

C. Phải biết kính trọng, vâng lời, phụng dưỡng cha mẹ suốt đời.

D. Phải ngồi nói chuyện, tâm sự với cha mẹ hằng ngày.

Câu 9 (2.0 điểm). Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong câu thơ sau.

“Công ơn dưỡng dục cao vời

Như là sông núi biển trời bao la”

Câu 10 (2.0 điểm). Qua văn bản, tác giả muốn gửi gắm thông điệp gì? Từ đó, em rút ra được bài học gì cho bản thân? (Trình bày thành một đoạn văn khoảng 5 câu)

PHẦN II: VIẾT (4,0 điểm).

Hãy viết bài văn kể lại một kỉ niệm sâu sắc của em.



Mã đề: LS-ĐL.601

I. TRẮC NGHIỆM: (5.0 điểm): *Em hãy ghi ra giấy kiểm tra chữ cái đứng trước câu trả lời đúng.*

Phần Lịch sử

Câu 1. Điều kiện tự nhiên ở lưu vực sông Ấn và sông Hằng thuận lợi cho Ấn Độ phát triển kinh tế nào?

- A. dịch vụ. B. thương nghiệp. C. nông nghiệp. D. thủ công nghiệp.

Câu 2. Cư dân ở quốc gia cổ đại nào dưới đây đã sáng tạo ra chữ số 0?

- A. Ấn Độ. B. Hi Lạp. C. Lưỡng Hà. D. Ai Cập.

Câu 3. Một trong những biểu tượng của nền văn minh Trung Quốc là

- A. Lăng mộ Tần Thủy Hoàng. B. Kim chỉ nam.
C. Sử kí của Tư Mã Thiên. D. Vạn Lí Trường Thành.

Câu 4. Kỹ thuật in được phát minh bởi người

- A. Ấn Độ. B. Ai Cập. C. La Mã. D. Trung Quốc.

Câu 5. Chữ viết nào được sử dụng phổ biến nhất ở Ấn Độ cổ đại?

- A. Chữ Phạn. B. Chữ Ka-na. C. Chữ La-tinh. D. Chữ Hán.

Câu 6. Chế độ đẳng cấp Vác-na là gì?

- A. Sự phân biệt về tôn giáo.
B. Sự phân biệt về chủng tộc và màu da.
C. Sự phân biệt về trình độ học vấn.
D. Sự phân biệt giàu - nghèo.

Câu 7. Ấn Độ là quê hương của tôn giáo những nào dưới đây?

- A. Hin-đu giáo và Phật giáo. B. Nho giáo và Phật giáo.
C. Nho giáo và Đạo giáo. D. Hin-đu giáo và Thiên chúa giáo.

Câu 8. Khoảng giữa thiên niên kỉ II TCN, tộc người nào đã tràn vào miền Bắc Ấn Độ?

- A. Người A-ri-a. B. Người Kho-me. C. Người Đra-vi-đa. D. Người Do Thái.

Câu 9. Vạn Lí Trường Thành được người Trung Quốc xây dựng nhằm mục đích gì?

- A. Thể hiện sức mạnh của các nhà nước phong kiến.
B. Ngăn chặn dòng nước lũ từ thượng nguồn tràn về.
C. Ngăn chặn các cuộc tấn công từ bên ngoài.
D. Thuận lợi cho việc giao thông đi lại giữa các vùng.

Câu 10. Hai giai cấp cơ bản trong xã hội phong kiến Trung Quốc là

- A. địa chủ - nông dân lĩnh canh. B. lãnh chúa - nông nô.
C. quý tộc, quan lại - nông dân công xã. D. tư sản - vô sản.



Phần Địa lí

Câu 11. Kinh độ, vĩ độ của một điểm gọi chung là:

- A. tọa độ địa lí B. kinh tuyến gốc C. kinh tuyến D. vĩ tuyến

Câu 12. Gió mùa mùa đông thổi từ nội địa châu Á xuống miền Bắc nước ta theo hướng

- A. Tây Nam B. Đông Bắc C. Tây Bắc D. Đông Nam

Câu 13. Theo quy ước hướng nào sau đây được xác định đầu tiên?

- A. Nam B. Tây C. Đông D. Bắc

Câu 14. Địa điểm nào sau đây có ngày, đêm dài gần như nhau?

- A. Chí tuyến Bắc B. Xích đạo C. Chí tuyến Nam D. 2 cực

Câu 15. Lãnh thổ Việt Nam nằm trong địa mảng nào?

- A. Mảng Thái Bình Dương B. Mảng Ấn Độ - Ôxtrâyli
C. Mảng Phi D. Mảng Á - Âu

Câu 16. Việt Nam thuộc múi giờ số mấy?

- A. 8 B. 7 C. 9 D. 6

Câu 17. Bề mặt Trái Đất được chia thành mấy khu vực giờ?

- A. 24 khu vực B. 20 khu vực C. 15 khu vực D. 12 khu vực

Câu 18. Trái Đất chuyển động một vòng quanh Mặt Trời trên quỹ đạo hết bao nhiêu thời gian?

- A. 365 ngày B. 30 ngày C. 365 ngày 6 giờ D. 365 ngày 12 giờ

Câu 19. Máy bay xuất phát từ Hà Nội đi thành phố Hồ Chí Minh sẽ phải bay theo hướng

- A. Tây B. Nam C. Bắc D. Đông

Câu 20. Ngày 22/6 được gọi là ngày:

- A. Xuân phân B. Đông chí C. Hạ chí D. Thu phân

II. TỰ LUẬN (5.0 điểm)

Phần Lịch sử

Câu 1 (2.5 điểm): Em hãy trình bày thành tựu văn hóa Ấn Độ thời cổ đại trong các lĩnh vực tôn giáo, văn học và chữ viết?

Phần Địa lí

Câu 2 (2.5 điểm): Giải thích nguyên nhân sinh ra hiện tượng ngày đêm luân phiên nhau trên Trái Đất?

PHÒNG GD&ĐT QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS NGỌC LÂM
NĂM HỌC 2023-2024

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I
MÔN: Lịch sử và Địa lí -Khối 6
Thời gian làm bài: 60 phút

Mã đề: LS-ĐL.602

I. TRẮC NGHIỆM: (5.0 điểm): Em hãy ghi vào giấy kiểm tra chữ cái đứng trước câu trả lời đúng.

Phần Lịch sử

Câu 1. Kỹ thuật in được phát minh bởi người

- A. Ai Cập. B. La Mã. C. Trung Quốc. D. Ấn Độ.

Câu 2. Vạn Lí Trường Thành được người Trung Quốc xây dựng nhằm mục đích gì?

- A. Ngăn chặn các cuộc tấn công từ bên ngoài.
B. Thuận lợi cho việc giao thông đi lại giữa các vùng.
C. Ngăn chặn dòng nước lũ từ thượng nguồn tràn về.
D. Thể hiện sức mạnh của các nhà nước phong kiến.

Câu 3. Hai giai cấp cơ bản trong xã hội phong kiến Trung Quốc là

- A. quý tộc, quan lại - nông dân công xã. B. lãnh chúa - nông nô.
C. địa chủ - nông dân lĩnh canh. D. tư sản - vô sản.

Câu 4. Cư dân ở quốc gia cổ đại nào dưới đây đã sáng tạo ra chữ số 0?

- A. Lưỡng Hà. B. Ai Cập. C. Ấn Độ. D. Hi Lạp.

Câu 5. Một trong những biểu tượng của nền văn minh Trung Quốc là

- A. Sử kí của Tư Mã Thiên. B. Kim chỉ nam.
C. Vạn Lí Trường Thành. D. Lăng mộ Tần Thủy Hoàng.

Câu 6. Khoảng giữa thiên niên kỉ II TCN, tộc người nào đã tràn vào miền Bắc Ấn Độ?

- A. Người Đra-vi-đa. B. Người A-ri-a. C. Người Do Thái. D. Người Kher-me.

Câu 7. Chữ viết nào được sử dụng phổ biến nhất ở Ấn Độ cổ đại?

- A. Chữ Ka-na. B. Chữ La-tinh. C. Chữ Phạn. D. Chữ Hán.

Câu 8. Điều kiện tự nhiên ở lưu vực sông Ấn và sông Hằng thuận lợi cho Ấn Độ phát triển kinh tế nào?

- A. nông nghiệp. B. thương nghiệp. C. dịch vụ. D. thủ công nghiệp.

Câu 9. Ấn Độ là quê hương của tôn giáo những nào dưới đây?

- A. Nho giáo và Đạo giáo. B. Hin-đu giáo và Thiên chúa giáo.
C. Nho giáo và Phật giáo. D. Hin-đu giáo và Phật giáo.



D. Sự phân biệt về tôn giáo.

D. 9

Câu 2 (2.5 điểm): Trình bày đặc điểm các lớp cấu tạo bên trong của Trái Đất? Theo em dãy núi Hy-ma-lay-a hình thành do đâu?

PHÒNG GD&ĐT QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS NGỌC LÂM
NĂM HỌC 2023-2024

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I
MÔN: Lịch sử và Địa lí -Khối 6
Thời gian làm bài: 60 phút

Mã đề: LS-ĐL.603

I. TRẮC NGHIỆM: (5.0 điểm): Em hãy ghi vào giấy kiểm tra chữ cái đứng trước câu trả lời đúng.

Phần Lịch sử

Câu 1. Chế độ đẳng cấp Vác-na là gì?

- A. Sự phân biệt giàu - nghèo. B. Sự phân biệt về chủng tộc và màu da.
C. Sự phân biệt về tôn giáo. D. Sự phân biệt về trình độ học vấn.

Câu 2. Một trong những biểu tượng của nền văn minh Trung Quốc là

- A. Lăng mộ Tần Thủy Hoàng. B. Sử kí của Tư Mã Thiên.
C. Kim chỉ nam. D. Vạn Lí Trường Thành.

Câu 3. Vạn Lí Trường Thành được người Trung Quốc xây dựng nhằm mục đích gì?

- A. Thuận lợi cho việc giao thông đi lại giữa các vùng.
B. Thể hiện sức mạnh của các nhà nước phong kiến.
C. Ngăn chặn dòng nước lũ từ thượng nguồn tràn về.
D. Ngăn chặn các cuộc tấn công từ bên ngoài.

Câu 4. Khoảng giữa thiên niên kỉ II TCN, tộc người nào đã tràn vào miền Bắc Ấn Độ?

- A. Người A-ri-a. B. Người Do Thái. C. Người Đra-vi-đa. D. Người Khơ-me.

Câu 5. Điều kiện tự nhiên ở lưu vực sông Ấn và sông Hằng thuận lợi cho Ấn Độ phát triển kinh tế nào?

- A. thương nghiệp. B. thủ công nghiệp. C. dịch vụ. D. nông nghiệp.

Câu 6. Ấn Độ là quê hương của tôn giáo những nào dưới đây?

- A. Nho giáo và Đạo giáo. B. Hin-đu giáo và Phật giáo.
C. Hin-đu giáo và Thiên chúa giáo. D. Nho giáo và Phật giáo.

Câu 7. Kỹ thuật in được phát minh bởi người

- A. Ấn Độ. B. Ai Cập. C. La Mã. D. Trung Quốc.

Câu 8. Chữ viết nào được sử dụng phổ biến nhất ở Ấn Độ cổ đại?

- A. Chữ Hán. B. Chữ Ka-na. C. Chữ La-tinh. D. Chữ Phạn.



Câu 9. Cư dân ở quốc gia cổ đại nào dưới đây đã sáng tạo ra chữ số 0?

- A. Hi Lạp. B. Ai Cập. C. Luống Hà. D. Ấn Độ.

Câu 10. Hai giai cấp cơ bản trong xã hội phong kiến Trung Quốc là

- A. lãnh chúa - nông nô.
B. địa chủ - nông dân lĩnh canh.
C. tư sản - vô sản.
D. quý tộc, quan lại - nông dân công xã.

Phần Địa lí

Câu 11. Theo quy ước hướng nào sau đây được xác định đầu tiên?

- A. Tây B. Bắc C. Nam D. Đông

Câu 12. Việt Nam thuộc múi giờ số mấy?

- A. 9 B. 8 C. 7 D. 9

Câu 13. Gió mùa mùa đông thổi từ nội địa châu Á xuống miền Bắc nước ta theo hướng

- A. Tây Bắc B. Đông Bắc C. Tây Nam D. Đông Nam

Câu 14. Kinh độ, vĩ độ của một điểm gọi chung là:

- A. kinh tuyến B. vĩ tuyến C. tọa độ địa lí D. kinh tuyến gốc

Câu 15. Ngày 21/3 được gọi là ngày:

- A. Thu phân B. Xuân phân C. Hạ chí D. Đông chí

Câu 16. Máy bay xuất phát từ Hà Nội đi thành phố Hồ Chí Minh sẽ phải bay theo hướng

- A. Nam B. Bắc C. Đông D. Tây

Câu 17. So với mặt phẳng quỹ đạo, trục Trái Đất nghiêng một góc

- A. $56^{\circ}27'$ B. $23^{\circ}27'$ C. $32^{\circ}27'$ D. $66^{\circ}33'$

Câu 18. Địa điểm nào sau đây có ngày, đêm dài gần như nhau?

- A. Chí tuyến Bắc B. 2 cực C. Xích đạo D. Chí tuyến Nam

Câu 19. Bề mặt Trái Đất được chia thành mấy khu vực giờ?

- A. 20 khu vực B. 24 khu vực C. 15 khu vực D. 12 khu vực

Câu 20. Lãnh thổ Việt Nam nằm trong địa mảng nào?

- A. Mảng Ấn Độ - Ôxtrâyliá B. Mảng Thái Bình Dương
C. Mảng Phi D. Mảng Á - Âu

II. TỰ LUẬN (5.0 điểm)

Phần Lịch sử

Câu 1 (2.5 điểm): Trình bày thành tựu văn hóa Trung Quốc thời cổ đại trên các lĩnh vực tư tưởng, sử học và chữ viết

Phần Địa lí

Câu 2 (2.5 điểm): Giải thích nguyên nhân sinh ra hiện tượng ngày đêm luân phiên nhau trên Trái Đất?

PHÒNG GD&ĐT QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS NGỌC LÂM
NĂM HỌC 2023-2024

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I
MÔN: Lịch sử và Địa lí -Khối 6
Thời gian làm bài: 60 phút

Mã đề: LS-ĐL.604

I. TRẮC NGHIỆM: (5.0 điểm): *Em hãy ghi vào giấy kiểm tra chữ cái đứng trước câu trả lời đúng.*

Phần Lịch sử

Câu 1. Chữ viết nào được sử dụng phổ biến nhất ở Ấn Độ cổ đại?

- A. Chữ La-tinh. B. Chữ Hán. C. Chữ Ka-na. D. Chữ Phạn.

Câu 2. Cư dân ở quốc gia cổ đại nào dưới đây đã sáng tạo ra chữ số 0?

- A. Ấn Độ. B. Ai Cập. C. Lưỡng Hà. D. Hi Lạp.

Câu 3. Điều kiện tự nhiên ở lưu vực sông Ấn và sông Hằng thuận lợi cho Ấn Độ phát triển kinh tế nào?

- A. thương nghiệp. B. thủ công nghiệp. C. nông nghiệp. D. dịch vụ.

Câu 4. Ấn Độ là quê hương của tôn giáo những nào dưới đây?

- A. Nho giáo và Đạo giáo. B. Hin-đu giáo và Thiên chúa giáo.
C. Nho giáo và Phật giáo. D. Hin-đu giáo và Phật giáo.

Câu 5. Chế độ đẳng cấp Vác-na là gì?

- A. Sự phân biệt giàu - nghèo. B. Sự phân biệt về chủng tộc và màu da.
C. Sự phân biệt về trình độ học vấn. D. Sự phân biệt về tôn giáo.

Câu 6. Vạn Lí Trường Thành được người Trung Quốc xây dựng nhằm mục đích gì?

- A. Thể hiện sức mạnh của các nhà nước phong kiến.
B. Ngăn chặn dòng nước lũ từ thượng nguồn tràn về.
C. Thuận lợi cho việc giao thông đi lại giữa các vùng.
D. Ngăn chặn các cuộc tấn công từ bên ngoài.

Câu 7. Khoảng giữa thiên niên kỉ II TCN, tộc người nào đã tràn vào miền Bắc Ấn Độ?

- A. Người Đra-vi-đa. B. Người A-ri-a. C. Người Kher-me. D. Người Do Thái.

Câu 8. Một trong những biểu tượng của nền văn minh Trung Quốc là

- A. Kim chỉ nam. B. Vạn Lí Trường Thành.
C. Lăng mộ Tần Thủy Hoàng. D. Sử kí của Tư Mã Thiên.

Câu 9. Kỹ thuật in được phát minh bởi người

- A. Trung Quốc. B. Ấn Độ. C. La Mã. D. Ai Cập.



Câu 10. Hai giai cấp cơ bản trong xã hội phong kiến Trung Quốc là

- A. quý tộc, quan lại - nông dân công xã. B. địa chủ - nông dân lĩnh canh.
C. tư sản - vô sản. D. lãnh chúa - nông nô.

Phần Địa lí

Câu 11. Theo quy ước hướng nào sau đây được xác định đầu tiên?

- A. Bắc B. Tây C. Đông D. Nam

Câu 12. Ngày 22/12 được gọi là ngày

- A. Hạ chí B. Đông chí C. Thu phân D. Xuân phân

Câu 13. Việt Nam thuộc múi giờ số

- A. 6 B. 9 C. 7 D. 8

Câu 14. Kinh độ, vĩ độ của một điểm gọi chung là:

- A. vĩ tuyến B. kinh tuyến C. kinh tuyến gốc D. tọa độ địa lí

Câu 15. Lãnh thổ Việt Nam nằm trong địa mảng nào?

- A. Mảng Ấn Độ - Ôxtrâyliá B. Mảng Á - Âu
C. Mảng Phi D. Mảng Thái Bình Dương

Câu 16. Máy bay xuất phát từ Hà Nội đi thành phố Hồ Chí Minh sẽ phải bay theo hướng

- A. Bắc B. Đông C. Nam D. Tây

Câu 17. So với mặt phẳng quỹ đạo, trục Trái Đất nghiêng một góc

- A. $56^{\circ}27'$ B. $66^{\circ}33'$ C. $32^{\circ}27'$ D. $23^{\circ}27'$

Câu 18. Trái Đất chuyển động một vòng quanh Mặt Trời trên quỹ đạo hết bao nhiêu thời gian?

- A. 365 ngày B. 30 ngày C. 365 ngày 12 giờ D. 365 ngày 6 giờ

Câu 19. Bề mặt Trái Đất được chia thành mấy khu vực giờ?

- A. 24 khu vực B. 24 khu vực C. 20 khu vực D. 12 khu vực

Câu 20. Gió mùa mùa đông thổi từ nội địa châu Á xuống miền Bắc nước ta theo hướng

- A. Đông Bắc B. Tây Bắc C. Tây Nam D. Đông Nam

II. TỰ LUẬN (5.0 điểm)

Phần Lịch sử

Câu 1 (2.5 điểm): Trình bày thành tựu văn hóa Trung Quốc cổ đại trong các lĩnh vực Văn học, y học, kĩ thuật, kiến trúc?

Phần Địa lí

Câu 2 (2.5 điểm): Trình bày đặc điểm các lớp cấu tạo bên trong của Trái Đất? Theo em dãy núi Hy-ma-lay-a hình thành do đâu?

ĐỀ 601

I. Trắc nghiệm: (5 điểm)

Hãy ghi vào bài làm chữ cái đứng trước câu trả lời đúng.

Câu 1. Biểu hiện nào dưới đây không phải là tự hoàn thiện bản thân?

- A. Rèn luyện sức khỏe. B. Ham hỏi hỏi.
C. Tự tin vào bản thân. D. Tự cao, tự đại.

Câu 2. Ngày mai, lớp của T đi dã ngoại nhưng bạn không tự chuẩn bị mà nhờ chị gái chuẩn bị đồ dùng mang đi. Việc làm đó của T thể hiện điều gì?

- A. T là người ỷ lại. B. T là người tự ti.
C. T là người tự tin. D. T là người tự lập.

Câu 3. Để tự hoàn thiện bản thân, mỗi người cần phải làm gì?

- A. Có nhiệt huyết với công việc.
B. Tích cực lao động hằng ngày để có cuộc sống tốt hơn.
C. Có kế hoạch và quyết tâm phấn đấu, rèn luyện bản thân.
D. Có tinh thần trách nhiệm.

Câu 4. Những gì có thật trong cuộc sống và phản ánh đúng hiện thực cuộc sống được gọi là

- A. sự thật. B. dũng cảm. C. khiêm tốn. D. tự trọng.

Câu 5. Việc làm nào dưới đây thể hiện hành vi của người luôn tôn trọng sự thật?

- A. Nói dối mẹ để đi chơi game. B. Đặt điều nói xấu bạn trong lớp.
C. Làm sai thì tìm cách đổ lỗi. D. Không coi cốp bài trong giờ kiểm tra.

Câu 6. Câu tục ngữ: “Muốn ăn phải lặn vào bếp” nói đến điều gì?

- A. Tiết kiệm. B. Tự lập. C. Đoàn kết. D. Trung thực.

Câu 7. Câu tục ngữ: “Tự lực cánh sinh” nói đến điều gì?

- A. Trung thực. B. Đoàn kết. C. Tiết kiệm. D. Tự lập.

Câu 8. Phát hiện bạn C đã tung tin không đúng sự thật trên mạng xã hội, mục đích gây sốc để nhận được nhiều lượt yêu thích và bình luận. Trong tình huống đó, nếu em là bạn của C thì em sẽ làm gì?

- A. Khuyên bạn không nên làm như vậy. B. Nhờ bạn chỉ cách viết sao để câu nhiều like.
C. Bắt chước bạn, để mình nổi tiếng. D. Không biết, không phải việc của mình.

Câu 9. Điểm quan trọng nhất để tự hoàn thiện bản thân là cần xác định được

- A. sức mạnh của bản thân. B. vẻ đẹp tâm hồn của bản thân.
C. khả năng của bản thân. D. điểm mạnh, điểm yếu của bản thân.

Câu 10. Ý kiến nào sau đây là đúng khi nói về ý nghĩa của việc tôn trọng sự thật?

- A. Làm cho tâm hồn thanh thản. B. Sự thật luôn làm đau lòng người.
C. Thường làm mất lòng người khác. D. Người nói thật thường thua thiệt.

Câu 11. Mỗi buổi tối, cứ ăn cơm xong là bạn E giúp mẹ dọn dẹp, rửa bát sau đó lấy sách vở ra học bài. Việc làm đó thể hiện:

A. E là người tự lập.

B. E là người ỷ lại.

C. E là người tự tin.

D. E là người tự ti.

Câu 12. Nick Vujicic - người đàn ông không tay không chân nhưng nổi tiếng với nghị lực phi thường đã truyền niềm tin, sức mạnh cho hàng triệu người trên thế giới. Câu chuyện của Nick nói lên đức tính gì?

A. Tự chủ.

B. Tự lập.

C. Dũng cảm.

D. Tự tin.

Câu 13. Biểu hiện nào dưới đây không phải của tính tự lập?

A. Tự mình làm bài tập.

B. Tự giặt quần áo.

C. Tự mình đi học.

D. Đợi ba mẹ nhắc mới đi học

Câu 14. Hành vi, việc làm nào dưới đây là biểu hiện tự nhận thức bản thân?

A. Khắc phục khuyết điểm.

B. Tự quyết định mọi việc làm.

C. Luôn đề cao bản thân.

D. Luôn làm theo ý người khác.

Câu 15. Bản chất của tự lập là:

A. Đợi sắp xếp mới làm

B. Dựa vào người khác

C. Ỗ lại vào người khác

D. Tự làm việc

Câu 16. Luôn nói thật với người thân, thầy cô, bạn bè và người có trách nhiệm bằng thái độ như thế nào?

A. Dũng cảm, khéo léo, tinh tế và nhân ái.

B. Khéo léo, tinh tế và tránh sự thật.

C. Không nói sự thật.

D. Nói thô tục nhưng đúng sự thật là được.

Câu 17. Bảo vệ lẽ phải, đấu tranh, phê phán những việc làm sai trái thể hiện điều gì?

A. cần cù, siêng năng.

B. tôn trọng sự thật.

C. xa hoa, lãng phí.

D. tiết kiệm, khiêm tốn.

Câu 18. Tự nhận thức đúng về bản thân không phải là điều dễ dàng, mà cần phải qua

A. rèn luyện.

B. học tập.

C. thực hành.

D. lao động.

Câu 19. Tự nhận thức bản thân để hiểu đúng về mình, đưa ra những quyết định đúng đắn là một

A. năng lực của cá nhân.

B. giá trị sống cơ bản.

C. điều tất yếu của con người.

D. kĩ năng sống cơ bản.

Câu 20. Sau mỗi lần cô giáo trả bài kiểm tra, A thường dành thời gian so sánh, đối chiếu với bài của các bạn được điểm cao để tìm ra những điểm chưa đúng, chưa hay và nhờ các bạn giải thích những điều mà A chưa hiểu. Việc làm này thể hiện A là người

A. chú ý đến điểm số.

B. mặc cảm với bản thân.

C. dựa dẫm vào người khác.

D. tự nhận thức bản thân.

II. Tự luận: (5 điểm)

Câu 1. (3 điểm) Thế nào là tự lập? Bản thân em đã rèn luyện tính tự lập như thế nào?(Nêu 4 việc làm cụ thể). Kể tên 2 tấm gương thành công nhờ vào đức tính tự lập mà em biết?

Câu 2. (2 điểm) Nhà H ở gần trường nhưng bạn rất hay đi học muộn. Khi lớp trưởng hỏi lí do, H luôn trả lời: “Tại bố mẹ không gọi mình dậy sớm”.

Câu hỏi:

a/ Em có đồng tình với bạn H không? Vì sao?

b/ Nếu là bạn của H thì em sẽ khuyên bạn điều gì?.

I. Trắc nghiệm: (5 điểm)

Hãy ghi vào bài làm chữ cái đứng trước câu trả lời đúng.

Câu 1. Bản chất của tự lập là:

- A. Đợi sắp xếp mới làm
B. Ý lại vào người khác
C. Dựa vào người khác
D. Tự làm việc

Câu 2. Điểm quan trọng nhất để tự hoàn thiện bản thân là cần xác định được

- A. điểm mạnh, điểm yếu của bản thân.
B. khả năng của bản thân.
C. vẻ đẹp tâm hồn của bản thân.
D. sức mạnh của bản thân.

Câu 3. Những gì có thật trong cuộc sống và phản ánh đúng hiện thực cuộc sống được gọi là

- A. tự trọng.
B. sự thật.
C. khiêm tốn.
D. dũng cảm.

Câu 4. Câu tục ngữ: “Muốn ăn phải lặn vào bếp” nói đến điều gì?

- A. Trung thực.
B. Đoàn kết.
C. Tiết kiệm.
D. Tự lập.

Câu 5. Câu tục ngữ: “Tự lực cánh sinh” nói đến điều gì?

- A. Tự lập.
B. Trung thực.
C. Tiết kiệm.
D. Đoàn kết.

Câu 6. Luôn nói thật với người thân, thầy cô, bạn bè và người có trách nhiệm bằng thái độ như thế nào?

- A. Nói thô tục nhưng đúng sự thật là được.
B. Không nói sự thật.
C. Dũng cảm, khéo léo, tinh tế và nhân ái.
D. Khéo léo, tinh tế và tránh sự thật.

Câu 7. Biểu hiện nào dưới đây không phải của tính tự lập?

- A. Tự mình đi học.
B. Tự mình làm bài tập.
C. Tự giặt quần áo.
D. Đợi ba mẹ nhắc mới đi học

Câu 8. Ý kiến nào sau đây là đúng khi nói về ý nghĩa của việc tôn trọng sự thật?

- A. Sự thật luôn làm đau lòng người.
B. Người nói thật thường thua thiệt.
C. Làm cho tâm hồn thanh thản.
D. Thường làm mất lòng người khác.

Câu 9. Phát hiện bạn C đã tung tin không đúng sự thật trên mạng xã hội, mục đích gây sốc để nhận được nhiều lượt yêu thích và bình luận. Trong tình huống đó, nếu em là bạn của C thì em sẽ làm gì?

- A. Nhờ bạn chỉ cách viết sao để câu nhiều like.
B. Bắt chước bạn, để mình nổi tiếng.
C. Khuyên bạn không nên làm như vậy.
D. Không biết, không phải việc của mình.

Câu 10. Để tự hoàn thiện bản thân, mỗi người cần phải làm gì?

- A. Có tinh thần trách nhiệm.
B. Có kế hoạch và quyết tâm phấn đấu, rèn luyện bản thân.
C. Tích cực lao động hằng ngày để có cuộc sống tốt hơn.
D. Có nhiệt huyết với công việc.

Câu 11. Hành vi, việc làm nào dưới đây là biểu hiện tự nhận thức bản thân?

- A. Luôn đề cao bản thân.
B. Khắc phục khuyết điểm.
C. Tự quyết định mọi việc làm.
D. Luôn làm theo ý người khác.

Câu 12. Mỗi buổi tối, cứ ăn cơm xong là bạn E giúp mẹ dọn dẹp, rửa bát sau đó lấy sách vở ra học bài. Việc làm đó thể hiện:

A. E là người ỷ lại.

B. E là người tự ti.

C. E là người tự tin.

D. E là người tự lập.

Câu 13. Sau mỗi lần cô giáo trả bài kiểm tra, A thường dành thời gian so sánh, đối chiếu với bài của các bạn được điểm cao để tìm ra những điểm chưa đúng, chưa hay và nhờ các bạn giải thích những điều mà A chưa hiểu. Việc làm này thể hiện A là người

A. tự nhận thức bản thân.

B. mặc cảm với bản thân.

C. chú ý đến điểm số.

D. dựa dẫm vào người khác.

Câu 14. Tự nhận thức đúng về bản thân không phải là điều dễ dàng, mà cần phải qua

A. lao động.

B. học tập.

C. rèn luyện.

D. thực hành.

Câu 15. Biểu hiện nào dưới đây không phải là tự hoàn thiện bản thân?

A. Tự tin vào bản thân.

B. Tự cao, tự đại.

C. Rèn luyện sức khỏe.

D. Ham hỏi hỏi.

Câu 16. Nick Vujicic - người đàn ông không tay không chân nhưng nổi tiếng với nghị lực phi thường đã truyền niềm tin, sức mạnh cho hàng triệu người trên thế giới. Câu chuyện của Nick nói lên đức tính gì?

A. Dũng cảm.

B. Tự lập.

C. Tự tin.

D. Tự chủ.

Câu 17. Việc làm nào dưới đây thể hiện hành vi của người luôn tôn trọng sự thật?

A. Làm sai thì tìm cách đổ lỗi.

B. Nói dối mẹ để đi chơi game.

C. Không coi cóp bài trong giờ kiểm tra.

D. Đặt điều nói xấu bạn trong lớp.

Câu 18. Tự nhận thức bản thân để hiểu đúng về mình, đưa ra những quyết định đúng đắn là

A. kĩ năng sống cơ bản.

B. điều tất yếu của con người.

C. năng lực của cá nhân.

D. giá trị sống cơ bản.

Câu 19. Bảo vệ lẽ phải, đấu tranh, phê phán những việc làm sai trái thể hiện điều gì?

A. tôn trọng sự thật.

B. cần cù, siêng năng.

C. tiết kiệm, khiêm tốn.

D. xa hoa, lãng phí.

Câu 20. Ngày mai, lớp của T đi dã ngoại nhưng bạn không tự chuẩn bị mà nhờ chị gái chuẩn bị đồ dùng mang đi. Việc làm đó của T thể hiện điều gì?

A. T là người tự tin.

B. T là người ỷ lại.

C. T là người tự ti.

D. T là người tự lập.

II. Tự luận: (5 điểm)

Câu 1. (2 điểm) Dù mong muốn cố gắng học giỏi nhưng N luôn nghĩ rằng đó là điều rất khó với mình bởi theo N, những người học giỏi là những người thông minh. Vì vậy, N có cố gắng mấy cũng không thể học giỏi được.

a/ N suy nghĩ vậy là đúng hay sai? Vì sao?

b/ Nếu là bạn của N, em khuyên bạn điều gì?

Câu 2. (3 điểm) Thế nào là tự lập? Vì sao cần phải tự lập? Bản thân em đã rèn luyện tính tự lập như thế nào? (Nêu 4 việc làm cụ thể trong lĩnh vực học tập và sinh hoạt).



ĐỀ 603

I. Trắc nghiệm: (5 điểm)

Hãy ghi vào bài làm chữ cái đứng trước câu trả lời đúng:

Câu 1. Ngày mai, lớp của T đi dã ngoại nhưng bạn không tự chuẩn bị mà nhờ chị gái chuẩn bị đồ dùng mang đi. Việc làm đó của T thể hiện điều gì?

- A. T là người ỷ lại. B. T là người tự lập.
C. T là người tự tin. D. T là người tự ti.

Câu 2. Sau mỗi lần cô giáo trả bài kiểm tra, A thường dành thời gian so sánh, đối chiếu với bài của các bạn được điểm cao để tìm ra những điểm chưa đúng, chưa hay và nhờ các bạn giải thích những điều mà A chưa hiểu. Việc làm này thể hiện A là người

- A. tự nhận thức bản thân. B. dựa dẫm vào người khác.
C. chú ý đến điểm số. D. mặc cảm với bản thân.

Câu 3. Phát hiện bạn C đã tung tin không đúng sự thật trên mạng xã hội, mục đích gây sốc để nhận được nhiều lượt yêu thích và bình luận. Trong tình huống đó, nếu em là bạn của C thì em sẽ làm gì?

- A. Không biết, không phải việc của mình. B. Khuyên bạn không nên làm như vậy.
C. Bất chúc bạn, để mình nổi tiếng. D. Nhờ bạn chỉ cách viết sao để câu nhiều like.

Câu 4. Bản chất của tự lập là:

- A. Tự làm việc B. Dựa vào người khác
C. Đợi sắp xếp mới làm D. Ỗ lại vào người khác

Câu 5. Tự nhận thức bản thân để hiểu đúng về mình, đưa ra những quyết định đúng đắn là

- A. giá trị sống cơ bản. B. điều tất yếu của con người.
C. năng lực của cá nhân. D. kĩ năng sống cơ bản.

Câu 6. Mỗi buổi tối, cứ ăn cơm xong là bạn E giúp mẹ dọn dẹp, rửa bát sau đó lấy sách vở ra học bài. Việc làm đó thể hiện:

- A. E là người tự ti. B. E là người ỷ lại.
C. E là người tự lập. D. E là người tự tin.

Câu 7. Luôn nói thật với người thân, thầy cô, bạn bè và người có trách nhiệm bằng thái độ như thế nào?

- A. Không nói sự thật. B. Khéo léo, tinh tế và tránh sự thật.
C. Dũng cảm, khéo léo, tinh tế và nhân ái. D. Nói thô tục nhưng đúng sự thật là được.

Câu 8. Câu tục ngữ: “Muốn ăn phải lặn vào bể” nói đến điều gì?

- A. Đoàn kết. B. Tự lập. C. Trung thực. D. Tiết kiệm.

Câu 9. Để tự hoàn thiện bản thân, mỗi người cần phải làm gì?

- A. Có kế hoạch và quyết tâm phấn đấu, rèn luyện bản thân.
B. Tích cực lao động hằng ngày để có cuộc sống tốt hơn.
C. Có tinh thần trách nhiệm.
D. Có nhiệt huyết với công việc.

Câu 10. Điểm quan trọng nhất để tự hoàn thiện bản thân là cần xác định được

- A. khả năng của bản thân. B. vẻ đẹp tâm hồn của bản thân.
C. điểm mạnh, điểm yếu của bản thân. D. sức mạnh của bản thân.

Câu 11. Biểu hiện nào dưới đây không phải là tự hoàn thiện bản thân?

- A. Tự tin vào bản thân. B. Rèn luyện sức khỏe.
C. Ham hỏi hỏi. D. Tự cao, tự đại.

Câu 12. Biểu hiện nào dưới đây không phải của tính tự lập?

- A. Tự mình đi học. B. Tự giặt quần áo.
C. Tự mình làm bài tập. D. Đợi ba mẹ nhắc mới đi học

Câu 13. Nick Vujicic - người đàn ông không tay không chân nhưng nổi tiếng với nghị lực phi thường đã truyền niềm tin, sức mạnh cho hàng triệu người trên thế giới. Câu chuyện của Nick nói lên đức tính gì?

- A. Tự lập. B. Tự tin. C. Dũng cảm. D. Tự chủ.

Câu 14. Bảo vệ lẽ phải, đấu tranh, phê phán những việc làm sai trái thể hiện điều gì?

- A. tôn trọng sự thật. B. tiết kiệm, khiêm tốn.
C. xa hoa, lãng phí. D. cần cù, siêng năng.

Câu 15. Câu tục ngữ: “*Tự lực cánh sinh*” nói đến điều gì?

- A. Tự lập. B. Đoàn kết. C. Tiết kiệm. D. Trung thực.

Câu 16. Những gì có thật trong cuộc sống và phản ánh đúng hiện thực cuộc sống được gọi là

- A. tự trọng. B. dũng cảm. C. khiêm tốn. D. sự thật.

Câu 17. Ý kiến nào sau đây là đúng khi nói về ý nghĩa của việc tôn trọng sự thật?

- A. Sự thật luôn làm đau lòng người. B. Làm cho tâm hồn thanh thản.
C. Thường làm mất lòng người khác. D. Người nói thật thường thua thiệt.

Câu 18. Việc làm nào dưới đây thể hiện hành vi của người luôn tôn trọng sự thật?

- A. Không coi cóp bài trong giờ kiểm tra. B. Nói dối mẹ để đi chơi game.
C. Đặt điều nói xấu bạn trong lớp. D. Làm sai thì tìm cách đổ lỗi.

Câu 19. Hành vi, việc làm nào dưới đây là biểu hiện tự nhận thức bản thân?

- A. Tự quyết định mọi việc làm. B. Luôn làm theo ý người khác.
C. Khắc phục khuyết điểm. D. Luôn đề cao bản thân.

Câu 20. Tự nhận thức đúng về bản thân không phải là điều dễ dàng, mà cần phải qua

- A. lao động. B. học tập. C. thực hành. D. rèn luyện.

II. Tự luận: (5 điểm)

Câu 1. (3 điểm) Thế nào là sự thật? Vì sao cần phải tôn trọng sự thật? Tìm 2 câu ca dao, tục ngữ... nói về việc tôn trọng sự thật?

Câu 2. (3 điểm) Dù mong muốn cố gắng học giỏi nhưng bạn K luôn nghĩ rằng đó là điều rất khó với mình bởi theo bạn K, những người học giỏi là những người thông minh. Vì vậy, K có cố gắng mấy cũng không thể học giỏi được.

a/ *Bạn K suy nghĩ vậy là đúng hay sai? Vì sao?*

b/ *Nếu là bạn của bạn K, em khuyên bạn điều gì?*

I. Trắc nghiệm: (5 điểm)

Hãy ghi vào bài làm chữ cái đứng trước câu trả lời đúng:

Câu 1. Phát hiện bạn C đã tung tin không đúng sự thật trên mạng xã hội, mục đích gây sốc để nhận được nhiều lượt yêu thích và bình luận. Trong tình huống đó, nếu em là bạn của C thì em sẽ làm gì?

- A. Nhờ bạn chỉ cách viết sao để câu nhiều like. B. Khuyên bạn không nên làm như vậy.
C. Không biết, không phải việc của mình. D. Bắt chước bạn, để mình nổi tiếng.

Câu 2. Ý kiến nào sau đây là đúng khi nói về ý nghĩa của việc tôn trọng sự thật?

- A. Sự thật luôn làm đau lòng người. B. Làm cho tâm hồn thanh thản.
C. Thường làm mất lòng người khác. D. Người nói thật thường thua thiệt.

Câu 3. Câu tục ngữ: “*Tự lực cánh sinh*” nói đến điều gì?

- A. Trung thực. B. Tiết kiệm. C. Tự lập. D. Đoàn kết.

Câu 4. Ngày mai, lớp của T đi dã ngoại nhưng bạn không tự chuẩn bị mà nhờ chị gái chuẩn bị đồ dùng mang đi. Việc làm đó của T thể hiện điều gì?

- A. T là người tự lập. B. T là người ỷ lại.
C. T là người tự ti. D. T là người tự tin.

Câu 5. Luôn nói thật với người thân, thầy cô, bạn bè và người có trách nhiệm bằng thái độ như thế nào?

- A. Dững cảm, khéo léo, tinh tế và nhân ái. B. Khéo léo, tinh tế và tránh sự thật.
C. Nói thô tục nhưng đúng sự thật là được. D. Không nói sự thật.

Câu 6. Sau mỗi lần cô giáo trả bài kiểm tra, A thường dành thời gian so sánh, đối chiếu với bài của các bạn được điểm cao để tìm ra những điểm chưa đúng, chưa hay và nhờ các bạn giải thích những điều mà A chưa hiểu. Việc làm này thể hiện A là người

- A. chú ý đến điểm số. B. tự nhận thức bản thân.
C. dựa dẫm vào người khác. D. mặc cảm với bản thân.

Câu 7. Để tự hoàn thiện bản thân, mỗi người cần phải làm gì?

- A. Có tinh thần trách nhiệm.
B. Có kế hoạch và quyết tâm phấn đấu, rèn luyện bản thân.
C. Có nhiệt huyết với công việc.
D. Tích cực lao động hằng ngày để có cuộc sống tốt hơn.

Câu 8. Hành vi, việc làm nào dưới đây là biểu hiện tự nhận thức bản thân?

- A. Luôn đề cao bản thân. B. Tự quyết định mọi việc làm.
C. Luôn làm theo ý người khác. D. Khắc phục khuyết điểm.

Câu 9. Tự nhận thức bản thân để hiểu đúng về mình, đưa ra những quyết định đúng đắn là

- A. năng lực của cá nhân. B. kĩ năng sống cơ bản.
C. giá trị sống cơ bản. D. điều tất yếu của con người.

Câu 10. Bảo vệ lẽ phải, đấu tranh, phê phán những việc làm sai trái thể hiện điều gì?

- A. cần cù, siêng năng.
- B. xa hoa, lãng phí.
- C. tiết kiệm, khiêm tốn.
- D. tôn trọng sự thật.

Câu 11. Câu tục ngữ: “Muốn ăn phải lặn vào bếp” nói đến điều gì?

- A. Đoàn kết.
- B. Trung thực.
- C. Tự lập.
- D. Tiết kiệm.

Câu 12. Những gì có thật trong cuộc sống và phản ánh đúng hiện thực cuộc sống được gọi là

- A. sự thật.
- B. tự trọng.
- C. dũng cảm.
- D. khiêm tốn.

Câu 13. Nick Vujicic - người đàn ông không tay không chân nhưng nổi tiếng với nghị lực phi thường đã truyền niềm tin, sức mạnh cho hàng triệu người trên thế giới. Câu chuyện của Nick nói lên đức tính gì?

- A. Tự lập.
- B. Dũng cảm.
- C. Tự tin.
- D. Tự chủ.

Câu 14. Tự nhận thức đúng về bản thân không phải là điều dễ dàng, mà cần phải qua

- A. học tập.
- B. lao động.
- C. rèn luyện.
- D. thực hành.

Câu 15. Bản chất của tự lập là:

- A. Đợi sắp xếp mới làm
- B. Dựa vào người khác
- C. Ý lại vào người khác
- D. Tự làm việc

Câu 16. Mỗi buổi tối, cứ ăn cơm xong là bạn E giúp mẹ dọn dẹp, rửa bát sau đó lấy sách vở ra học bài. Việc làm đó thể hiện:

- A. E là người tự ti.
- B. E là người tự lập.
- C. E là người ỷ lại.
- D. E là người tự tin.

Câu 17. Điểm quan trọng nhất để tự hoàn thiện bản thân là cần xác định được

- A. khả năng của bản thân.
- B. điểm mạnh, điểm yếu của bản thân.
- C. sức mạnh của bản thân.
- D. vẻ đẹp tâm hồn của bản thân.

Câu 18. Biểu hiện nào dưới đây không phải là tự hoàn thiện bản thân?

- A. Tự tin vào bản thân.
- B. Ham hỏi hỏi.
- C. Rèn luyện sức khỏe.
- D. Tự cao, tự đại.

Câu 19. Biểu hiện nào dưới đây không phải của tính tự lập?

- A. Đợi ba mẹ nhắc mới đi học
- B. Tự giặt quần áo.
- C. Tự mình làm bài tập.
- D. Tự mình đi học.

Câu 20. Việc làm nào dưới đây thể hiện hành vi của người luôn tôn trọng sự thật?

- A. Làm sai thì tìm cách đổ lỗi.
- B. Không coi chép bài trong giờ kiểm tra.
- C. Nói dối mẹ để đi chơi game.
- D. Đặt điều nói xấu bạn trong lớp.

II. Tự luận: (5 điểm)

Câu 1. (2 điểm). Tình huống: Nhà của bạn T ở gần trường học nhưng bạn rất hay đi học muộn. Khi sao đó hỏi lí do, bạn T trả lời rằng: “Tại bố mẹ không gọi mình dậy sớm”.

Câu hỏi:

a/ Em có đồng tình với bạn T không? Vì sao?

b/ Nếu là bạn của T thì em sẽ khuyên bạn điều gì?.

Câu 2. (3 điểm) Thế nào là tự lập? Vì sao cần phải tự lập? Tìm 2 câu ca dao, tục ngữ... nói về việc sự tự lập?

PART I. MULTIPLE CHOICE

Listen to the rules of a school computer lab. Then circle the letter A, B, C or D to indicate the correct answer that best fits each of the following sentences. You will listen TWICE.

Question 1. There are _____ computers in the school lab.

- A. 55 B. 50 C. 35 D. 15

Question 2. A student must have a/ an _____ to use the computers here.

- A. email B. guide book C. ID card D. compass

Question 3. Students mustn't use the computers to _____

- A. play games B. review lessons C. check emails D. watch films

Question 4. Students mustn't bring _____ into the school lab.

- A. phones B. food C. drink D. cameras

Listen to Mira talking about her neighborhood and circle the letter A, B, C or D to indicate the correct answer of the following questions. You will listen TWICE.

Question 5. Where is Mira living now ?

- A. a village in Nha Trang B. the suburbs of Nha Trang city
C. Nha Trang city D. a city near Nha Trang

Question 6. Why is Nha Trang great for outdoor activities ?

- A. It has beautiful parks, beaches, and great weather.
B. It has high buildings and busy streets.
C. It has convenient shops, restaurants, and playgrounds.
D. It has delicious seafood.

Question 7. What are people in Mira's neighbourhood like?

- A. careful B. clever C. funny D. friendly

Question 8. How many things does Mira **dislike** about her neighbourhood ?

- A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Circle the letter A, B, C or D to indicate the word that differs from the other three in the position of primary STRESS in each of the following questions

Question 9. A. cathedral B. amazing C. creative D. beautiful

Question 10. A. railway B. modern C. behind D. compass

Circle the letter A, B, C or D to indicate the word whose underlined part differs from the other three in pronunciation in each of the following questions

Question 11. A. station B. cupboards C. backpacks D. suburb

Question 12. A. furniture B. exciting C. scissors D. expensive

Circle the letter A, B, C or D to indicate the correct answer to complete each of the following questions

Question 13. _____ Peter _____ his new boarding school ?

- A. Does/ like B. Is / liking C. Is/ like D. Does/ likes

Question 14. She is an _____ person, so she loves living in big cities.

- A. act B. activity C. action D. active

Question 15. The _____ toys are on the floor.

- A. childrens's B. children C. children' D. children's

Question 16. You _____ go mountain climbing alone. You _____ go in a group.

- A. must to / mustn't B. mustn't/ must C. mustn't / must to D. must / mustn't

Question 17. There's not much rain in _____, so they are really hot and dry.

- A. caves B. deserts C. rivers D. mountains

Circle the letter A, B C or D to indicate the word CLOSEST in meaning to the underlined word(s) in the following question.

Question 18. The new school year always starts on the 5th of September each year.

- A. ends B. begins C. goes D. finishes

Circle the letter A, B, C or D to indicate the word OPPOSITE in meaning to the underlined word(s)

Question 19. The streets in my neighbourhood are narrower than those in yours.

- A. wider B. noisier C. better D. smaller

Circle the letter A, B, C or D to indicate the most suitable response to the following exchange.

Question 20. - "Let's go to the cinema this Saturday."

- "_____". What time can we meet?"

- A. That's fine. B. Oh no! C. Are you sure ? D. You're welcome!

Circle the letter A, B, C or D to indicate the underlined part that needs correction in each of the following questions

Question 21. This book is more interesting as other books on the bookshelf.

- A B C D

Question 22. There are many man-made and natural wonder in Viet Nam.

- A B C D

Read the following passage and circle the letter A, B, C or D to indicate the correct word that best fits each of the numbered blanks.

I am going to Hoi An for this summer vacation. Hoi An was known as a world heritage site in 1999. The weather in Hoi An is very nice. The people there are really kind (23).....friendly. The ancient town of Hoi An is (24)..... the river Thu Bon, more than 30 kilometres to the south of Da Nang.

Hoi An is famous for (25) temples, pagodas, tiled-roof houses and narrow streets. (26).....tourists visit the town every year. They (27).....the beautiful scenery of the river Thu Bon, Cua Dai beach, etc.

Question 23. A. but B. so C. and D. because

Question 24. A. on B. between C. under D. at

Question 25. A. modern B. old C. busy D. cheap

Question 26. A. Many B. Much C. A little D. A few

Question 27. A. enjoyed B. enjoying C. enjoy D. enjoys

Read the following passage and circle the letter A, B, C or D to indicate the correct answer to each of the questions

Mr. Brown is my father's best friend. He is a tall man with short blonde hair. He looks younger than my father. Mr. Brown is a hard working teacher. He is teaching in a school in London. Every morning, he gets up at 6 o'clock, rides his bike around his neighbourhood as morning exercise. After having breakfast, he leaves for work. The school is far from his home, so he can't **go on foot** there. He must go by bus. He has lunch at a restaurant nearby. In the afternoon, he works until 5 or 5.30 and then he goes home.

He doesn't work on Saturdays or Sundays. He goes to the cinema or theatre with his family. He is married and he has a son. He loves his family. They are very happy.

Question 28. How often does Mr. Brown work ?

- A. Every day B. Five days a week C. Six days a week D. Four days a week

Question 29. What does "go on foot" in line 4 mean?

- A. ride a bike B. walk C. fly D. go by bus

Question 30. What is Mr. Brown like?

- A. He is happy. B. He is tall and young.

C. He is hard working.

D. He is short with blonde hair.

Question 31. Which of the following statements is **NOT TRUE**?

A. Mr. Brown doesn't have lunch at home.

B. Mr. Brown doesn't have any son.

C. Mr. Brown works in a school.

D. Mr. Brown does exercise every morning.

Question 32. What does Mr. Brown do at the weekend?

A. He teaches his students.

B. He comes back home.

C. He goes to the cinema or theatre.

D. He leaves for work.

PART II. WRITING

Reorder the words/phrases to make meaningful sentences.

Question 33. badminton /David /right now / are/ and his friends/ playing/.

Question 34. many / does / have / How / Ha Long Bay / islands /?

Question 35. sugar/ for /do /How much /you / your tea/ need/?

Question 36. eating/ wash/ We /before /must/ our hands/.

Finish the second sentence so that it has a similar meaning to the first one, beginning with the given words.

Question 37. A car is more expensive than a motorbike.

A motorbike

Question 38. Let's go to Mui Ne this weekend.

How about?

Question 39. The temple is to the right of the square.

The square is

Question 40. There are two computer rooms and a large library in my school.

My school

----- **THE END** -----



Họ và tên:

Lớp: 6A.....

Mã đề A602

PART I. MULTIPLE CHOICE

Listen to the rules of a school computer lab. Then circle the letter A, B, C or D to indicate the correct answer that best fits each of the following sentences. You will listen TWICE.

Question 1. There are _____ computers in the school lab.

- A. 35 B. 15 C. 55 D. 50

Question 2. A student must have a/ an _____ to use the computers here.

- A. compass B. guide book C. ID card D. email

Question 3. Students mustn't use the computers to _____

- A. check emails B. play games C. review lessons D. watch films

Question 4. Students mustn't bring _____ into the school lab.

- A. food B. drink C. cameras D. phones

Listen to Mira talking about her neighborhood and circle the letter A, B, C or D to indicate the correct answer of the following questions. You will listen TWICE.

Question 5. Where is Mira living now ?

- A. a village in Nha Trang B. a city near Nha Trang
C. Nha Trang city D. the suburbs of Nha Trang city

Question 6. Why is Nha Trang great for outdoor activities ?

- A. It has convenient shops, restaurants, and playgrounds.
B. It has delicious seafood.
C. It has high buildings and busy streets.
D. It has beautiful parks, beaches, and great weather.

Question 7. What are people in Mira's neighbourhood like?

- A. clever B. funny C. careful D. friendly

Question 8. How many things does Mira **dislike** about her neighbourhood ?

- A. 2 B. 1 C. 3 D. 4

Circle the letter A, B, C or D to indicate the underlined part that needs correction in each of the following questions

Question 9. There are many man-made and natural wonder in Viet Nam.

- A B C D

Question 10. This book is more interesting as other books on the bookshelf.

- A B C D

Circle the letter A, B, C or D to indicate the word CLOSEST in meaning to the underlined word(s) in the following question.

Question 11. The new school year always starts on the 5th of September each year.

- A. ends B. finishes C. begins D. goes

Circle the letter A, B, C or D to indicate the word OPPOSITE in meaning to the underlined word(s)

Question 12. The streets in my neighbourhood are narrower than those in yours.

- A. smaller B. noisier C. wider D. better

Read the following passage and circle the letter A, B, C or D to indicate the correct answer to each of the questions

Mr. Brown is my father's best friend. He is a tall man with short blonde hair. He looks younger than my father. Mr. Brown is a hard working teacher. He is teaching in a school in London. Every morning, he gets up at 6 o'clock, rides his bike around his neighbourhood as morning exercise. After having breakfast, he leaves for work. The school is far from his home, so he can't **go on foot** there. He must go by bus. He has lunch at a restaurant nearby. In the afternoon, he works until 5 or 5.30 and then he goes home.

He doesn't work on Saturdays or Sundays. He goes to the cinema or theatre with his family. He is married and he has a son. He loves his family. They are very happy.

Question 13. What does Mr. Brown do at the weekend?

- | | |
|-----------------------------|--------------------------------------|
| A. He teaches his students. | B. He leaves for work. |
| C. He comes back home. | D. He goes to the cinema or theatre. |

Question 14. What does "go on foot" in line 4 mean?

- | | | | |
|--------------|----------------|---------|--------|
| A. go by bus | B. ride a bike | C. walk | D. fly |
|--------------|----------------|---------|--------|

Question 15. How often does Mr. Brown work ?

- | | | | |
|--------------------|--------------|---------------------|---------------------|
| A. Six days a week | B. Every day | C. Five days a week | D. Four days a week |
|--------------------|--------------|---------------------|---------------------|

Question 16. Which of the following statements is **NOT TRUE**?

- A. Mr. Brown works in a school.
- B. Mr. Brown doesn't have lunch at home.
- C. Mr. Brown doesn't have any son.
- D. Mr. Brown does exercise every morning.

Question 17. What is Mr. Brown like?

- | | |
|------------------------|----------------------------------|
| A. He is happy. | B. He is tall and young. |
| C. He is hard working. | D. He is short with blonde hair. |

Circle the letter A, B, C or D to indicate the word whose underlined part differs from the other three in pronunciation in each of the following questions

- | | | | |
|---|------------------------|----------------------|------------------------|
| Question 18. A. sciss <u>ors</u> | B. expens <u>i</u> ve | C. exc <u>i</u> ting | D. furn <u>i</u> ture |
| Question 19. A. sub <u>u</u> rb | B. back <u>u</u> packs | C. stat <u>i</u> on | D. cup <u>u</u> boards |

Circle the letter A, B, C or D to indicate the word that differs from the other three in the position of primary STRESS in each of the following questions

- | | | | |
|---|-----------------------|----------------------|---------------------|
| Question 20. A. cath <u>ed</u> ral | B. bea <u>u</u> tiful | C. crea <u>t</u> ive | D. ama <u>z</u> ing |
| Question 21. A. mod <u>e</u> rn | B. beh <u>i</u> nd | C. comp <u>a</u> ss | D. railw <u>a</u> y |

Read the following passage and circle the letter A, B, C or D to indicate the correct word that best fits each of the numbered blanks.

I am going to Hoi An for this summer vacation. Hoi An was known as a world heritage site in 1999. The weather in Hoi An is very nice. The people there are really kind (22).....friendly. The ancient town of Hoi An is (23)..... the river Thu Bon, more than 30 kilometres to the south of Da Nang.

Hoi An is famous for (24) temples, pagodas, tiled-roof houses and narrow streets. (25).....tourists visit the town every year. They (26).....the beautiful scenery of the river Thu Bon, Cua Dai beach, etc.

- | | | | |
|--------------------------------|-----------|-------------|-------------|
| Question 22. A. but | B. and | C. because | D. so |
| Question 23. A. between | B. at | C. on | D. under |
| Question 24. A. cheap | B. busy | C. modern | D. old |
| Question 25. A. A few | B. Much | C. Many | D. A little |
| Question 26. A. enjoyed | B. enjoys | C. enjoying | D. enjoy |

Circle the letter A, B, C or D to indicate the most suitable response to the following exchange.

Question 27. - "Let's go to the cinema this Saturday."

- ".....". What time can we meet?"

- | | | | |
|-----------------|-------------------|-----------|--------------------|
| A. That's fine. | B. Are you sure ? | C. Oh no! | D. You're welcome! |
|-----------------|-------------------|-----------|--------------------|

Circle the letter A, B, C or D to indicate the correct answer to complete each of the following questions

- Question 28.** You _____ go mountain climbing alone. You _____ go in a group.
 A. mustn't/ must B. must to / mustn't C. must / mustn't D. mustn't / must to
- Question 29.** She is an _____ person, so she loves living in big cities.
 A. act B. activity C. action D. active
- Question 30.** There's not much rain in _____, so they are really hot and dry.
 A. caves B. mountains C. rivers D. deserts
- Question 31.** _____ Peter _____ his new boarding school ?
 A. Is / liking B. Does/ like C. Does/ likes D. Is/ like
- Question 32.** The _____ toys are on the floor.
 A. children's B. children' C. children D. childrens's

PART II. WRITING

Finish the second sentence so that it has a similar meaning to the first one, beginning with the given words.

Question 33. There are two computer rooms and a large library in my school.
 My school

Question 34. Let's go to Mui Ne this weekend.
 How about?

Question 35. A car is more expensive than a motorbike.
 A motorbike

Question 36. The temple is to the right of the square.
 The square is

Reorder the words/phrases to make meaningful sentences.

Question 37. many / does / have / How / Ha Long Bay / islands /?

Question 38. eating/ wash/ We /before /must/ our hands/.

Question 39. sugar/ for /do /How much /you / your tea/ need/?

Question 40. badminton /David /right now / are/ and his friends/ playing/.

----- **THE END** -----



Họ và tên:

Lớp: 6A.....

Mã đề A603

PART I. MULTIPLE CHOICE

Listen to the rules of a school computer lab. Then circle the letter A, B, C or D to indicate the correct answer that best fits each of the following sentences. You will listen TWICE.

Question 1. There are _____ computers in the school lab.

- A. 55 B. 35 C. 50 D. 15

Question 2. A student must have a/ an _____ to use the computers here.

- A. email B. compass C. ID card D. guide book

Question 3. Students mustn't use the computers to _____

- A. play games B. watch films C. check emails D. review lessons

Question 4. Students mustn't bring _____ into the school lab.

- A. phones B. cameras C. food D. drink

Listen to Mira talking about her neighborhood and circle the letter A, B, C or D to indicate the correct answer of the following questions. You will listen TWICE.

Question 5. Where is Mira living now ?

- A. Nha Trang city B. a village in Nha Trang
C. a city near Nha Trang D. the suburbs of Nha Trang city

Question 6. Why is Nha Trang great for outdoor activities ?

- A. It has convenient shops, restaurants, and playgrounds.
B. It has delicious seafood.
C. It has high buildings and busy streets.
D. It has beautiful parks, beaches, and great weather.

Question 7. What are people in Mira's neighbourhood like?

- A. careful B. clever C. funny D. friendly

Question 8. How many things does Mira **dislike** about her neighbourhood ?

- A. 4 B. 2 C. 3 D. 1

Circle the letter A, B C or D to indicate the word CLOSEST in meaning to the underlined word(s) in the following question.

Question 9. The new school year always **starts** on the 5th of September each year.

- A. finishes B. goes C. ends D. begins

Read the following passage and circle the letter A, B, C or D to indicate the correct word that best fits each of the numbered blanks.

I am going to Hoi An for this summer vacation. Hoi An was known as a world heritage site in 1999. The weather in Hoi An is very nice. The people there are really kind (10).....friendly. The ancient town of Hoi An is (11)..... the river Thu Bon, more than 30 kilometres to the south of Da Nang.

Hoi An is famous for (12) temples, pagodas, tiled-roof houses and narrow streets. (13).....tourists visit the town every year. They (14).....the beautiful scenery of the river Thu Bon, Cua Dai beach, etc.

Question 10. A. but B. so C. because D. and

Question 11. A. under B. at C. between D. on

Question 12. A. old B. busy C. cheap D. modern

Question 13. A. A little B. A few C. Many D. Much

Question 14. A. enjoying B. enjoyed C. enjoys D. enjoy

Circle the letter A, B, C or D to indicate the most suitable response to the following exchange.

Question 15. - "Let's go to the cinema this Saturday."

- "_____. What time can we meet?"

- A. Are you sure ? B. That's fine. C. You're welcome! D. Oh no!

Circle the letter A, B, C or D to indicate the word **OPPOSITE** in meaning to the underlined word(s)

Question 16. The streets in my neighbourhood are narrower than those in yours.

- A. noisier B. better C. smaller D. wider

Circle the letter A, B, C or D to indicate the word whose underlined part differs from the other three in pronunciation in each of the following questions

Question 17. A. backpacks B. station C. suburb D. cupboards

Question 18. A. exciting B. expensive C. furniture D. scissors

Circle the letter A, B, C or D to indicate the word that differs from the other three in the position of primary **STRESS** in each of the following questions

Question 19. A. beautiful B. cathedral C. creative D. amazing

Question 20. A. compass B. behind C. modern D. railway

Circle the letter A, B, C or D to indicate the correct answer to complete each of the following questions

Question 21. You _____ go mountain climbing alone. You _____ go in a group.

- A. mustn't/ must B. must / mustn't C. must to / mustn't D. mustn't / must to

Question 22. There's not much rain in _____, so they are really hot and dry.

- A. deserts B. mountains C. rivers D. caves

Question 23. The _____ toys are on the floor.

- A. childrens's B. children's C. children D. children'

Question 24. She is an _____ person, so she loves living in big cities.

- A. act B. action C. activity D. active

Question 25. _____ Peter _____ his new boarding school ?

- A. Is/ like B. Does/ like C. Is / liking D. Does/ likes

Read the following passage and circle the letter A, B, C or D to indicate the correct answer to each of the questions

Mr. Brown is my father's best friend. He is a tall man with short blonde hair. He looks younger than my father. Mr. Brown is a hard working teacher. He is teaching in a school in London. Every morning, he gets up at 6 o'clock, rides his bike around his neighbourhood as morning exercise. After having breakfast, he leaves for work. The school is far from his home, so he can't go on foot there. He must go by bus. He has lunch at a restaurant nearby. In the afternoon, he works until 5 or 5.30 and then he goes home.

He doesn't work on Saturdays or Sundays. He goes to the cinema or theatre with his family. He is married and he has a son. He loves his family. They are very happy.

Question 26. Which of the following statements is **NOT TRUE**?

- A. Mr. Brown works in a school.
B. Mr. Brown doesn't have lunch at home.
C. Mr. Brown doesn't have any son.
D. Mr. Brown does exercise every morning.

Question 27. How often does Mr. Brown work ?

- A. Six days a week B. Every day C. Five days a week D. Four days a week

Question 28. What is Mr. Brown like?

- A. He is tall and young. B. He is hard working.
C. He is short with blonde hair. D. He is happy.

Question 29. What does “go on foot ” in line 4 mean?

- A. fly B. walk C. ride a bike D. go by bus

Question 30. What does Mr. Brown do at the weekend?

- A. He teaches his students.
- B. He leaves for work.
- C. He goes to the cinema or theatre.
- D. He comes back home.

Circle the letter A, B, C or D to indicate the underlined part that needs correction in each of the following questions

Question 31. There are many man-made and natural wonder in Viet Nam.

- | A | B | C | D |
|---|---|---|---|
|---|---|---|---|

Question 32. This book is more interesting as other books on the bookshelf.

- A B C D

PART II. WRITING

Reorder the words/phrases to make meaningful sentences.

Question 33. badminton /David /right now / are/ and his friends/ playing/.

Question 34. sugar/ for /do /How much /you / your tea/ need/?

Question 35. eating/ wash/ We /before /must/ our hands/.

Question 36. many / does / have / How / Ha Long Bay / islands /?

Finish the second sentence so that it has a similar meaning to the first one, beginning with the given words.

Question 37. The temple is to the right of the square.

The square is

Question 38. Let's go to Mui Ne this weekend.

How about

Question 39. A car is more expensive than a motorbike.

A motorbike

Question 40. There are two computer rooms and a large library in my school.

My school

THE END



Họ và tên:

Lớp: 6A.....

Mã đề A604

PART I. MULTIPLE CHOICE

Listen to the rules of a school computer lab. Then circle the letter A, B, C or D to indicate the correct answer that best fits each of the following sentences. You will listen TWICE.

Question 1. There are _____ computers in the school lab.

- A. 35 B. 55 C. 15 D. 50

Question 2. A student must have a/ an _____ to use the computers here.

- A. compass B. guide book C. email D. ID card

Question 3. Students mustn't use the computers to _____

- A. review lessons B. play games C. watch films D. check emails

Question 4. Students mustn't bring _____ into the school lab.

- A. cameras B. phones C. drink D. food

Listen to Mira talking about her neighborhood and circle the letter A, B, C or D to indicate the correct answer of the following questions. You will listen TWICE.

Question 5. Where is Mira living now ?

- A. a city near Nha Trang B. a village in Nha Trang
C. Nha Trang city D. the suburbs of Nha Trang city

Question 6. Why is Nha Trang great for outdoor activities ?

- A. It has beautiful parks, beaches, and great weather.
B. It has high buildings and busy streets.
C. It has delicious seafood.
D. It has convenient shops, restaurants, and playgrounds.

Question 7. What are people in Mira's neighbourhood like?

- A. friendly B. clever C. funny D. careful

Question 8. How many things does Mira **dislike** about her neighbourhood ?

- A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Circle the letter A, B, C or D to indicate the word that differs from the other three in the position of primary STRESS in each of the following questions

Question 9. A. compass B. railway C. behind D. modern

Question 10. A. cathedral B. creative C. beautiful D. amazing

Circle the letter A, B, C or D to indicate the word whose underlined part differs from the other three in pronunciation in each of the following questions

Question 11. A. backpacks B. station C. suburb D. cupboards

Question 12. A. furniture B. scissors C. expensive D. exciting

Read the following passage and circle the letter A, B, C or D to indicate the correct answer to each of the questions

Mr. Brown is my father's best friend. He is a tall man with short blonde hair. He looks younger than my father. Mr. Brown is a hard working teacher. He is teaching in a school in London. Every morning, he gets up at 6 o'clock, rides his bike around his neighbourhood as morning exercise. After having breakfast, he leaves for work. The school is far from his home, so he can't go on foot there. He must go by bus. He has lunch at a restaurant nearby. In the afternoon, he works until 5 or 5.30 and then he goes home.

He doesn't work on Saturdays or Sundays. He goes to the cinema or theatre with his family. He is married and he has a son. He loves his family. They are very happy.

Question 13. What is Mr. Brown like?

- A. He is short with blonde hair. B. He is hard working.
C. He is tall and young. D. He is happy.

Question 14. What does Mr. Brown do at the weekend?

- A. He leaves for work. B. He goes to the cinema or theatre.
C. He comes back home. D. He teaches his students.

Question 15. Which of the following statements is **NOT TRUE**?

- A. Mr. Brown works in a school.
B. Mr. Brown does exercise every morning.
C. Mr. Brown doesn't have any son.
D. Mr. Brown doesn't have lunch at home.

Question 16. What does "go on foot" in line 4 mean?

- A. ride a bike B. fly C. go by bus D. walk

Question 17. How often does Mr. Brown work ?

- A. Every day B. Six days a week C. Five days a week D. Four days a week

Circle the letter A, B, C or D to indicate the correct answer to complete each of the following questions

Question 18. The _____ toys are on the floor.

- A. children's B. childrens's C. children' D. children

Question 19. _____ Peter _____ his new boarding school ?

- A. Is/ like B. Is / liking C. Does/ likes D. Does/ like

Question 20. There's not much rain in _____, so they are really hot and dry.

- A. deserts B. rivers C. caves D. mountains

Question 21. You _____ go mountain climbing alone. You _____ go in a group.

- A. must / mustn't B. mustn't/ must C. must to / mustn't D. mustn't / must to

Question 22. She is an _____ person, so she loves living in big cities.

- A. act B. active C. action D. activity

Circle the letter A, B, C or D to indicate the underlined part that needs correction in each of the following questions

Question 23. This book is more interesting as other books on the bookshelf.

- A B C D

Question 24. There are many man-made and natural wonder in Viet Nam.

- A B C D

Read the following passage and circle the letter A, B, C or D to indicate the correct word that best fits each of the numbered blanks.

I am going to Hoi An for this summer vacation. Hoi An was known as a world heritage site in 1999. The weather in Hoi An is very nice. The people there are really kind (25).....friendly. The ancient town of Hoi An is (26)..... the river Thu Bon, more than 30 kilometres to the south of Da Nang.

Hoi An is famous for (27) temples, pagodas, tiled-roof houses and narrow streets. (28).....tourists visit the town every year. They (29).....the beautiful scenery of the river Thu Bon, Cua Dai beach, etc.

- Question 25.** A. because B. but C. and D. so
Question 26. A. under B. between C. at D. on
Question 27. A. old B. modern C. cheap D. busy
Question 28. A. A few B. Many C. A little D. Much
Question 29. A. enjoys B. enjoying C. enjoy D. enjoyed

Circle the letter A, B C or D to indicate the word CLOSEST in meaning to the underlined word(s) in the following question.

Question 30. The new school year always starts on the 5th of September each year.

A. finishes

B. goes

C. ends

D. begins

Circle the letter A, B, C or D to indicate the most suitable response to the following exchange.

Question 31. - "Let's go to the cinema this Saturday."

- "_____. What time can we meet?"

A. You're welcome!

B. Oh no!

C. Are you sure ?

D. That's fine.

Circle the letter A, B, C or D to indicate the word OPPOSITE in meaning to the underlined word(s)

Question 32. The streets in my neighbourhood are narrower than those in yours.

A. better

B. wider

C. noisier

D. smaller

PART II. WRITING

Finish the second sentence so that it has a similar meaning to the first one, beginning with the given words.

Question 33. There are two computer rooms and a large library in my school.

My school

Question 34. A car is more expensive than a motorbike.

A motorbike

Question 35. The temple is to the right of the square.

The square is

Question 36. Let's go to Mui Ne this weekend.

How about?

Reorder the words/phrases to make meaningful sentences.

Question 37. sugar/ for /do /How much /you / your tea/ need/?

Question 38. badminton /David /right now / are/ and his friends/ playing/.

Question 39. eating/ wash/ We /before /must/ our hands/.

Question 40. many / does / have / How / Ha Long Bay / islands /?

----- **THE END** -----



- Mã đề: 601 -

I. Phần trắc nghiệm (7 điểm):

Ghi chữ cái đặt trước câu trả lời đúng vào giấy kiểm tra.

Câu 1. Nguyên nhân chính gây bệnh “quáng gà” là

- A. Thừa vitamin C. B. Thừa vitamin E.
C. Thiếu vitamin D. D. Thiếu vitamin A.

Câu 2. Sinh vật nào sau đây là sinh vật đa bào?

- A. Nấm kim châm. B. Trùng biến hình.
C. Xoắn khuẩn. D. Trùng roi.

5  **Câu 3. Giải pháp nào phù hợp nhất để dập tắt ngọn lửa cháy bằng xăng?**

- A. Phun nước.
B. Dùng bình chữa cháy gia đình để phun vào.
C. Dùng chiếc chăn khô đắp vào.
D. Dùng cát đổ trùm lên.

5  **Câu 4. Tính chất chung của nhiên liệu là**

- A. dễ cháy, khi cháy sinh ra khí Oxygen.
B. cháy tỏa nhiệt và phát sáng.
C. dẫn nhiệt, dẫn điện tốt.
D. luôn ở thể rắn, dễ tan trong nước.

6  **Câu 5. Hỗn hợp bột đá vôi trong nước được gọi là**

- A. nhũ tương. B. dung môi. C. huyền phù. D. dung dịch;

Câu 6. Khi 1 tế bào thực hiện quá trình phân bào 4 lần liên tiếp sẽ tạo ra bao nhiêu tế bào con?

- A. 8. B. 4. C. 2. D. 16.

Câu 7. Biện pháp sử dụng gas tiết kiệm và hiệu quả là

- A. nên để gas ở mức độ nhỏ nhất, tạo ngọn lửa bé.
B. nên để gas ở mức độ lớn nhất, tạo ngọn lửa to nhất.
C. ngăn không cho khí gas tiếp xúc với không khí hay khí oxygen.
D. tùy nhiệt độ cần thiết khi nấu mà ta điều chỉnh gas cho phù hợp.

Câu 8. Dãy chất nào dưới đây chỉ gồm vật liệu nhân tạo?

- A. Nhựa, thủy tinh, đá, gỗ. B. Nhựa, thép, thủy tinh, xi măng.
C. Thép, gỗ, nhựa, nhôm. D. Gốm, than đá, thép, gạch.

Câu 9. Nhận định nào đúng khi nói về hình dạng và kích thước tế bào?

- A. Các loại tế bào đều có chung hình dạng và kích thước.
- B. Các loại tế bào thường có hình dạng khác nhau nhưng kích thước giống nhau.
- C. Các loại tế bào khác nhau thường có hình dạng và kích thước khác nhau.
- D. Các loại tế bào chỉ khác nhau về kích thước, chúng giống nhau về hình dạng.

Câu 10. Sinh vật đơn bào là

- A. cơ thể được cấu tạo bởi một tế bào.
- B. cơ thể được cấu tạo bởi nhiều tế bào khác nhau.
- C. sinh vật có kích thước lớn.
- D. sinh vật có cấu tạo rất phức tạp.

Câu 11. Thực phẩm nào dưới đây đã bị hư hỏng?

- A. Bánh mì mới sản xuất.
- B. Rau xanh mới được cắt
- C. Rau xanh có nhiều lá vàng úa.
- D. Trái cây tươi.

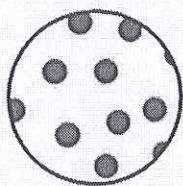
Câu 12. Tính chất vật lí của khí oxygen là

- A. chất khí không màu, không mùi, nặng hơn không khí.
- B. hóa lỏng ở -183°C , oxygen rắn có màu vàng cam.
- C. có mùi thơm, có thể lan tỏa trong không gian theo mọi hướng.
- D. tan nhiều trong nước.

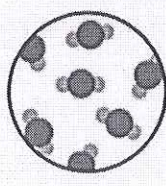
Câu 13. Lương thực nào được người Việt Nam sử dụng làm thức ăn hàng ngày?

- A. Ngô
- B. Gạo.
- C. Khoai lang.
- D. Lúa mì.

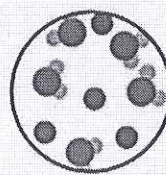
Câu 14. Hình ảnh nào trong các hình ảnh dưới đây mô tả dung dịch?



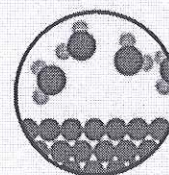
Hình a



Hình b



Hình c



Hình d

- A. Hình b.
- B. Hình c.
- C. Hình a.
- D. Hình d.

Câu 15. Tại sao các chất khí dễ cháy hoàn toàn hơn các nhiên liệu rắn và nhiên liệu lỏng?

- A. Vì nhiên liệu khí nhẹ hơn nhiên liệu rắn và lỏng.
- B. Vì nhiên liệu khí có nhiệt độ sôi thấp hơn nhiên liệu rắn và lỏng.
- C. Vì diện tích tiếp xúc của nhiên liệu khí với không khí là lớn hơn.
- D. Vì nhiên liệu khí có khối lượng riêng lớn hơn nhiên liệu rắn và lỏng.

A. 1, 3.

B. 2, 3.

C. 1, 2, 3.

D. 1, 2.

Câu 26. Loại thực phẩm nào sau đây chứa nhiều chất bột?

A. Gạo nếp.

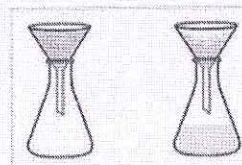
B. Mỡ cá.

C. Rau càng cua.

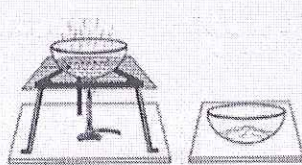
D. Thịt bò.



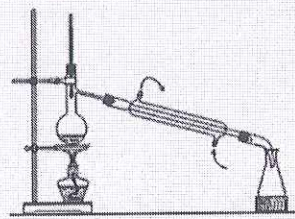
Câu 27. Hình ảnh minh họa lắp đặt các thiết bị thí nghiệm nào dưới đây mô tả quá trình tách chất bằng phương pháp cô cạn?



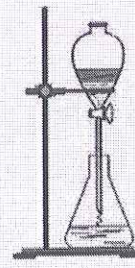
Hình a



Hình b



Hình c



Hình d

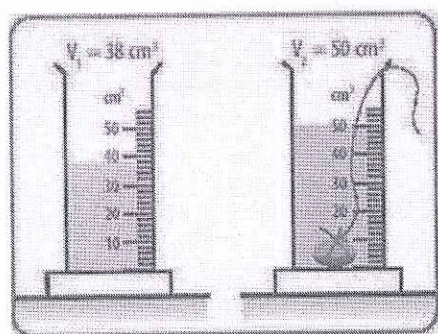
A. Hình b.

B. Hình c.

C. Hình a.

D. Hình d.

Câu 28. Thể tích chất rắn được mô tả ở hình bên là



A. 21 cm³

B. 38 cm³

C. 12 cm³

D. 50 cm³

II. Phân tự luận (3 điểm)

Câu 1. (1 điểm) Em hãy trình bày một số biện pháp để hạn chế ô nhiễm không khí do bụi và do khí thải công nghiệp.

Câu 2. (1 điểm)

a. Thế nào là dung dịch? Em hãy lấy ít nhất 2 ví dụ về dung dịch.

b. Mẹ và Lan đang làm bánh, mẹ đã trộn đường trắng với bột mì, sau đó hỏi Lan: "Làm thế nào để tách riêng hỗn hợp đường và bột mì?" Em hãy giúp Lan trả lời câu hỏi này.

Câu 3. (1 điểm) Trình bày cấu tạo, chức năng các thành phần chính của tế bào? Vì sao nói tế bào là đơn vị cấu trúc của mọi cơ thể sống?

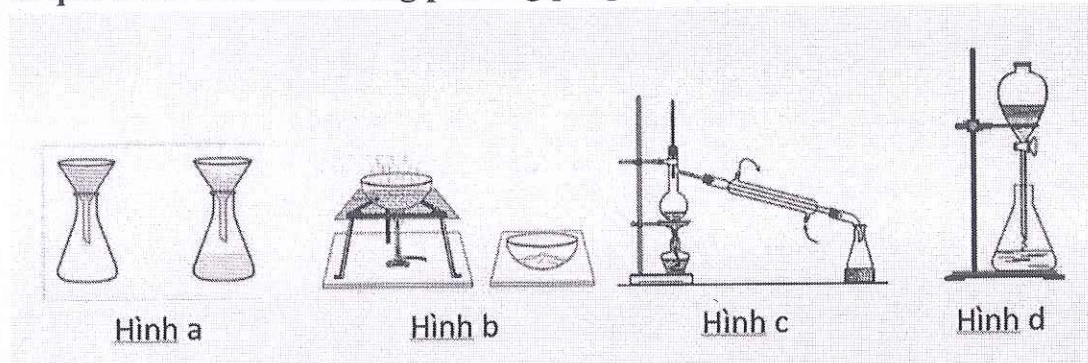
-- Chúc các con làm bài đạt kết quả cao!--

- Mã đề: 602 -

I. Phần trắc nghiệm (7 điểm):

Ghi chữ cái đặt trước câu trả lời đúng vào giấy kiểm tra.

Câu 1. Hình ảnh minh họa lắp đặt các thiết bị thí nghiệm nào dưới đây mô tả quá trình tách chất bằng phương pháp cô cạn?



- A. Hình c. B. Hình a. C. Hình d. D. Hình b.

Câu 2. Dựa vào tính chất nào mà kim loại đồng, kim loại nhôm lại được sử dụng làm dây điện?

- A. Tính dẫn nhiệt. B. Tính tan.
C. Tính dẫn điện. D. Tính nóng chảy.

Câu 3. Lương thực nào được người Việt Nam sử dụng làm thức ăn hàng ngày?

- A. Khoai lang. B. Ngô C. Gạo. D. Lúa mì.

Câu 4. Bào quan nào sau đây có ở tế bào thực vật nhưng hầu hết tế bào động vật không có?

- A. màng tế bào B. vùng nhân C. Nhân tế bào D. lục lạp

Câu 5. Giải pháp nào phù hợp nhất để dập tắt ngọn lửa cháy bằng xăng?

- A. Dùng bình chữa cháy gia đình để phun vào.
B. Phun nước.
C. Dùng cát đổ trùm lên.
D. Dùng chiếc chăn khô đắp vào.

Câu 6. Vì sao không nên dùng bếp than để sưởi ấm trong phòng kín?

- A. Vì than cháy tạo khí CO, CO₂ có thể gây tử vong nếu ngủ quá nhiều trong phòng kín.
B. Vì than không cháy được trong phòng kín.

C. Vì giá thành than khá cao và khó tìm.

D. Vì than tỏa nhiều nhiệt dẫn đến phòng quá nóng.

Câu 7. Nguyên nhân chính gây bệnh “quáng gà” là

A. Thừa vitamin E.

B. Thừa vitamin C.

C. Thiếu vitamin D.

D. Thiếu vitamin A.

Câu 8. Tính chất chung của nhiên liệu là

A. luôn ở thể rắn, dễ tan trong nước.

B. dễ cháy, khi cháy sinh ra khí Oxygen.

C. dẫn nhiệt, dẫn điện tốt.

D. cháy tỏa nhiệt và phát sáng.

Câu 9. Sinh vật đơn bào là

A. cơ thể được cấu tạo bởi một tế bào.

B. sinh vật có cấu tạo rất phức tạp.

C. cơ thể được cấu tạo bởi nhiều tế bào khác nhau.

D. sinh vật có kích thước lớn.

Câu 10. Tổ chức của cơ thể đa bào được sắp xếp theo thứ tự từ cấp độ thấp đến cao là

A. cơ thể → cơ quan → mô → tế bào → hệ cơ quan.

B. tế bào → cơ quan → hệ cơ quan → mô → cơ thể.

C. mô → hệ cơ quan → tế bào → cơ thể → cơ quan.

D. tế bào → mô → cơ quan → hệ cơ quan → cơ thể.

Câu 11. Thể tích chất rắn được mô tả ở hình bên là

A. 12 cm^3

B. 21 cm^3

C. 50 cm^3

D. 38 cm^3

Câu 12. Loại thực phẩm nào sau đây chứa nhiều chất béo?

A. Thịt bò.

B. Dầu ăn.

C. Rau càng cua.

D. Gạo nếp.

Câu 13. Biện pháp sử dụng gas tiết kiệm và hiệu quả là

A. nên để gas ở mức độ nhỏ nhất, tạo ngọn lửa bé.

B. tùy nhiệt độ cần thiết khi nấu mà ta điều chỉnh gas cho phù hợp.

C. ngăn không cho khí gas tiếp xúc với không khí hay khí oxygen.

D. nên để gas ở mức độ lớn nhất, tạo ngọn lửa to nhất.

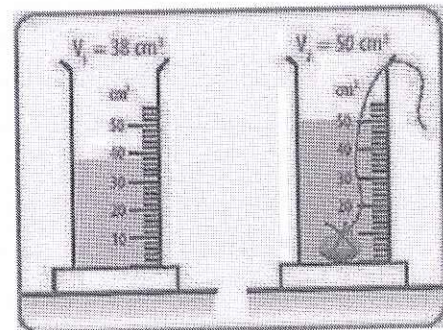
Câu 14. Thực phẩm nào dưới đây đã bị hư hỏng?

A. Rau xanh có nhiều lá vàng úa.

B. Trái cây tươi.

C. Rau xanh mới được cắt

D. Bánh mì mới sản xuất.



Câu 15. Tại sao các chất khí dễ cháy hoàn toàn hơn các nhiên liệu rắn và nhiên liệu lỏng?

- A. Vì diện tích tiếp xúc của nhiên liệu khí với không khí là lớn hơn.
- B. Vì nhiên liệu khí có khối lượng riêng lớn hơn nhiên liệu rắn và lỏng.
- C. Vì nhiên liệu khí nhẹ hơn nhiên liệu rắn và lỏng.
- D. Vì nhiên liệu khí có nhiệt độ sôi thấp hơn nhiên liệu rắn và lỏng.

Câu 16. Cơ thể sinh vật lớn lên chủ yếu dựa vào những hoạt động nào dưới đây?

- (1) Sự hấp thụ và ứ đọng nước trong dịch TB theo thời gian.
- (2) Sự gia tăng số lượng TB qua quá trình phân chia.
- (3) Sự tăng kích thước của từng TB do trao đổi chất.

- A. 1, 2.
- B. 2, 3.
- C. 1, 3.
- D. 1, 2, 3.

Câu 17. Sự ngưng tụ là quá trình chuyển thể từ

- A. thể lỏng sang thể rắn của chất.
- B. thể rắn sang thể lỏng của chất.
- C. thể khí sang thể lỏng của chất.
- D. thể lỏng sang thể khí của chất.

Câu 18. Sinh vật nào sau đây là sinh vật đa bào?

- A. Trùng roi.
- B. Nấm kim châm.
- C. Trùng biến hình.
- D. Xoắn khuẩn.

Câu 19. Tính chất vật lí của khí oxygen là

- A. hóa lỏng ở -183°C , oxygen rắn có màu vàng cam.
- B. có mùi thơm, có thể lan tỏa trong không gian theo mọi hướng.
- C. chất khí không màu, không mùi, nặng hơn không khí.
- D. tan nhiều trong nước.

Câu 20. Nhận định nào đúng khi nói về hình dạng và kích thước tế bào?

- A. Các loại tế bào thường có hình dạng khác nhau nhưng kích thước giống nhau.
- B. Các loại tế bào khác nhau thường có hình dạng và kích thước khác nhau.
- C. Các loại tế bào chỉ khác nhau về kích thước, chúng giống nhau về hình dạng.
- D. Các loại tế bào đều có chung hình dạng và kích thước.

Câu 21. Trong công nghiệp sản xuất giấy, gỗ đóng vai trò là

- A. phế liệu.
- B. nhiên liệu.
- C. vật liệu.
- D. nguyên liệu.

Câu 22. Khi 1 tế bào thực hiện quá trình phân bào 4 lần liên tiếp sẽ tạo ra bao nhiêu tế bào con?

- A. 2.
- B. 8.
- C. 16.
- D. 4.

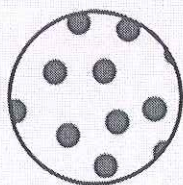
Câu 23. Thực vật có những hệ cơ quan nào?

- A. Hệ chồi và hệ rễ.
- B. Hệ thân và hệ lá.
- C. Hệ rễ và hệ thân.
- D. Hệ cơ và hệ thân.

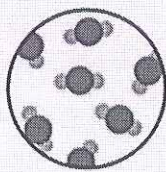
Câu 24. Dãy chất nào dưới đây chỉ gồm vật liệu nhân tạo?

- A. Thép, gỗ, nhựa, nhôm. B. Gốm, than đá, thép, gạch.
C. Nhựa, thủy tinh, đá, gỗ. D. Nhựa, thép, thủy tinh, xi măng.

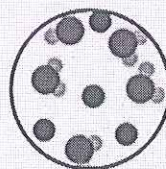
Câu 25. Hình ảnh nào trong các hình ảnh dưới đây mô tả dung dịch?



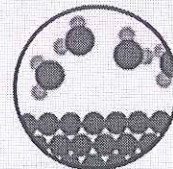
Hình a



Hình b



Hình c



Hình d

- A. Hình d. B. Hình c. C. Hình a. D. Hình b.

Câu 26. Hỗn hợp bột đá vôi trong nước được gọi là

- A. huyền phù. B. nhũ tương. C. dung môi. D. dung dịch;

Câu 27. Nguyên liệu chính để sản xuất thủy tinh là

- A. đất sét. B. muối ăn. C. cát thạch anh. D. đá vôi.

Câu 28. Ở trạng thái nào chất có khối lượng xác định, nhưng hình dạng và thể tích không xác định?

- A. Lỏng. B. Khí. C. Rắn. D. Cả khí và lỏng.

II. Phần tự luận (3 điểm)

Câu 1. (1 điểm) Em hãy trình bày một số biện pháp để hạn chế ô nhiễm không khí do khí thải từ phương tiện giao thông và đốt rác sinh hoạt.

Câu 2. (1 điểm)

a. Thế nào là huyền phù? Em hãy lấy ít nhất 2 ví dụ về huyền phù.

b. Vào dịp tết, mẹ bạn An làm mứt dừa cho cả nhà ăn. Khi cả nhà thưởng thức, bố An thấy mứt ngọt quá nên không muốn ăn vì bố bạn đang trong chế độ kiêng đường. Bạn An rất muốn tách bớt đường ra khỏi mứt dừa đã làm để bố có thể ăn được. Theo em, có cách nào để tách bớt đường từ mứt dừa đã làm không?

Câu 3. (1 điểm) Trình bày cấu tạo, chức năng các thành phần chính của tế bào? Vì sao nói tế bào là đơn vị chức năng của mọi cơ thể sống?

-- Chúc các con làm bài đạt kết quả cao!--

- Mã đề: 603 -

I. Phần trắc nghiệm (7 điểm):

Ghi chữ cái đặt trước câu trả lời đúng vào giấy kiểm tra.

Câu 1. Trong công nghiệp sản xuất giấy, gỗ đóng vai trò là

- A. nhiên liệu. B. nguyên liệu. C. phế liệu. D. vật liệu.

Câu 2. Tính chất chung của nhiên liệu là

- A. luôn ở thể rắn, dễ tan trong nước.
B. dẫn nhiệt, dẫn điện tốt.
C. dễ cháy, khi cháy sinh ra khí Oxygen.
D. cháy tỏa nhiệt và phát sáng.

Câu 3. Sự ngưng tụ là quá trình chuyển thể từ

- A. thể khí sang thể lỏng của chất. B. thể lỏng sang thể rắn của chất.
C. thể rắn sang thể lỏng của chất. D. thể lỏng sang thể khí của chất.

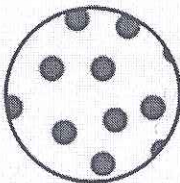
Câu 4. Ở trạng thái nào chất có khối lượng xác định, nhưng hình dạng và thể tích không xác định?

- A. Lỏng. B. Khí. C. Rắn. D. Cả khí và lỏng.

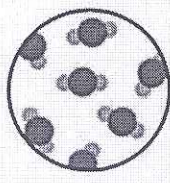
Câu 5. Sinh vật nào sau đây là sinh vật đa bào?

- A. Trùng roi. B. Nấm kim châm.
C. Xoắn khuẩn. D. Trùng biến hình.

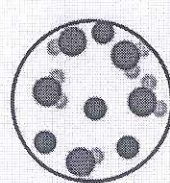
Câu 6. Hình ảnh nào trong các hình ảnh dưới đây mô tả dung dịch?



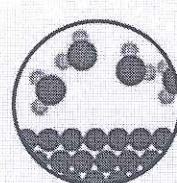
Hình a



Hình b



Hình c



Hình d

- A. Hình c. B. Hình a. C. Hình b. D. Hình d.

Câu 7. Bào quan nào sau đây có ở tế bào thực vật nhưng hầu hết tế bào động vật không có?

- A. lục lạp B. màng tế bào C. vùng nhân D. Nhân tế bào

Câu 8. Biện pháp sử dụng gas tiết kiệm và hiệu quả là

- A. nên để gas ở mức độ nhỏ nhất, tạo ngọn lửa bé.

- B. nên để gas ở mức độ lớn nhất, tạo ngọn lửa to nhất.
- C. ngăn không cho khí gas tiếp xúc với không khí hay khí oxygen.
- D. tùy nhiệt độ cần thiết khi nấu mà ta điều chỉnh gas cho phù hợp.

Câu 9. Tại sao các chất khí dễ cháy hoàn toàn hơn các nhiên liệu rắn và nhiên liệu lỏng?

- A. Vì nhiên liệu khí có khối lượng riêng lớn hơn nhiên liệu rắn và lỏng.
- B. Vì nhiên liệu khí nhẹ hơn nhiên liệu rắn và lỏng.
- C. Vì nhiên liệu khí có nhiệt độ sôi thấp hơn nhiên liệu rắn và lỏng.
- D. Vì diện tích tiếp xúc của nhiên liệu khí với không khí là lớn hơn.

Câu 10. Nguyên nhân chính gây bệnh “quáng gà” là

- A. Thiếu vitamin A.
- B. Thừa vitamin E.
- C. Thừa vitamin C.
- D. Thiếu vitamin D.

Câu 11. Vì sao không nên dùng bếp than để sưởi ấm trong phòng kín?

- A. Vì than cháy tạo khí CO, CO₂ có thể gây tử vong nếu ngủ quá nhiều trong phòng kín.
- B. Vì than không cháy được trong phòng kín.
- C. Vì giá thành than khá cao và khó tìm.
- D. Vì than tỏa nhiều nhiệt dẫn đến phòng quá nóng.

Câu 12. Nhận định nào đúng khi nói về hình dạng và kích thước tế bào?

- A. Các loại tế bào chỉ khác nhau về kích thước, chúng giống nhau về hình dạng.
- B. Các loại tế bào thường có hình dạng khác nhau nhưng kích thước giống nhau.
- C. Các loại tế bào đều có chung hình dạng và kích thước.
- D. Các loại tế bào khác nhau thường có hình dạng và kích thước khác nhau.

Câu 13. Loại thực phẩm nào sau đây chứa nhiều chất xơ?

- A. Mỡ cá.
- B. Rau muống.
- C. Gạo nếp.
- D. Thịt bò.

Câu 14. Giải pháp nào phù hợp nhất để dập tắt ngọn lửa cháy bằng xăng?

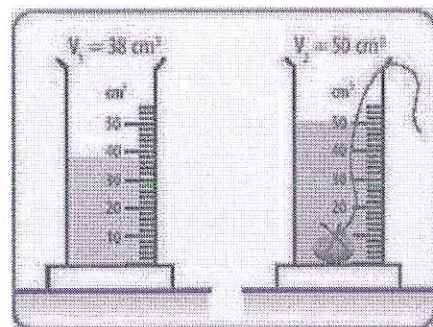
- A. Dùng bình chữa cháy gia đình để phun vào.
- B. Dùng cát đổ trùm lên.
- C. Phun nước.
- D. Dùng chiếc chăn khô đắp vào.

Câu 15. Thể tích chất rắn được mô tả ở hình bên là

- A. 38 cm³
- B. 21 cm³
- C. 12 cm³
- D. 50 cm³

Câu 16. Dựa vào tính chất nào mà kim loại đồng, kim loại nhôm lại được sử dụng làm dây điện?

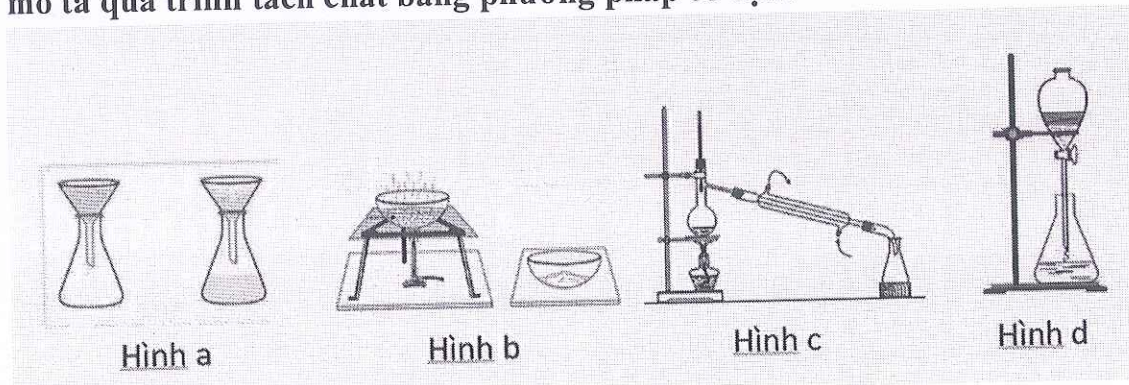
- A. Tính dẫn nhiệt.
- B. Tính nóng chảy.



C. Tính dẫn điện.

D. Tính tan.

Câu 17. Hình ảnh minh họa lắp đặt các thiết bị thí nghiệm nào dưới đây mô tả quá trình tách chất bằng phương pháp cô cạn?



A. Hình a.

B. Hình d.

C. Hình c.

D. Hình b.

Câu 18. Thực phẩm nào dưới đây đã bị hư hỏng?

A. Rau xanh mới được cắt

B. Bánh mì mới sản xuất.

C. Trái cây tươi.

D. Rau xanh có nhiều lá vàng úa.

Câu 19. Dãy chất nào dưới đây chỉ gồm vật liệu nhân tạo?

A. Thép, gỗ, nhựa, nhôm.

B. Nhựa, thủy tinh, đá, gỗ.

C. Nhựa, thép, thủy tinh, xi măng.

D. Gốm, than đá, thép, gạch.

Câu 20. Khi 1 tế bào thực hiện quá trình phân bào 4 lần liên tiếp sẽ tạo ra bao nhiêu tế bào con?

A. 8.

B. 16.

C. 2.

D. 4.

Câu 21. Tính chất vật lí của khí oxygen là

A. có mùi thơm, có thể lan tỏa trong không gian theo mọi hướng.

B. tan nhiều trong nước.

C. chất khí không màu, không mùi, nặng hơn không khí.

D. hóa lỏng ở -183°C , oxygen rắn có màu vàng cam.

Câu 22. Hỗn hợp bột đá vôi trong nước được gọi là

A. dung dịch;

B. nhũ tương.

C. huyền phù.

D. dung môi.

Câu 23. Nguyên liệu chính để sản xuất thủy tinh là

A. cát thạch anh.

B. đá vôi.

C. muối ăn.

D. đất sét.

Câu 24. Thực vật có những hệ cơ quan nào?

A. Hệ thân và hệ lá.

B. Hệ cơ và hệ thân.

C. Hệ rễ và hệ thân.

D. Hệ chồi và hệ rễ.

Câu 25. Lương thực nào được người Việt Nam sử dụng làm thức ăn hàng ngày?

A. Khoai lang.

B. Lúa mì.

C. Gạo.

D. Ngô.

Câu 26. Sinh vật đơn bào là

- A. cơ thể được cấu tạo bởi một tế bào.
- B. sinh vật có kích thước lớn.
- C. sinh vật có cấu tạo rất phức tạp.
- D. cơ thể được cấu tạo bởi nhiều tế bào khác nhau.

Câu 27. Cơ thể sinh vật lớn lên chủ yếu dựa vào những hoạt động nào dưới đây?

- (1) Sự hấp thụ và ứ đọng nước trong dịch TB theo thời gian.
- (2) Sự gia tăng số lượng TB qua quá trình phân chia.
- (3) Sự tăng kích thước của từng TB do trao đổi chất.

- A. 1, 3. B. 1, 2. C. 2, 3. D. 1, 2, 3.

Câu 28. Tổ chức của cơ thể đa bào được sắp xếp theo thứ tự từ cấp độ thấp đến cao là

- A. mô → hệ cơ quan → tế bào → cơ thể → cơ quan.
- B. tế bào → mô → cơ quan → hệ cơ quan → cơ thể.
- C. cơ thể → cơ quan → mô → tế bào → hệ cơ quan.
- D. tế bào → cơ quan → hệ cơ quan → mô → cơ thể.

II. Phần tự luận (3 điểm)

Câu 1. (1 điểm) Em hãy trình bày một số biện pháp để hạn chế ô nhiễm không khí do khí thải công nghiệp và phương tiện giao thông.

Câu 2. (1 điểm)

a. Thế nào là nhũ tương? Em hãy lấy ít nhất 2 ví dụ về nhũ tương.

b. Mẹ và Lan đang làm bánh, mẹ đã trộn đường trắng với bột mì, sau đó hỏi Lan: “Làm thế nào để tách riêng hỗn hợp đường và bột mì?” Em hãy giúp Lan trả lời câu hỏi này.

Câu 3. (1 điểm) Trình bày cấu tạo, chức năng các thành phần chính của tế bào? Có ý kiến cho rằng: Tất cả sinh vật đều có cấu tạo đa bào. Theo em, nhận định này đúng hay sai? Vì sao?

-- Chúc các con làm bài đạt kết quả cao!--

- Mã đề: 604 -

I. Phần trắc nghiệm (7 điểm):

Ghi chữ cái đặt trước câu trả lời đúng vào giấy kiểm tra.

Câu 1. Ở trạng thái nào chất có khối lượng xác định, nhưng hình dạng và thể tích không xác định?

- A. Cả khí và lỏng. B. Rắn. C. Khí. D. Lỏng.

Câu 2. Nhận định nào đúng khi nói về hình dạng và kích thước tế bào?

- A. Các loại tế bào đều có chung hình dạng và kích thước.
B. Các loại tế bào thường có hình dạng khác nhau nhưng kích thước giống nhau.
C. Các loại tế bào khác nhau thường có hình dạng và kích thước khác nhau.
D. Các loại tế bào chỉ khác nhau về kích thước, chúng giống nhau về hình dạng.

Câu 3. Khi 1 tế bào thực hiện quá trình phân bào 4 lần liên tiếp sẽ tạo ra bao nhiêu tế bào con?

- A. 4. B. 2. C. 8. D. 16.

Câu 4. Cơ thể sinh vật lớn lên chủ yếu dựa vào những hoạt động nào dưới đây?

- (1) Sự hấp thụ và ứ đọng nước trong dịch TB theo thời gian.
(2) Sự gia tăng số lượng TB qua quá trình phân chia.
(3) Sự tăng kích thước của từng TB do trao đổi chất.

- A. 1, 2, 3. B. 2, 3. C. 1, 3. D. 1, 2.

Câu 5. Nguyên liệu chính để sản xuất thủy tinh là

- A. đất sét. B. muối ăn. C. đá vôi. D. cát thạch anh.

Câu 6. Thực vật có những hệ cơ quan nào?

- A. Hệ thân và hệ lá. B. Hệ cơ và hệ thân.
C. Hệ chồi và hệ rễ. D. Hệ rễ và hệ thân.

Câu 7. Tính chất chung của nhiên liệu là

- A. luôn ở thể rắn, dễ tan trong nước.
B. dẫn nhiệt, dẫn điện tốt.
C. cháy tỏa nhiệt và phát sáng.
D. dễ cháy, khi cháy sinh ra khí Oxygen.

Câu 8. Tổ chức của cơ thể đa bào được sắp xếp theo thứ tự từ cấp độ thấp đến cao là

- A. tế bào → cơ quan → hệ cơ quan → mô → cơ thể.
B. mô → hệ cơ quan → tế bào → cơ thể → cơ quan.
C. cơ thể → cơ quan → mô → tế bào → hệ cơ quan.

D. tế bào → mô → cơ quan → hệ cơ quan → cơ thể.

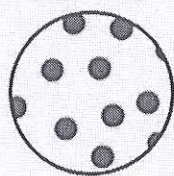
Câu 9. Tại sao các chất khí dễ cháy hoàn toàn hơn các nhiên liệu rắn và nhiên liệu lỏng?

- A. Vì nhiên liệu khí nhẹ hơn nhiên liệu rắn và lỏng.
- B. Vì nhiên liệu khí có nhiệt độ sôi thấp hơn nhiên liệu rắn và lỏng.
- C. Vì nhiên liệu khí có khối lượng riêng lớn hơn nhiên liệu rắn và lỏng.
- D. Vì diện tích tiếp xúc của nhiên liệu khí với không khí là lớn hơn.

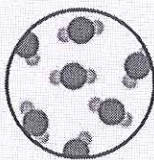
Câu 10. Biện pháp sử dụng gas tiết kiệm và hiệu quả là

- A. ngăn không cho khí gas tiếp xúc với không khí hay khí oxygen.
- B. nên để gas ở mức độ lớn nhất, tạo ngọn lửa to nhất.
- C. tùy nhiệt độ cần thiết khi nấu mà ta điều chỉnh gas cho phù hợp.
- D. nên để gas ở mức độ nhỏ nhất, tạo ngọn lửa bé.

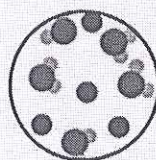
Câu 11. Hình ảnh nào trong các hình ảnh dưới đây mô tả dung dịch?



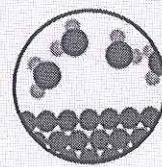
Hình a



Hình b



Hình c



Hình d

- A. Hình d.
- B. Hình a.
- C. Hình b.
- D. Hình c.

Câu 12. Bào quan nào sau đây có ở tế bào thực vật nhưng hầu hết tế bào động vật không có?

- A. lục lạp
- B. màng tế bào
- C. vùng nhân
- D. Nhân tế bào

Câu 13. Tính chất vật lí của khí oxygen là

- A. tan nhiều trong nước.
- B. chất khí không màu, không mùi, nặng hơn không khí.
- C. hóa lỏng ở -183°C , oxygen rắn có màu vàng cam.
- D. có mùi thơm, có thể lan tỏa trong không gian theo mọi hướng.

Câu 14. Thể tích chất rắn được mô tả ở hình bên là

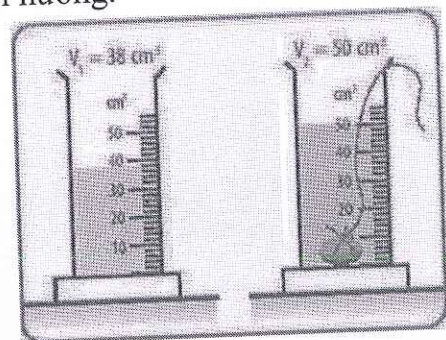
- A. 12 cm^3
- B. 50 cm^3
- C. 21 cm^3
- D. 38 cm^3

Câu 15. Nguyên nhân chính gây bệnh “quáng gà” là

- A. Thiếu vitamin A.
- B. Thừa vitamin C.
- C. Thiếu vitamin D.
- D. Thừa vitamin E.

Câu 16. Dãy chất nào dưới đây chỉ gồm vật liệu nhân tạo?

- A. Nhựa, thủy tinh, đá, gỗ.
- B. Nhựa, thép, thủy tinh, xi măng.



C. Gôm, than đá, thép, gạch.

D. Thép, gỗ, nhựa, nhôm.

Câu 17. Thực phẩm nào dưới đây đã bị hư hỏng?

A. Bánh mì mới sản xuất.

B. Trái cây tươi.

C. Rau xanh mới được cắt

D. Rau xanh có nhiều lá vàng úa.

Câu 18. Vì sao không nên dùng bếp than để sưởi ấm trong phòng kín?

A. Vì than cháy tạo khí CO, CO₂ có thể gây tử vong nếu ngủ quá nhiều trong phòng kín.

B. Vì than không cháy được trong phòng kín.

C. Vì giá thành than khá cao và khó tìm.

D. Vì than tỏa nhiều nhiệt dẫn đến phòng quá nóng.

Câu 19. Giải pháp nào phù hợp nhất để dập tắt ngọn lửa cháy bằng xăng?

A. Dùng cát đổ trùm lên.

B. Phun nước.

C. Dùng bình chữa cháy gia đình để phun vào.

D. Dùng chiếc chăn khô đắp vào.

Câu 20. Loại thực phẩm nào sau đây chứa nhiều chất bột?

A. Mỡ cá.

B. Gạo nếp.

C. Rau càng cua.

D. Thịt bò.

Câu 21. Trong công nghiệp sản xuất giấy, gỗ đóng vai trò là

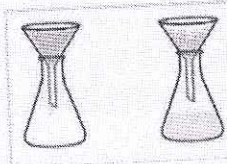
A. vật liệu.

B. phế liệu.

C. nhiên liệu.

D. nguyên liệu.

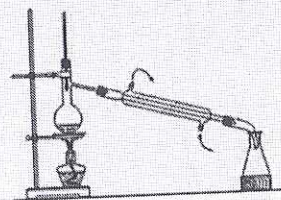
Câu 22. Hình ảnh minh họa lắp đặt các thiết bị thí nghiệm nào dưới đây mô tả quá trình tách chất bằng phương pháp cô cạn?



Hình a



Hình b



Hình c



Hình d

A. Hình a.

B. Hình b.

C. Hình c.

D. Hình d.

Câu 23. Lương thực nào được người Việt Nam sử dụng làm thức ăn hàng ngày?

A. Ngô.

B. Gạo.

C. Lúa mì.

D. Khoai lang.

Câu 24. Sự ngưng tụ là quá trình chuyển thể từ

A. thể khí sang thể lỏng của chất.

B. thể rắn sang thể lỏng của chất.

C. thể lỏng sang thể khí của chất.

D. thể lỏng sang thể rắn của chất.

Câu 25. Dựa vào tính chất nào mà kim loại đồng, kim loại nhôm lại được sử dụng làm dây điện?

A. Tính dẫn điện.

B. Tính tan.

C. Tính nóng chảy.

D. Tính dẫn nhiệt.

Câu 26. Sinh vật đơn bào là

A. cơ thể được cấu tạo bởi nhiều tế bào khác nhau.

B. cơ thể được cấu tạo bởi một tế bào.

C. sinh vật có kích thước lớn.

D. sinh vật có cấu tạo rất phức tạp.

Câu 27. Sinh vật nào sau đây là sinh vật đa bào?

A. Trùng biến hình.

B. Trùng roi.

C. Nấm kim châm.

D. Xoắn khuẩn.

Câu 28. Hỗn hợp bột đá vôi trong nước được gọi là

A. dung môi.

B. dung dịch;

C. huyền phù.

D. nhũ tương.

II. Phần tự luận (3 điểm)

Câu 1. (1 điểm) Em hãy trình bày một số biện pháp để hạn chế ô nhiễm không khí do đốt rác thải sinh hoạt và khí thải của phương tiện giao thông.

Câu 2. (1 điểm)

a. Thế nào là huyền phù? Em hãy lấy ít nhất 2 ví dụ về huyền phù.

b. Vào dịp tết, mẹ bạn An làm mứt dừa cho cả nhà ăn. Khi cả nhà thưởng thức, bố An thấy mứt ngọt quá nên không muốn ăn vì bố bạn đang trong chế độ kiêng đường. Bạn An rất muốn tách bớt đường ra khỏi mứt dừa đã làm để bố có thể ăn được. Theo em, có cách nào để tách bớt đường từ mứt dừa đã làm không?

Câu 3. (1 điểm) Trình bày cấu tạo, chức năng các thành phần chính của tế bào? Vì sao nói tế bào là đơn vị chức năng của mọi cơ thể sống?

-- Chúc các con làm bài đạt kết quả cao!--

I. TRẮC NGHIỆM (5 điểm):

Viết lại chữ cái đứng trước câu trả lời đúng vào giấy kiểm tra:

Câu 1. Vùng đất Hà Nội thời Bắc thuộc được gọi bằng những địa danh nào?

- A. Thăng Long, Hà Nội
B. Thăng Long, Hoa Lư
C. Tống Bình, Đại La
D. Hoa Lư, Cổ Loa

Câu 2. Di tích lịch sử, kiến trúc nghệ thuật và khảo cổ Cổ Loa được công nhận là di tích quốc gia đặc biệt vào năm bao nhiêu?

- A. Năm 2012
B. Năm 2010
C. Năm 2011
D. Năm 2013

Câu 3. Di tích thành Cổ Loa hiện nay nằm ở huyện nào của thành phố Hà Nội?

- A. Hà Đông
B. Thạch Thất
C. Đông Anh
D. Quốc Oai

Câu 4. Có bao nhiêu tiêu chuẩn để xác định “một gia đình văn hóa”?

- A. 4
B. 3
C. 2
D. 5

Câu 5. Các di chỉ khảo cổ học nào ở Hà Nội liên quan đến các nền văn hóa thời đại đồ đồng?

- A. Di chỉ Thành Dền, Đình Tràng.
B. Di chỉ Thành Dền, Cổ Loa, Đình Tràng, Vườn Chuối
C. Di chỉ Đình Tràng
D. Di chỉ Cổ Loa, Thành Dền, Vườn Chuối

Câu 6. Thành Cổ Loa gắn liền với mối tình bi thương và cảm động của ai?

- A. Sơn Tinh – Mị Nương
B. Thủy Tinh – Mị Nương
C. Âu Cơ – Lạc Long Quân
D. Mị Châu – Trọng Thủy

Câu 7. Cổ Loa được chọn làm kinh đô vào những thời kì nào?

- A. Âu Lạc và nhà Ngô
B. Văn Lang – Âu Lạc
C. Nhà Ngô
D. Văn Lang

Câu 8. Khởi nghĩa Lí Bí diễn ra vào năm nào?

- A. Năm 644 – 654
B. Năm 327 – 330
C. Năm 542 – 544
D. Năm 198 – 224

Câu 9. Thành Cổ Loa hiện nay gồm mấy vòng thành?

- A. Hai vòng thành.
B. Ba vòng thành
C. Một vòng thành
D. Bốn vòng thành

Câu 10. Cư dân trên vùng đất Hà Nội đã biết sử dụng đồ đồng và đồ sắt vào khoảng thời gian nào?

- A. Cách đây khoảng 4000 năm
B. Cách đây khoảng 3000 năm
C. Cách đây khoảng 5000 năm
D. Cách đây khoảng 2000 năm

Câu 11. Khoảng năm 766 -779, Phùng Hưng dựng cờ khởi nghĩa ở đâu?

- A. Đường Lâm (Sơn Tây)
B. Đông Anh

C. Hoa Lư

D. Sóc Sơn

Câu 12. Tên gọi “Hà Nội” chính thức xuất hiện vào năm nào?

A. Năm 1833

B. Năm 1832

C. Năm 1831

D. Năm 1830

Câu 13. Ngày Gia đình Việt Nam là ngày nào?

A. 26/8

B. 18/6

C. 16/8

D. 28/6

Câu 14. Các nền văn hóa thời đại đồ đồng, sắt ở Hà Nội là

A. Phùng Nguyên, Đồng Đậu, Gò Mun

B. Đồng Đậu, Đông Sơn.

C. Phùng Nguyên, Gò Mun, Đông Sơn

D. Phùng Nguyên, Đồng Đậu, Gò Mun và Đông Sơn

Câu 15. Trống đồng Đông Sơn là thành tựu của giai đoạn văn hóa nào?

A. Giai đoạn văn hóa Đại Việt

B. Giai đoạn văn hóa thời kì chống Bắc thuộc

C. Giai đoạn văn hóa tiền sử

D. Giai đoạn văn hóa Văn Lang – Âu Lạc

Câu 16. Khởi nghĩa Hai Bà Trưng diễn ra vào năm nào?

A. Năm 248

B. Năm 90

C. Năm 40

D. Năm 367

Câu 17. Tòa thành đất nào cổ nhất, qui mô lớn nhất Đông Nam Á?

A. Thành nhà Hồ

B. Thành Cổ Loa

C. Thành cổ Sơn Tây

D. Hoàng thành Thăng Long

Câu 18. Thành phố Hà Nội thuộc khu vực đồng bằng nào?

A. Đồng bằng Trung du và miền núi phía Bắc

B. Đồng bằng Sông Cửu Long

C. Đồng bằng Sông Hồng

D. Đồng bằng Đông Nam Bộ.

Câu 19. Hà Nội đã trải qua bao nhiêu lần thay đổi phạm vi hành chính?

A. 4

B. 2

C. 3

D. 5

Câu 20. Vùng đất nào của Hà Nội được mệnh danh là “Đất hai Vua”?

A. Xuân Mai – Chương Mỹ

B. Tân Lĩnh – Ba Vì

C. Đường Lâm – Sơn Tây

D. Ngọc Tảo – Phúc Thọ

II. TỰ LUẬN (5 điểm)

Câu 1 (2 điểm): Thủ đô Hà Nội tiếp giáp với những tỉnh nào?

Câu 2 (3 điểm): Nêu khái niệm “Gia đình văn hóa”? Là một học sinh thủ đô, em nên làm gì để góp phần xây dựng gia đình văn hóa. (từ 4 điều trở lên)

Chúc các con làm bài tốt!

I. TRẮC NGHIỆM (5 điểm):

Viết lại chữ cái đứng trước câu trả lời đúng vào giấy kiểm tra:

Câu 1. Các di chỉ khảo cổ học nào ở Hà Nội liên quan đến các nền văn hóa thời đại đồ đồng?

- A. Di chỉ Thành Dền, Đình Tràng.
- B. Di chỉ Đình Tràng
- C. Di chỉ Cổ Loa, Thành Dền, Vườn Chuối
- D. Di chỉ Thành Dền, Cổ Loa, Đình Tràng, Vườn Chuối

Câu 2. Vùng đất nào của Hà Nội được mệnh danh là “Đất hai Vua”?

- A. Đường Lâm – Sơn Tây
- B. Tân Lĩnh – Ba Vì
- C. Ngọc Tảo – Phúc Thọ
- D. Xuân Mai – Chương Mỹ

Câu 3. Tên gọi “Hà Nội” chính thức xuất hiện vào năm nào?

- A. Năm 1831
- B. Năm 1833
- C. Năm 1832
- D. Năm 1830

Câu 4. Các nền văn hóa thời đại đồ đồng, sắt ở Hà Nội là

- A. Đồng Đậu, Đông Sơn.
- B. Phùng Nguyên, Gò Mun, Đông Sơn
- C. Phùng Nguyên, Đồng Đậu, Gò Mun
- D. Phùng Nguyên, Đồng Đậu, Gò Mun và Đông Sơn

Câu 5. Di tích lịch sử, kiến trúc nghệ thuật và khảo cổ Cổ Loa được công nhận là di tích quốc gia đặc biệt vào năm bao nhiêu ?

- A. Năm 2013
- B. Năm 2012
- C. Năm 2011
- D. Năm 2010

Câu 6. Thành Cổ Loa hiện nay gồm mấy vòng thành?

- A. Ba vòng thành
- B. Hai vòng thành.
- C. Một vòng thành
- D. Bốn vòng thành

Câu 7. Vùng đất Hà Nội thời Bắc thuộc được gọi bằng những địa danh nào?

- A. Hoa Lư, Cổ Loa
- B. Tống Bình, Đại La
- C. Thăng Long, Hà Nội
- D. Thăng Long, Hoa Lư

Câu 8. Hà Nội đã trải qua bao nhiêu lần thay đổi phạm vi hành chính?

- A. 3
- B. 5
- C. 2
- D. 4

Câu 9. Khởi nghĩa Hai Bà Trưng diễn ra vào năm nào?

- A. Năm 40
- B. Năm 367
- C. Năm 90
- D. Năm 248

Câu 10. Cổ Loa được chọn làm kinh đô vào những thời kì nào?

- A. Văn Lang
- B. Nhà Ngô
- C. Âu Lạc và nhà Ngô
- D. Văn Lang – Âu Lạc

Câu 11. Di tích thành Cổ Loa hiện nay nằm ở huyện nào của thành phố Hà Nội?

- A. Đông Anh B. Thạch Thất C. Quốc Oai D. Hà Đông

Câu 12. Khoảng năm 766 -779, Phùng Hưng dựng cờ khởi nghĩa ở đâu?

- A. Hoa Lư B. Sóc Sơn
C. Đông Anh D. Đường Lâm (Sơn Tây)

Câu 13. Ngày Gia đình Việt Nam là ngày nào?

- A. 28/6 B. 16/8 C. 26/8 D. 18/6

Câu 14. Trống đồng Đông Sơn là thành tựu của giai đoạn văn hóa nào?

- A. Giai đoạn văn hóa Văn Lang – Âu Lạc
B. Giai đoạn văn hóa thời kì chống Bắc thuộc
C. Giai đoạn văn hóa Đại Việt
D. Giai đoạn văn hóa tiền sử

Câu 15. Thành phố Hà Nội thuộc khu vực đồng bằng nào?

- A. Đồng bằng Đông Nam Bộ.
B. Đồng bằng Sông Hồng
C. Đồng bằng Trung du và miền núi phía Bắc
D. Đồng bằng Sông Cửu Long

Câu 16. Có bao nhiêu tiêu chuẩn để xác định “một gia đình văn hóa”?

- A. 2 B. 3 C. 5 D. 4

Câu 17. Tòa thành đất nào cổ nhất, qui mô lớn nhất Đông Nam Á?

- A. Thành nhà Hồ B. Thành cổ Sơn Tây
C. Thành Cổ Loa D. Hoàng thành Thăng Long

Câu 18. Thành Cổ Loa gắn liền với mối tình bi thương và cảm động của ai?

- A. Âu Cơ – Lạc Long Quân B. Thủy Tinh – Mị Nương
C. Sơn Tinh – Mị Nương D. Mị Châu – Trọng Thủy

Câu 19. Khởi nghĩa Lí Bí diễn ra vào năm nào?

- A. Năm 542 – 544 B. Năm 327 – 330
C. Năm 198 – 224 D. Năm 644 – 654

Câu 20. Cư dân trên vùng đất Hà Nội đã biết sử dụng đồ đồng và đồ sắt vào khoảng thời gian nào?

- A. Cách đây khoảng 3000 năm B. Cách đây khoảng 4000 năm
C. Cách đây khoảng 2000 năm D. Cách đây khoảng 5000 năm

II. TỰ LUẬN (5 điểm)

Câu 1 (2 điểm): Diện tích tự nhiên của thành phố Hà Nội là khoảng bao nhiêu km²?
Tính đến năm 2022, thành phố Hà Nội có bao nhiêu quận, huyện, thị xã?

Câu 2 (3 điểm): Nêu khái niệm “Gia đình văn hóa” ? Là một học sinh thủ đô, em không nên làm gì để góp phần xây dựng gia đình văn hóa. (từ 4 điều trở lên)

Chúc các con làm bài tốt!

I. TRẮC NGHIỆM (5.0 điểm)

Viết lại chữ cái đứng trước câu trả lời đúng vào giấy kiểm tra

Câu 1 (0.25 điểm). Em cần làm gì để góc học tập luôn gọn gàng, sạch sẽ?

- A. Khi nào ba mẹ kiểm tra hoặc có khách đến nhà thì mới dọn dẹp cho ngăn nắp, sạch sẽ.
- B. Thường xuyên sắp xếp sách vở, đồ dùng cá nhân ngăn nắp, gọn gàng, đúng chỗ quy định.
- C. Để những vật dùng hay được dùng ở vị trí dễ nhìn thấy, dễ lấy. Còn những thứ ít được dùng có thể sắp xếp ở vị trí nào cũng được.
- D. Để vật dụng khắp mọi nơi để dễ dàng lấy bất cứ lúc nào.

Câu 2 (0.25 điểm). Những việc nào em cần làm để tự chăm sóc bản thân?

- A. Luôn lạc quan, yêu đời.
- B. Ăn uống điều độ, tập thể dục thể thao thường xuyên.
- C. Tất cả các đáp án trên.
- D. Luôn giữ cơ thể sạch sẽ, ăn mặc gọn gàng.

Câu 3 (0.25 điểm). Em sẽ làm gì nếu được giao một bài tập/dự án trong học tập thuộc vào điểm yếu của mình?

- A. Nhờ các bạn làm hộ bài tập/ dự án đó.
- B. Xin giáo viên đổi cho mình một đề bài/ dự án khác đúng theo sở trường của bản thân.
- C. Thử tiếp cận đề bài/ đề tài của dự án theo nhiều cách khác mà trước đây chưa từng thử qua, cố gắng tìm cách để cải thiện tốt nhất hiệu quả làm bài.
- D. Tìm cách tránh né bài tập/ dự án hoặc đẩy sang cho bạn khác trong nhóm, trong lớp làm.

Câu 4 (0.25 điểm). Trường THCS Ngọc Lâm được thành lập năm bao nhiêu?

- A. Năm 1946.
- B. Năm 1968.
- C. Năm 1964.
- D. Năm 1978.

Câu 5 (0.25 điểm). Những ý nào sau đây không thể hiện mình đã lớn khôn trong cuộc sống hàng ngày?

- A. Tôn trọng bạn bè.
- B. Nhường em nhỏ.
- C. Tự giác học tập.
- D. Gây gổ với những người xung quanh.

Câu 6 (0.25 điểm). Khi xảy ra mâu thuẫn với bạn, em sẽ làm gì?

- A. Gặp bạn để trò chuyện thẳng thắn, chân thành.
- B. Không chơi với bạn.
- C. Mắng bạn.
- D. Đánh bạn.

Câu 7 (0.25 điểm). Gần đến kì thi, một số bạn tỏ ra rất lo lắng và căng thẳng. Em sẽ làm gì để giúp đỡ các bạn ấy?

- A. Khuyến bạn nên đọc truyện cười để bớt căng thẳng.
- B. Cho các bạn mượn sách để học.
- C. Chia sẻ kinh nghiệm học tập của mình cho các bạn, khuyên các bạn phải có phương pháp học tập phù hợp để chủ động chiếm lĩnh kiến thức.
- D. rủ các bạn đi chơi đá bóng cho bớt căng thẳng.

Câu 8 (0.25 điểm). Em đã rèn luyện tính kiên trì, chăm chỉ trong lao động và cuộc sống hằng ngày như thế nào?

- A. Tự giác làm việc, không ngại những việc khó, luôn cố gắng, kiên trì để hoàn thành mọi công việc được giao.
- B. Chỉ làm những việc nhẹ nhàng khi có thời gian.



C. Chỉ bắt tay vào làm việc khi có hứng thú.

D. Chỉ làm những việc nhẹ nhàng, né tránh những việc khó khăn, nặng nhọc.

Câu 9 (0.25 điểm). Trong giờ học, chúng ta cần làm gì để tập trung học tập?

A. Nghe nhạc bằng tai nghe.

B. Cô giáo nói điều gì thì ghi ngay điều đó vào vở.

C. Bàn bạc trao đổi liên tục với bạn ngồi cùng.

D. Chú ý quan sát, lắng nghe, không làm việc riêng, thực hiện nghiêm túc các nhiệm vụ học tập.

Câu 10 (0.25 điểm). Việc nào không nên làm khi thiết lập mối quan hệ thân thiện với các bạn mới?

A. Cởi mở, chân thành với các bạn.

B. Đố kị, ganh đua.

C. Thẳng thắn, nhưng tế nhị trong góp ý.

D. Cảm thông, chia sẻ, giúp đỡ cho nhau.

Câu 11 (0.25 điểm). Hành vi nào biểu hiện năng lực giao tiếp chưa phù hợp?

A. Tôn trọng, lắng nghe người khác khi giao tiếp.

B. Chào hỏi, thể hiện sự vui vẻ thân thiện khi giao tiếp với người khác.

C. Lễ phép, khiêm tốn khi giao tiếp với người khác.

D. Sử dụng lời nói thô tục, lỗ mắng khi giao tiếp.

Câu 12 (0.25 điểm). Ý nào không thể hiện sự tiến bộ của học sinh trong học tập?

A. Thường xuyên không làm bài tập về nhà.

B. Biết lập thời gian biểu phù hợp và thực hiện tốt kế hoạch lập ra.

C. Mỗi ngày đến trường đều học thêm được một điều tốt.

D. Biết thay đổi cách học tập và sinh hoạt để học tốt hơn trước.

Câu 13 (0.25 điểm). Điểm khác biệt cơ bản giữa trường Trung học cơ sở và trường Tiểu học là gì?

A. Trường Trung học cơ sở có nhiều môn học mới, nhiều thầy cô phụ trách các môn học, kiến thức khó hơn.

B. Trường Trung học cơ sở rộng hơn và đẹp hơn.

C. Trường Trung học cơ sở có nhiều phòng học hơn.

D. Trường Trung học cơ sở có nhiều cô giáo hơn.

Câu 14 (0.25 điểm). Hành động nào thể hiện đúng tính trung thực?

A. Tự mình làm không chép bài của bạn khi làm bài kiểm tra.

B. Không xúc phạm đến mọi người.

C. Quan tâm, giúp đỡ bạn.

D. Chỉ bài cho bạn và trao đổi trong giờ kiểm tra.

Câu 15 (0.25 điểm). Đây là biểu hiện của cách thức giao tiếp phù hợp?

A. Có lời nói, thái độ, hành vi phù hợp để tạo sự hài lòng, hoặc tránh làm tổn thương người khác.

B. Chê bai bạn, kể xấu người khác.

C. Lôi kéo bạn khác cùng trêu bạn.

D. Mặc kệ bạn, ai có thân người ấy lo.

Câu 16 (0.25 điểm). Những việc làm nào sau đây thể hiện mối quan hệ hoà đồng với thầy cô và bạn bè?

A. Chỉ chia sẻ, nói chuyện với những bạn chơi thân trong lớp.

B. Tham gia hoạt động với các bạn khi được thầy cô yêu cầu.

C. Giúp đỡ những bạn có hoàn cảnh khó khăn cả trong và ngoài lớp tùy theo khả năng của mình.

D. Chỉ xin ý kiến hoặc nhờ thầy cô chỉ bảo thêm về những vấn đề liên quan tới việc học tập ở trường lớp.

Câu 17 (0.25 điểm). Những việc nào em nên làm để phù hợp với môi trường học tập mới?

A. Chủ động làm quen với bạn bè mới.

- B. Hỏi thầy cô, các anh chị lớp trên về phương pháp học các môn học mới.
C. Tất cả các đáp án trên.

D. Lập thời gian biểu phù hợp với môi trường học tập mới.

Câu 18 (0.25 điểm). Khi biết điểm yếu của một bạn trong lớp, em sẽ làm gì?

- A. Động viên, giúp đỡ bạn không tự ti, không né tránh mà từng bước khắc phục điểm yếu của bản thân.
B. Tránh né, không chơi với bạn và chỉ chơi với những bạn có nhiều điểm mạnh.
C. Chế giễu, đùa cợt điểm yếu của bạn trước các bạn khác.
D. Tìm và nhờ, hoặc giao cho bạn những việc liên quan đến điểm yếu này.

Câu 19 (0.25 điểm). Em nghe thấy có bạn trong lớp nói bạn A hay nói xấu về em. Khi nghe thấy các bạn trong lớp nói như vậy em sẽ giải quyết như thế nào?

- A. Nhờ một anh lớp trên bắt nạt A cho bõ tức.
B. Tìm ra điểm xấu của A để nói xấu lại bạn.
C. Xa lánh và không chơi với A nữa.
D. Gặp bạn A, tâm sự với bạn để hai người hiểu nhau hơn.

Câu 20 (0.25 điểm). Mỗi ngày chúng ta cần ngủ bao nhiêu thời gian để có sức khỏe tốt?

- A. Ngủ trung bình từ 3 đến 4 tiếng, ngủ trưa 2 tiếng.
B. Ngủ trung bình từ 7 đến 8 tiếng, ngủ trưa khoảng 30 phút.
C. Ngủ trung bình từ 8 đến 10 tiếng, không cần ngủ trưa.
D. Ngủ càng nhiều càng tốt cho sức khỏe.

II. TỰ LUẬN (5.0 điểm)

Câu 1 (2.0 điểm). Em hãy nêu ít nhất 04 sự thay đổi tích cực của bản thân so với khi còn là học sinh tiểu học.

Câu 2 (2.0 điểm). Em hãy chia sẻ ít nhất 04 việc nên làm để có một góc học tập gọn gàng, ngăn nắp và khoa học.

Câu 3 (1.0 điểm). Cho tình huống sau:

Đầu năm học, P quyết tâm đạt danh hiệu học sinh giỏi. P đã liệt kê các việc cần làm ở trên lớp và ở nhà. Hai tuần đầu, P thực hiện rất tốt, nhưng sau đó P chủ quan cho rằng mình có đủ khả năng để đạt được mục tiêu đặt ra, không cần tính toán các công việc cụ thể mỗi ngày. P tự nhủ cứ để tất cả bài tập vào cuối tuần làm một loáng là xong. Nhưng đến cuối tuần, P ngập trong đống bài mà không thể hoàn thành. Nhiều tuần trôi qua như vậy và cũng sắp đến kì thi học kì, P có vẻ nản lòng với mục tiêu đặt ra từ đầu năm.

Câu hỏi:

- a. Em hãy nhận xét việc thực hiện mục tiêu của P?
b. Nếu là bạn của P, em sẽ đưa ra lời khuyên cho P như thế nào?

Chúc các con làm bài tốt!



PHÒNG GD&ĐT QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS NGỌC LÂM
 Năm học 2023 – 2024
 Mã đề 601

HƯỚNG DẪN CHẤM
KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I
MÔN: HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM,
HƯỚNG NGHIỆP – KHỐI 6
 Thời gian: 60 phút

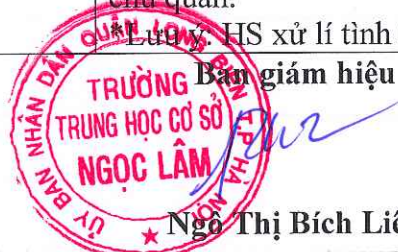
I. Trắc nghiệm: (5.0 điểm)

Mỗi câu trả lời đúng được 0.25 điểm

Câu																			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
B	C	C	C	D	A	C	A	D	B	D	A	A	A	A	C	C	A	D	B

II. Tự luận: (5.0 điểm)

Câu	Nội dung	Điểm
Câu 1 (2.0 đ)	- HS nêu được 04 sự thay đổi tích cực của bản thân so với khi còn là học sinh tiểu học. (Mỗi ý đúng 0.5 điểm) Gợi ý: + Những thay đổi về chiều cao, cân nặng, vóc dáng... + Những thay đổi của em về ước mơ trong cuộc sống, về tương lai. + Những thay đổi trong ý thức trách nhiệm đối với học tập. + Những thay đổi về cảm xúc trong tình bạn, đối với người thân trong gia đình, thầy cô. - Lưu ý: HS nêu đúng 04 sự thay đổi tích cực của bản thân so với khi còn là học sinh tiểu học đúng vẫn được điểm.	0.5 điểm 0.5 điểm 0.5 điểm 0.5 điểm
Câu 2 (2.0 đ)	- HS nêu được 04 việc nên làm để có một góc học tập gọn gàng, ngăn nắp và khoa học. (Mỗi ý đúng 0.5 điểm) Gợi ý: + Phân loại sách vở để vào từng ô tại giá sách một cách khoa học. + Sắp xếp các đồ dùng học tập, sách vở trên bàn gọn gàng, ngay ngắn sau khi học xong. + Quy định vị trí để từng đồ dùng trên mặt bàn, trong ngăn bàn và các ô tủ. + Thường xuyên dọn dẹp góc học tập, lau chùi đồ đạc để tránh bụi bẩn. - Lưu ý: HS nêu đúng 04 việc nên làm để có một góc học tập gọn gàng, ngăn nắp và khoa học đúng vẫn được điểm.	0.5 điểm 0.5 điểm 0.5 điểm 0.5 điểm
Câu 3 (1.0 đ)	a. Nhận xét việc thực hiện mục tiêu của P: + Bạn P chưa biết cách lập kế hoạch thực hiện mục tiêu một cách đúng đắn, phù hợp. + Trong quá trình thực hiện mục tiêu, P có thái độ chủ quan và thiếu sự nỗ lực, quyết tâm. b. Nếu là bạn của P, em sẽ đưa ra lời khuyên cho P: + P nên xác lập lại mục tiêu cá nhân, đặt ra mục tiêu cụ thể cho từng mốc thời gian học tập, sau đó P cần lên kế hoạch thực hiện nghiêm túc và thay đổi phương pháp học tập ôn luyện. + Trong quá trình thực hiện mục tiêu, P cần kiên trì, nỗ lực, không nên chủ quan. - Lưu ý: HS xử lý tình huống phù hợp, đạt yêu cầu vẫn cho điểm.	0.25 điểm 0.25 điểm 0.25 điểm 0.25 điểm



Ban giám hiệu

NTCM

(Signature)

Ngô Thị Bích Liên

Nguyễn Thị Diệu Hà

I. TRẮC NGHIỆM (5.0 điểm)

Viết lại chữ cái đứng trước câu trả lời đúng vào giấy kiểm tra

Câu 1 (0.25 điểm). Việc nào không nên làm khi thiết lập mối quan hệ thân thiện với các bạn mới?

- A. Cởi mở, chân thành với các bạn.
- B. Đố kị, ganh đua.
- C. Cảm thông, chia sẻ, giúp đỡ cho nhau.
- D. Thẳng thắn, nhưng tế nhị trong góp ý.

Câu 2 (0.25 điểm). Trường THCS Ngọc Lâm được thành lập năm bao nhiêu?

- A. Năm 1964.
- B. Năm 1978.
- C. Năm 1968.
- D. Năm 1946.

Câu 3 (0.25 điểm). Mỗi ngày chúng ta cần ngủ bao nhiêu thời gian để có sức khỏe tốt?

- A. Ngủ trung bình từ 3 đến 4 tiếng, ngủ trưa 2 tiếng.
- B. Ngủ trung bình từ 8 đến 10 tiếng, không cần ngủ trưa.
- C. Ngủ trung bình từ 7 đến 8 tiếng, ngủ trưa khoảng 30 phút.
- D. Ngủ càng nhiều càng tốt cho sức khỏe.

Câu 4 (0.25 điểm). Những việc nào em nên làm để phù hợp với môi trường học tập mới?

- A. Hỏi thầy cô, các anh chị lớp trên về phương pháp học các môn học mới.
- B. Tất cả các đáp án trên.
- C. Lập thời gian biểu phù hợp với môi trường học tập mới.
- D. Chủ động làm quen với bạn bè mới.

Câu 5 (0.25 điểm). Ý nào không thể hiện sự tiến bộ của học sinh trong học tập?

- A. Mỗi ngày đến trường đều học thêm được một điều tốt.
- B. Thường xuyên không làm bài tập về nhà.
- C. Biết thay đổi cách học tập và sinh hoạt để học tốt hơn trước.
- D. Biết lập thời gian biểu phù hợp và thực hiện tốt kế hoạch lập ra.

Câu 6 (0.25 điểm). Điểm khác biệt cơ bản giữa trường Trung học cơ sở và trường Tiểu học là gì?

- A. Trường Trung học cơ sở rộng hơn và đẹp hơn.
- B. Trường Trung học cơ sở có nhiều môn học mới, nhiều thầy cô phụ trách các môn học, kiến thức khó hơn.
- C. Trường Trung học cơ sở có nhiều cô giáo hơn.
- D. Trường Trung học cơ sở có nhiều phòng học hơn.

Câu 7 (0.25 điểm). Hành động nào thể hiện đúng tính trung thực?

- A. Chỉ bài cho bạn và trao đổi trong giờ kiểm tra.
- B. Quan tâm, giúp đỡ bạn.
- C. Tự mình làm không chép bài của bạn khi làm bài kiểm tra.
- D. Không xúc phạm đến mọi người.

Câu 8 (0.25 điểm). Em cần làm gì để góc học tập luôn gọn gàng, sạch sẽ?

- A. Khi nào ba mẹ kiểm tra hoặc có khách đến nhà thì mới dọn dẹp cho ngăn nắp, sạch sẽ.
- B. Để vật dụng khắp mọi nơi để dễ dàng lấy bất cứ lúc nào.
- C. Thường xuyên sắp xếp sách vở, đồ dùng cá nhân ngăn nắp, gọn gàng, đúng chỗ quy định.

D. Để những vật dùng hay được dùng ở vị trí dễ nhìn thấy, dễ lấy. Còn những thứ ít được dùng có thể sắp xếp ở vị trí nào cũng được.

Câu 9 (0.25 điểm). Em đã rèn luyện tính kiên trì, chăm chỉ trong lao động và cuộc sống hằng ngày như thế nào?

A. Chỉ làm những việc nhẹ nhàng khi có thời gian.

B. Tự giác làm việc, không ngại những việc khó, luôn cố gắng, kiên trì để hoàn thành mọi công việc được giao.

C. Chỉ làm những việc nhẹ nhàng, né tránh những việc khó khăn, nặng nhọc.

D. Chỉ bắt tay vào làm việc khi có hứng thú.

Câu 10 (0.25 điểm). Đây là biểu hiện của cách thức giao tiếp phù hợp?

A. Có lời nói, thái độ, hành vi phù hợp để tạo sự hài lòng, hoặc tránh làm tổn thương người khác.

B. Lôi kéo bạn khác cùng trêu bạn.

C. Mặc kệ bạn, ai có thân người ấy lo.

D. Chê bai bạn, kể xấu người khác.

Câu 11 (0.25 điểm). Những việc làm nào sau đây thể hiện mối quan hệ hoà đồng với thầy cô và bạn bè?

A. Tham gia hoạt động với các bạn khi được thầy cô yêu cầu.

B. Chỉ xin ý kiến hoặc nhờ thầy cô chỉ bảo thêm về những vấn đề liên quan tới việc học tập ở trường lớp.

C. Chỉ chia sẻ, nói chuyện với những bạn chơi thân trong lớp.

D. Giúp đỡ những bạn có hoàn cảnh khó khăn cả trong và ngoài lớp tùy theo khả năng của mình.

Câu 12 (0.25 điểm). Khi xảy ra mâu thuẫn với bạn, em sẽ làm gì?

A. Đánh bạn.

B. Không chơi với bạn.

C. Gặp bạn để trò chuyện thẳng thắn, chân thành.

D. Mắng bạn.

Câu 13 (0.25 điểm). Em sẽ làm gì nếu được giao một bài tập/dự án trong học tập thuộc vào điểm yếu của mình?

A. Thử tiếp cận đề bài/ đề tài của dự án theo nhiều cách khác mà trước đây chưa từng thử qua, cố gắng tìm cách để cải thiện tốt nhất hiệu quả làm bài.

B. Xin giáo viên đổi cho mình một đề bài/ dự án khác đúng theo sở trường của bản thân.

C. Nhờ các bạn làm hộ bài tập/ dự án đó.

D. Tìm cách tránh né bài tập/ dự án hoặc đẩy sang cho bạn khác trong nhóm, trong lớp làm.

Câu 14 (0.25 điểm). Gần đến kì thi, một số bạn tỏ ra rất lo lắng và căng thẳng. Em sẽ làm gì để giúp đỡ các bạn ấy?

A. rủ các bạn đi chơi đá bóng cho bớt căng thẳng.

B. Chia sẻ kinh nghiệm học tập của mình cho các bạn, khuyên các bạn phải có phương pháp học tập phù hợp để chủ động chiếm lĩnh kiến thức.

C. Khuyên bạn nên đọc truyện cười để bớt căng thẳng.

D. Cho các bạn mượn sách để học.

Câu 15 (0.25 điểm). Những ý nào sau đây không thể hiện mình đã lớn khôn trong cuộc sống hằng ngày?

A. Nhường em nhỏ.

B. Tôn trọng bạn bè.

C. Gây gổ với những người xung quanh.

D. Tự giác học tập.

Câu 16 (0.25 điểm). Khi biết điểm yếu của một bạn trong lớp, em sẽ làm gì?

A. Tránh né, không chơi với bạn và chỉ chơi với những bạn có nhiều điểm mạnh.

PHÒNG GD&ĐT QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS NGỌC LÂM

Năm học 2023 – 2024

Mã đề 602

HƯỚNG DẪN CHẤM
KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I
MÔN: HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM,
HƯỚNG NGHIỆP – KHỐI 6

Thời gian: 60 phút

I. Trắc nghiệm: (5.0 điểm)

Mỗi câu trả lời đúng được 0.25 điểm

Câu																			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
B	A	C	B	B	B	C	C	B	A	D	C	A	B	C	C	A	B	A	A

II. Tự luận: (5.0 điểm)

Câu	Nội dung	Điểm
Câu 1 (2.0 đ)	- HS nêu được 04 sự thay đổi tích cực của bản thân so với khi còn là học sinh tiểu học. (Mỗi ý đúng 0.5 điểm) Gợi ý: + Những thay đổi về chiều cao, cân nặng, vóc dáng... + Những thay đổi của em về ước mơ trong cuộc sống, về tương lai. + Những thay đổi trong ý thức trách nhiệm đối với học tập. + Những thay đổi về cảm xúc trong tình bạn, đối với người thân trong gia đình, thầy cô. - Lưu ý: HS nêu đúng 04 sự thay đổi tích cực của bản thân so với khi còn là học sinh tiểu học đúng vẫn được điểm.	0.5 điểm 0.5 điểm 0.5 điểm 0.5 điểm
Câu 2 (2.0 đ)	- HS nêu được 04 việc nên làm để có một góc học tập gọn gàng, ngăn nắp và khoa học. (Mỗi ý đúng 0.5 điểm) Gợi ý: + Phân loại sách vở để vào từng ô tại giá sách một cách khoa học. + Sắp xếp các đồ dùng học tập, sách vở trên bàn gọn gàng, ngay ngắn sau khi học xong. + Quy định vị trí để từng đồ dùng trên mặt bàn, trong ngăn bàn và các ô tủ. + Thường xuyên dọn dẹp góc học tập, lau chùi đồ đạc để tránh bụi bẩn. - Lưu ý: HS nêu đúng 04 việc nên làm để có một góc học tập gọn gàng, ngăn nắp và khoa học đúng vẫn được điểm.	0.5 điểm 0.5 điểm 0.5 điểm 0.5 điểm
Câu 3 (1.0 đ)	a. Theo em: - Suy nghĩ của A như vậy không đúng - A là người không có tình yêu thương con người. b. Nếu em là bạn của A, em sẽ khuyên A: - Bạn nên đồng cảm với những khó khăn mà đồng bào vùng thiên tai gặp phải. Khuyến khích bạn nên biết quan tâm giúp đỡ những người gặp khó khăn cụ thể là những đồng bào vùng thiên tai. - Nên ủng hộ ủng hộ người nghèo và đồng bào bị bão lụt trong khả năng cho phép của bản thân. - Lưu ý: HS xử lý tình huống phù hợp, đạt yêu cầu vẫn cho điểm.	0.25 điểm 0.25 điểm 0.25 điểm 0.25 điểm



Ban giám hiệu

Ngô Thị Bích Liên

NTCM

(Signature)

Nguyễn Thị Diệu Hà